



VINAMILK

Báo cáo thường niên 2013



CÔNG NGHỆ ĐỈNH CAO
VƯƠN TẦM THẾ GIỚI



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

MÃ CHỨNG KHOÁN: VNM

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Tên tiếng Anh : Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
Tên viết tắt : Vinamilk
Mã chứng khoán : VNM
Vốn điều lệ : 8.339.557.960.000 đồng
Trụ sở chính : 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 54 155 555
Fax : (84-8) 54 161 230
Email : vinamilk@vinamilk.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD và mã số thuế: 0300588569

www.vinamilk.com.vn

THÔNG BÁO

TỔ CHỨC ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) xin trân trọng thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 như sau:

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Mã chứng khoán : **VNM**

Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Ngày giao dịch không hưởng quyền : **20/03/2014**

Ngày đăng ký cuối cùng : **24/03/2014**

1. Thời gian: **25/04/2014, từ 8h – 12h** (đón khách từ 8h00, khai mạc lúc 9h00)
2. Địa điểm: **Khách sạn InterContinental Asiana Sài Gòn** - 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
3. Nội dung:
 - » Báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013
 - » Báo cáo về hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2013
 - » Báo cáo kết quả giám sát Tổng Giám đốc của HĐQT
 - » Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS)
 - » Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:
 - ♦ Báo cáo tài chính đã kiểm toán và báo cáo của BKS về hoạt động năm 2013
 - ♦ Phân phối lợi nhuận năm 2013
 - ♦ Kế hoạch kinh doanh 2014, đề xuất phân phối lợi nhuận 2014, và thù lao của HĐQT, BKS năm 2014
 - ♦ Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2014
 - ♦ Phê duyệt việc bổ nhiệm ông Ng Jui Sia vào HĐQT
 - ♦ Chủ tịch HĐQT đồng thời là Tổng Giám đốc
 - » Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của đại hội đồng cổ đông.
4. Để việc tổ chức ĐHĐCĐ được chu đáo, rất mong quý cổ đông đăng ký tham dự cho Công ty.
Thời gian đăng ký từ ngày **10/04/2014** đến **14 giờ** ngày **24/04/2014**
5. Cổ đông đăng ký tham dự hay ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ, vui lòng đăng ký qua điện thoại, fax hoặc email tại: **Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)**
Số 10 đường Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. HCM
ĐT: (08) 54 155 555 (ext. 108403 / 108401) - Fax: (08) 54 161 226
Email: ntanh1@vinamilk.com.vn
6. Hồ sơ đăng ký ủy quyền cho người khác tham dự bao gồm: giấy ủy quyền tham dự, bản sao giấy Chứng minh Nhân dân (CMND) hoặc hộ chiếu của cổ đông và xuất trình CMND của người được ủy quyền. Mẫu giấy ủy quyền có thể tải từ website Vinamilk tại www.vinamilk.com.vn từ ngày **10/04/2014**.
7. Cổ đông có thể sử dụng thông báo này như thư mời họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ sẽ được đăng tải trên website của Vinamilk kể từ ngày **10/04/2014** tại địa chỉ www.vinamilk.com.vn.
8. Cổ đông khi tham dự đại hội vui lòng đem theo CMND hoặc hộ chiếu (bản chính).

06 — THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN



08 — GIỚI THIỆU CÔNG TY

- » Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
- » Quá trình hình thành và phát triển
- » Ngành nghề kinh doanh chính
- » Danh mục sản phẩm tiêu biểu
- » Địa bàn kinh doanh, hệ thống phân phối
- » Vị thế của Công ty
- » Thông tin cổ đông và cổ phần
- » Quá trình tăng vốn điều lệ



50 — ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- » Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- » Phân tích S.W.O.T
- » Chiến lược phát triển trung và dài hạn



60 — MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

- » Mô hình tập đoàn và các công ty con, liên doanh, liên kết
- » Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- » Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- » Giới thiệu Ban Kiểm soát
- » Giới thiệu Ban Điều hành

NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

80 — BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- » Báo cáo của Ban Kiểm soát
- » Báo cáo giám sát Tổng Giám đốc của Hội đồng Quản trị
- » Báo cáo giám sát Ban Điều hành của Hội đồng Quản trị
- » Báo cáo Quản trị Công ty
- » Báo cáo Quản lý rủi ro
- » Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành
 - » Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - » Tình hình tài chính
 - » Tình hình thực hiện các dự án đầu tư tài sản
 - » Nghiên cứu và phát triển sản phẩm
 - » Không ngừng nâng cao chất lượng vùng nguyên liệu
 - » Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý
 - » Các giải thưởng, danh hiệu đạt được trong năm
- » Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư



130 — BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- » Vinamilk - Thương hiệu gắn bó với cộng đồng



136 — BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- » Thông tin về Công ty
- » Báo cáo của Ban Điều hành
- » Báo cáo Kiểm toán
- » Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- » Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- » Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- » Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



192 — ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

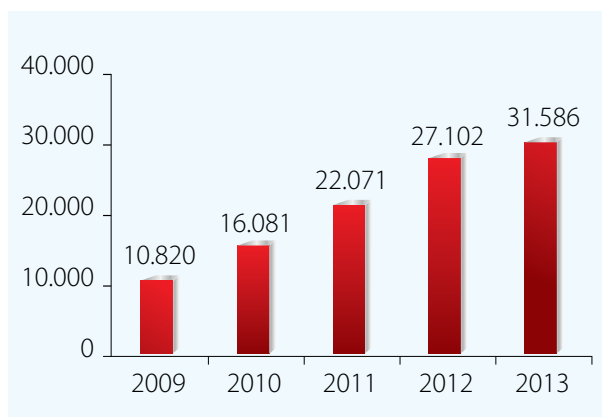
THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN (hợp nhất, đã kiểm toán)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm kết thúc 31/12	2009	2010	2011	2012	2013
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Tổng doanh thu	10.820	16.081	22.071	27.102	31.586
Doanh thu thuần	10.614	15.753	21.627	26.562	30.949
Lợi nhuận gộp	3.879	5.174	6.588	9.077	11.183
<i>Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần</i>	<i>36,5%</i>	<i>32,8%</i>	<i>30,5%</i>	<i>34,2%</i>	<i>36,1%</i>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.595	3.643	4.751	6.630	7.712
Thu nhập khác	136	609	237	287	255
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	-	(0)	(9)	13	44
Lợi nhuận trước thuế	2.731	4.251	4.979	6.930	8.010
Lợi nhuận sau thuế	2.376	3.616	4.218	5.819	6.534
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần</i>	<i>22,4%</i>	<i>23,0%</i>	<i>19,5%</i>	<i>21,9%</i>	<i>21,1%</i>
Lãi trên cổ phiếu (đồng)	6.769	6.834	5.145	6.981	7.839
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tài sản ngắn hạn	5.069	5.920	9.468	11.111	13.019
Tài sản dài hạn	3.413	4.853	6.115	8.587	9.856
Tổng tài sản	8.482	10.773	15.583	19.698	22.875
Nợ ngắn hạn	1.735	2.645	2.947	4.145	4.956
Nợ dài hạn	256	164	159	60	351
Tổng nợ phải trả	1.991	2.809	3.105	4.205	5.307
Vốn chủ sở hữu	6.455	7.964	12.477	15.493	17.545
Lợi ích của cổ đông thiểu số	35	-	-	-	23
Tổng nguồn vốn	8.482	10.773	15.583	19.698	22.875
LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN					
Lợi nhuận trước thuế	2.731	4.251	4.979	6.930	8.010
Khấu hao và phân bổ	234	290	415	535	786
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	2.739	3.892	5.001	7.087	8.402
Dòng tiền thuần từ kinh doanh	3.097	2.019	2.411	6.252	5.295
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.476)	(643)	6	(4.974)	(1.590)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	(533)	(1.188)	126	(2.225)	(3.168)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	426	613	3.157	1.252	2.746

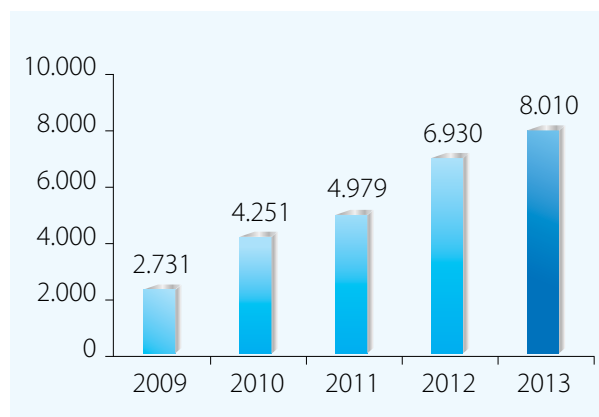
Tổng doanh thu (Tỷ đồng)

↑ 31%
Tăng trưởng
bình quân



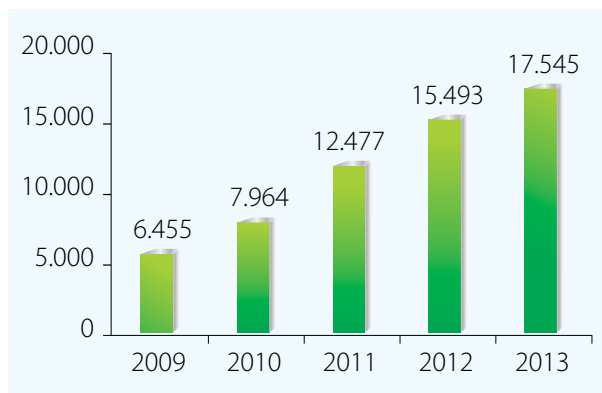
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)

↑ 31%
Tăng trưởng
bình quân

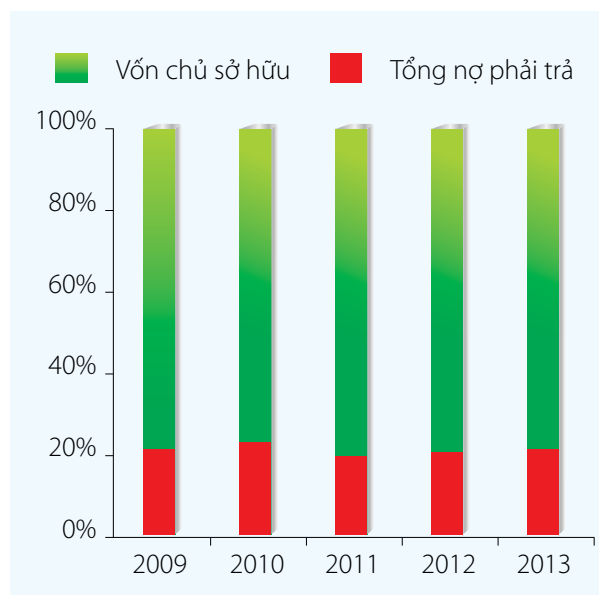


Vốn chủ sở hữu (Tỷ đồng)

↑ 28%
Tăng trưởng
bình quân



Cơ cấu vốn chủ sở hữu và tổng nợ



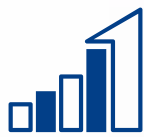




GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề kinh doanh chính
- Danh mục sản phẩm tiêu biểu
- Địa bàn kinh doanh, hệ thống phân phối
- Vị thế Công ty
- Thông tin cổ đông và cổ phần
- Quá trình tăng vốn điều lệ

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Tầm nhìn

Trở thành biểu tượng mang tầm vóc thế giới trong lĩnh vực thực phẩm và thức uống, nơi mà tất cả mọi người đặt trọn niềm tin vào sản phẩm an toàn và dinh dưỡng.



Sứ mệnh

Mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng giá trị nhất bằng tất cả sự trân trọng, tình yêu và có trách nhiệm với cuộc sống.



Giá trị cốt lõi



Liêm chính, trung thực trong
ứng xử và trong tất cả các
giao dịch.



Tôn trọng bản thân, tôn trọng
đồng nghiệp. Tôn trọng Công
ty, tôn trọng đối tác. Hợp
tác trong sự tôn trọng.



Công bằng với nhân viên,
khách hàng, nhà cung cấp và
các bên liên quan khác.



Tôn trọng các tiêu chuẩn đã
được thiết lập và hành động
một cách đạo đức.



Tuân thủ luật pháp,
Bộ Quy tắc Ứng xử và các quy
chế, chính sách, quy định
của Công ty.



CHÍNH TRỰC



TÔN TRỌNG



CÔNG BẰNG



TUÂN THỦ



ĐẠO ĐỨC

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1976

Tiến thân là Công ty sữa, café Miền Nam, trực thuộc Tổng Cục Công nghiệp thực phẩm, với 2 đơn vị trực thuộc là Nhà máy sữa Thống Nhất và Nhà máy sữa Trường Thọ.

1978

Công ty có thêm Nhà máy bột Bích Chi, Nhà máy bánh Lubico và Nhà máy café Biên Hòa. Công ty được chuyển cho Bộ Công nghiệp thực phẩm quản lý và Công ty được đổi tên thành Xí nghiệp liên hợp sữa café và bánh kẹo I.

1989

Nhà máy sữa bột Dielac đi vào hoạt động và sản phẩm sữa bột, bột dinh dưỡng trẻ em lần đầu tiên ra mắt tại Việt Nam.

1991

Cuộc "cách mạng trắng" khởi đầu hình thành chương trình xây dựng vùng nguyên liệu sữa tươi. Lần đầu tiên giới thiệu sản phẩm sữa UHT và sữa chua tại thị trường Việt Nam.

1992

Xí nghiệp liên hợp sữa café và bánh kẹo I được chính thức đổi tên thành Công ty sữa Việt Nam và thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Công nghiệp nhẹ.

1994

Trong chiến lược mở rộng, phát triển và đáp ứng nhu cầu thị trường miền Bắc Việt Nam, Công ty xây dựng Nhà máy sữa Hà Nội.

Ngày 7/10/1994, Công ty thành lập Chi nhánh bán hàng tại Hà Nội, quản lý kinh doanh các tỉnh thuộc khu vực miền Bắc.

2004

Mua thầu tóm Công ty Cổ phần sữa Sài Gòn. Tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.590 tỷ đồng.

2005

Mua số cổ phần còn lại của đối tác liên doanh trong Công ty liên doanh sữa Bình Định, đổi tên Công ty liên doanh Sữa Bình Định thành Nhà máy sữa Bình Định.

Khánh thành Nhà máy sữa Nghệ An vào ngày 30 tháng 06 năm 2005.

2006

Vinamilk chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19 tháng 01 năm 2006.

Tháng 6, khánh thành Phòng khám An Khang tại TP. Hồ Chí Minh chuyên cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng, tư vấn nhi khoa và khám sức khỏe tổng quát tất cả các chuyên khoa. Đây là phòng khám đầu tiên tại Việt Nam được quản trị bằng hệ thống thông tin điện tử.

Tháng 11, khởi động chương trình trang trại bò sữa bắt đầu từ việc mua trang trại bò sữa Tuyên Quang với khoảng 1.400 con bò sữa. Trang trại này đi vào hoạt động ngay sau đó.

2007

Mua cổ phần chi phối 55% của Công ty sữa Lam Sơn vào tháng 9 năm 2007, có trụ sở tại Khu Công nghiệp Lê Môn, Tỉnh Thanh Hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần sữa Lam Sơn.

1996

Liên doanh với Công ty Cổ phần Đông lạnh Quy Nhơn để thành lập Xi nghiệp liên doanh sữa Bình Định. Đưa Nhà máy sữa Hà Nội đi vào hoạt động.

Tháng 5/1996, Công ty thành lập Chi nhánh bán hàng Đà Nẵng, quản lý kinh doanh các tỉnh thuộc khu vực miền Trung.

1998

Để mở rộng và phát triển việc kinh doanh các sản phẩm Vinamilk tại thị trường các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Công ty thành lập chi nhánh bán hàng Cần Thơ.

2001

Khánh thành và đưa Nhà máy sữa Cần Thơ tại miền Tây đi vào hoạt động.

2003

Chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào tháng 11 năm 2003 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam cho phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty.

2008

Khánh thành và đưa Nhà máy sữa Tiên Sơn tại Hà Nội đi vào hoạt động.

2009

Tháng 9, khánh thành trang trại bò sữa Nghệ An. Đây là trang trại bò sữa hiện đại nhất Việt Nam với quy mô trang trại là 3.000 con bò sữa.

2010

Công ty thực hiện chiến lược đầu tư ra nước ngoài bằng việc liên doanh xây dựng một nhà máy chế biến sữa tại New Zealand với vốn góp 10 triệu USD, bằng 19,3% vốn điều lệ.

Nhận chuyển nhượng 100% vốn từ Công ty TNHH F&N Việt Nam và đổi tên thành Nhà máy sữa bột Việt Nam. Đây là dự án xây mới 100% nhà máy sữa bột thứ hai của Công ty.

Mua thầu tóm 100% cổ phần còn lại tại Công ty Cổ phần sữa Lam Sơn để trở thành Công ty TNHH một thành viên sữa Lam Sơn.

Khánh thành và đưa Nhà máy nước giải khát tại Bình Dương đi vào hoạt động.

Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Vinamilk đã được Forbes Asia vinh danh và trao giải thưởng Top 200 doanh nghiệp xuất sắc nhất khu vực châu Á năm 2012. Đây là lần đầu tiên một công ty Việt Nam được Forbes Asia ghi nhận trong danh sách này.

2012

Tháng 6/2012, Nhà máy sữa Đà Nẵng đi vào hoạt động và chính thức sản xuất thương mại.

2013

Ngày 21/10/2013, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty TNHH Bò sữa Thống Nhất, Thanh Hóa. Trong đó, Vinamilk nắm giữ 96,33% vốn điều lệ và trở thành công ty mẹ nắm quyền chi phối tại doanh nghiệp này.

Ngày 06/12/2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 663/BKHĐT-ĐTRNN cho Công ty về việc Công ty mua cổ phần chi phối (70%) tại Driftwood Dairy Holding Corporation, tại bang California, Mỹ.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Những hoạt động chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2013 như sau:

- ◆ Chế biến, sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- ◆ Chăn nuôi: chăn nuôi bò sữa, cung cấp giống vật nuôi và kỹ thuật nuôi; các hoạt động trồng trọt;
- ◆ Cho thuê bất động sản;
- ◆ Cung cấp các dịch vụ phòng khám đa khoa;

Trong đó, hoạt động chăn nuôi nhằm mục đích chính là cung cấp sữa tươi nguyên liệu đầu vào cho sản xuất các sản phẩm từ sữa của Công ty.

Các sản phẩm chủ yếu của Công ty như sau:

- » Sản phẩm sữa: chiếm trên 95% tổng doanh số của Công ty.

Bao gồm các ngành hàng:

- ◆ Sữa bột và bột dinh dưỡng
- ◆ Sữa đặc
- ◆ Sữa nước: sữa tươi thanh trùng, sữa tươi tiệt trùng, sữa tiệt trùng, sữa chua uống
- ◆ Sữa chua ăn
- ◆ Các sản phẩm từ sữa khác: kem, phô mai

- » Sản phẩm nước giải khát: đóng góp dưới 5% tổng doanh thu của Công ty.

Các sản phẩm chính bao gồm:

- ◆ Sữa đậu nành
- ◆ Nước ép trái cây các loại: táo, cam, nho,...
- ◆ Trà các loại: trà xanh nha đam, trà nấm Linh Chi và trà artiso.
- ◆ Nước giải khát: nước uống đóng chai, chanh muối, nước mơ ngâm,...



98%

các bà mẹ chọn Dielac Pedia
liên tục từ 6 tháng trở lên
hài lòng
với sự tăng cân của bé*



*Khảo sát thực tế với trên 400 bà mẹ tại 4 thành phố lớn HCM, Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ (được thực hiện bởi công ty nghiên cứu thị trường IPSOS vào tháng 12/2012).

Thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng:

Thực phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ từ 4-6 tuổi DIELAC PEDIA

DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



BỘT DINH DƯỠNG



SẢN PHẨM DÀNH CHO NGƯỜI LỚN

SẢN PHẨM DINH
DƯỠNG TOÀN DIỆN
DÀNH CHO NGƯỜI
CAO TUỔI



SẢN PHẨM GIÚP
XƯƠNG CHẮC – KHỚP
KHỎE



SẢN PHẨM DÀNH CHO
NGƯỜI BỆNH TIỂU
ĐƯỜNG



SẢN PHẨM GIẢM CÂN



SỮA BỘT VÀ BỘT DINH DƯỠNG

SẢN PHẨM SỮA BỘT DÀNH CHO BÀ MẸ MANG THAI & CHO CON BÚ

DIELAC MAMA



TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE CHO MẸ,
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHO BÉ

Đối tượng

Phụ nữ mang thai và cho con bú trong độ tuổi từ 20 - 35 tuổi.

Đặc điểm

Sản phẩm với công thức mới bổ sung thêm nhiều Vitamin và khoáng chất, giúp tăng cường sức khỏe cho mẹ và hỗ trợ phát triển cho bé.

- ◆ Tăng cường sức khỏe cho mẹ : Sắt, Iod, Chất xơ hòa tan.
- ◆ Hỗ trợ phát triển cho bé : DHA, axit folic, canxi.

Bao bì

- » Dạng hộp thiếc 900g.
- » Dạng hộp giấy 400g.
- » Dạng hộp thiếc 400g.

DIELAC OPTIMUM MAMA



THAI KỲ THOẢI MÁI CHO MẸ, NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN TỐT CHO CON

Đối tượng

Phụ nữ mang thai và cho con bú trong độ tuổi 25 – 40 tuổi.

Đặc điểm

Với công thức Opti-Immune **giúp tăng cường sức khỏe hệ tiêu hóa & đề kháng cho mẹ**, cung cấp đầy đủ các dưỡng chất thiết yếu đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng tăng cao trong thời kỳ mang thai và cho con bú; **giúp mẹ khỏe mạnh, tạo nền tảng cho sự phát triển toàn diện của bé.**

Bao bì

- » Dạng hộp thiếc 900g & 400g.

SẢN PHẨM SỮA BỘT DÀNH CHO TRẺ SƠ SINH & TRẺ NHỎ

DIELAC ALPHA

step 1 / step 2 /
step 123 / step 456



DINH DƯỠNG ĐẶC THÙ CHO TRẺ EM VIỆT NAM

Đối tượng

- ◆ Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi.
- ◆ Có nhu cầu phát triển toàn diện về thể chất và trí não.
- ◆ Có nhu cầu tăng cân khỏe mạnh.

Đặc điểm

Công thức Opti-Grow được phát triển dựa trên nghiên cứu về tình trạng dinh dưỡng và khẩu phần ăn của trên **50.000 trẻ em khắp 63 tỉnh thành.**

- ◆ Hỗ trợ phát triển trí não.
- ◆ Tăng cường sức khỏe và hỗ trợ hệ tiêu hóa.
- ◆ Thúc đẩy phát triển thể chất.

Bao bì

- » Dạng hộp thiếc 900g.
- » Dạng hộp giấy 400g.
- » Dạng hộp thiếc 400g.

DIELAC STAR-CARE



CHO BÉ KHỎE MẠNH & CAO LỚN

Đối tượng

- ◆ Dành cho trẻ từ 2- 6 tuổi.
- ◆ Có nhu cầu phát triển về chiều cao và tăng cường sức đề kháng.

Đặc điểm

Công thức Star-Plus giúp

- ◆ Hỗ trợ hấp thu - Tăng cường sức đề kháng.
- ◆ Giúp phát triển chiều cao - Xây dựng hệ xương.

Bên cạnh đó cũng hỗ trợ:

- ◆ Phát triển trí não và tế bào võng mạc mắt.

Bao bì

- » Dạng hộp thiếc 900g & 400g.
- » Dạng hộp giấy 400g.

DIELAC OPTIMUM

step 1 / step 2 /
step 3 / step 4



NỀN TẢNG TIÊU HÓA, CHO BÉ LỚN MAU

Đối tượng

Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi cần tăng cường hỗ trợ hệ tiêu hóa khỏe mạnh để giúp hấp thu tốt dưỡng chất và phát triển toàn diện.

Đặc điểm

Nhờ bổ sung đậm **Whey giàu Alpha-Lactalbumin**, Dielac Optimum với công thức Opti-Digest **hỗ trợ sức khỏe hệ tiêu hóa, tạo nền tảng cho việc hấp thu tốt các dưỡng chất và tăng khả năng miễn dịch**, giúp trẻ tăng trưởng và phát triển tốt về trí não.

Bao bì

» Dạng hộp thiếc 900g & 400g.

DIELAC PEDIA

Dielac Pedia 1+ và 3+



DINH DƯỠNG ĐẶC THÙ CHO TRẺ BIẾNG ĂN VÀ TĂNG CÂN HIỆU QUẢ

Đối tượng

Dành cho trẻ từ 1 - 6 tuổi đang gặp vấn đề biếng ăn.

Đặc điểm

Công thức sản phẩm được phát triển nhằm giúp bé dần khắc phục chứng biếng ăn trên 3 cơ sở sau:

- ♦ Hỗ trợ tăng trưởng về **cân nặng** và **chiều cao**.
- ♦ Giúp tăng sức **đề kháng**.
- ♦ Bổ sung **dinh dưỡng đầy đủ** và **dễ hấp thu**.

Bao bì

» Dạng hộp thiếc 900g & 400g.

SẢN PHẨM BỘT DINH DƯỠNG

RIDIELAC ALPHA

Gạo sữa / Thịt heo cà rốt / Gạo trái cây / Thịt gà rau củ / Thịt heo bó xôi / Thịt bò rau củ

BỘT NGŨ CỐC DINH DƯỠNG

Đối tượng

Dành cho trẻ từ 6 - 24 tháng.

Đặc điểm

Sản phẩm cung cấp đầy đủ các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, với tỷ lệ cân đối và hài hòa như: DHA & chất xơ hòa tan cùng 20 loại Vitamin và khoáng chất.

Sản xuất từ nguyên vật liệu thơm ngon, và tự nhiên, không chất bảo quản.

Bao bì

- » Dạng hộp thiếc 350g.
- » Dạng hộp giấy 200g.



SẢN PHẨM DINH DƯỠNG DÀNH CHO NGƯỜI LỚN

VINAMILK SURE PREVENT

DINH DƯỠNG TOÀN DIỆN CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI

Đối tượng

- ◆ Người trên 50 tuổi.
- ◆ Người ăn uống kém.
- ◆ Người bệnh cần phục hồi.

Đặc điểm

Sản phẩm dinh dưỡng toàn diện dành cho người cao tuổi, nổi bật với công thức 03 tốt:

- ◆ Giúp ăn ngủ tốt.
- ◆ Tốt cho tim mạch.
- ◆ Tốt cho xương.

Bao bì

- » Dạng bột hộp thiếc 400g.
- » Dạng bột hộp thiếc 900 g.
- » Block 04 hộp giấy 200ml dạng nước.



VINAMILK CANXI PRO

GIÚP XƯƠNG CHẮC – KHỚP KHỎE

Đối tượng

- ◆ Dành cho người trưởng thành trên 30 tuổi.
- ◆ Người mong muốn ngăn ngừa loãng xương và thoái hóa khớp, gây nhức mỏi, vận động khó khăn.

Đặc điểm

Sản phẩm giúp xương chắc, khớp khỏe:

- ◆ Tỷ lệ Canxi: Vitamin D giúp hấp thu Canxi tối ưu, giúp xương chắc khỏe.
- ◆ Bổ sung đậm Collagen thủy phân giúp khớp dẻo dai và linh hoạt.

Bao bì

- » Dạng bột hộp thiếc 400g.
- » Dạng bột hộp thiếc 900g.





VINAMILK DIECERNA

GIÚP BÌNH ỔN ĐƯỜNG HUYẾT

Đối tượng	- Người bị mắc bệnh tiểu đường. - Người có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường.
Đặc điểm	Sản phẩm được nghiên cứu lâm sàng tại Viện Dinh dưỡng Quốc gia VN cho chỉ số đường huyết thấp. - Isomalt: Giúp bình ổn đường huyết. - MUFA, PUFA: Tốt cho tim mạch. - FOS: Tốt cho hệ tiêu hóa. - L-Carnitine: giúp chuyển hóa chất béo thành năng lượng. - Các vitamin và khoáng chất: Giúp tăng cường sức đề kháng, giảm mệt mỏi.
Bao bì	» Dạng bột hộp thiếc 400g.

VINAMILK GIẢM CÂN

GIÚP GIẢM CÂN HIỆU QUẢ, AN TOÀN

Đối tượng	Người bị thừa cân, từ 19 - 65 tuổi.
Đặc điểm	Sản phẩm được kiểm chứng lâm sàng giảm 3,9kg chỉ sau 6 tuần sử dụng và giảm 5cm vòng bụng. L - Carnitine: Đốt cháy chất béo hiệu quả & giải tỏa mệt mỏi. CLA: tăng cường hoạt động của L – Carnitine trong quá trình đốt cháy chất béo; đồng thời ức chế tổng hợp mỡ. Hệ dưỡng chất cân bằng giữa đạm, vitamin và khoáng chất cân đối đảm bảo cung cấp đủ dinh dưỡng cho cơ thể.
Bao bì	» Dạng bột 37,5g/ gói x 14 gói/ hộp.

VINAMILK DINH DƯỠNG

TĂNG CƯỜNG NĂNG LƯỢNG MỖI NGÀY

Đối tượng	Sữa dinh dưỡng dành cho cả gia đình.
Đặc điểm	Vinamilk Dinh Dưỡng với hệ dưỡng chất Pro – Energy giúp: Cung cấp năng lượng cần cho cơ thể: Giàu protein: cung cấp đủ năng lượng cho cơ thể. MCT: chuyển hóa năng lượng nhanh. Vitamin nhóm B: hỗ trợ chuyển hóa các chất dinh dưỡng thành năng lượng. Hệ xương chắc khỏe: Canxi, Phot pho, Magie, Kẽm: xây dựng hệ xương chắc khỏe. Vitamin D: hỗ trợ quá trình chuyển hóa hấp thu Canxi từ thực phẩm vào cơ thể. Hệ tiêu hóa khỏe mạnh: Bổ sung chất xơ hòa tan FOS giúp tăng cường hệ vi khuẩn có lợi trong đường ruột, hỗ trợ hệ tiêu hóa và giảm táo bón.
Bao bì	» Dạng bột hộp giấy 400g. » Dạng bột hộp thiếc 900g.



SỮA ĐẶC CÓ ĐƯỜNG

SỮA ĐẶC CÓ ĐƯỜNG ÔNG THỌ

Nguồn dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của bạn và gia đình bạn, được đặc chế để phục vụ nhu cầu đa dạng của mọi người, dùng để uống như một loại sữa khi pha với nước ấm đã đun sôi, dùng với bánh mì, làm sữa chua, pha cà phê sữa, làm sinh tố...



SỮA ĐẶC CÓ ĐƯỜNG NGÔI SAO PHƯƠNG NAM

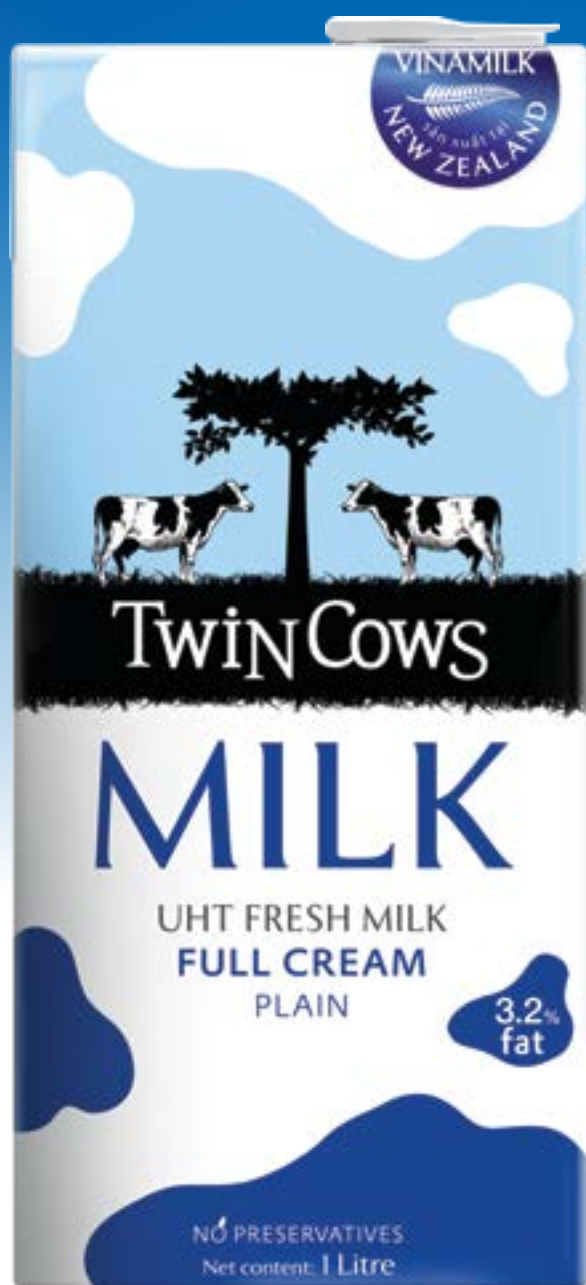
Với thành phần chất béo từ dầu thực vật, không chứa cholesterol, rất thích hợp cho mọi lứa tuổi và đặc biệt tốt cho người ăn kiêng. Sữa đặc có đường Ngôi Sao Phương Nam sẽ là sự kết hợp tuyệt vời khi được dùng để chế biến bánh flan, làm sữa chua và đặc biệt rất thích hợp khi dùng cà phê.



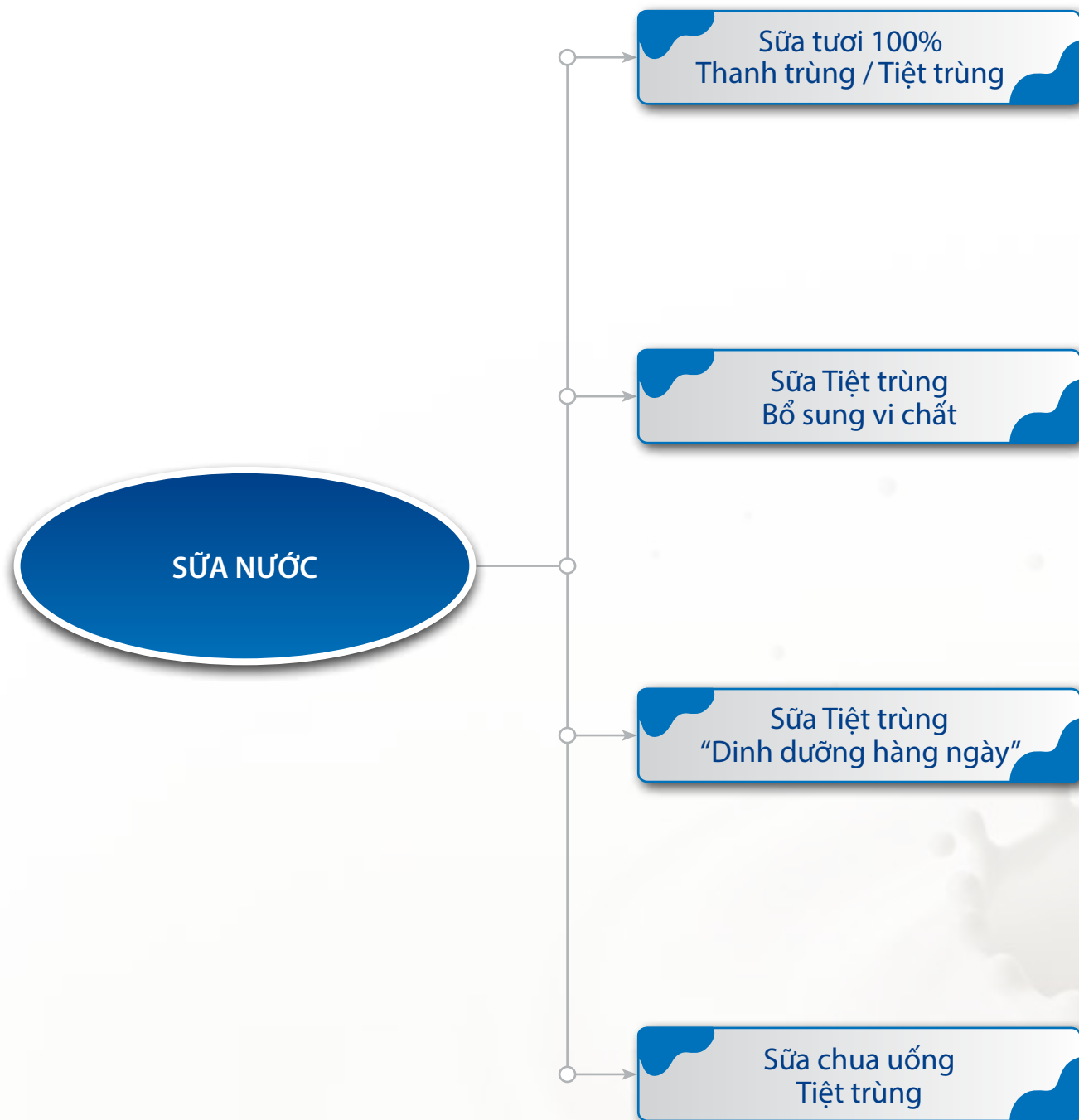


VƯỜN CAO VIỆT NAM

**Sữa tươi 100% tiệt trùng
cao cấp mới của Vinamilk,**
Sản xuất tại New Zealand



Sữa tươi 100% từ đàn bò chăn thả tự nhiên trên đồng cỏ New Zealand





SỮA NƯỚC

SỮA TƯƠI 100% TIỆT TRÙNG - HỖ TRỢ MIỄN DỊCH



Đối tượng

Dành cho mọi lứa tuổi.

Đặc điểm

- Được làm từ 100% sữa bò tươi nguyên chất, giàu các dưỡng chất tự nhiên, tươi ngon và bổ dưỡng. Ngoài ra còn được bổ sung Vitamin D và các dưỡng chất khác (Vitamin A, C, Selen) hỗ trợ miễn dịch, giúp bảo vệ sức khỏe cả gia đình bạn mỗi ngày.
- Được xử lý bằng công nghệ tiệt trùng UHT hiện đại – xử lý ở 140 độ C trong thời gian ngắn (4 – 6 giây), sau đó làm lạnh nhanh giúp tiêu diệt hết vi khuẩn có hại, các loại nấm men, nấm mốc, đồng thời giữ lại tối đa các chất dinh dưỡng và mùi vị tự nhiên của sản phẩm.
- Hoàn toàn không sử dụng chất bảo quản.

Chủng loại sản phẩm

- Có đường.
- Không đường.
- Hương dâu.
- Socola.

Bao bì

» Hộp giấy 110ml, 180ml, 1 lít.

SỮA TƯƠI 100% TÁCH BÉO TIỆT TRÙNG



Đối tượng

Dành cho mọi lứa tuổi, đặc biệt những người cần kiêng chất béo hoặc phòng ngừa tăng cân.

Đặc điểm

- Làm từ 100% sữa bò tươi, được chế biến bằng công nghệ ly tâm tách béo tiên tiến giảm đến 1/3 lượng chất béo, giúp duy trì vóc dáng cân đối.
- Sữa được xử lý bằng công nghệ tiệt trùng UHT hiện đại, hoàn toàn không sử dụng chất bảo quản.

Chủng loại sản phẩm

- Có đường.
- Không đường.

Bao bì

» Hộp giấy 180ml.

SỮA TƯƠI 100% THANH TRÙNG



Đối tượng

Dành cho mọi lứa tuổi.

Đặc điểm

- Được làm từ 100% sữa bò tươi nguyên chất và được xử lý bằng công nghệ ly tâm tách khuẩn, đảm bảo an toàn cho người sử dụng.
- Công nghệ thanh trùng hiện đại – xử lý ở nhiệt độ 90 độ C trong 30 giây rồi làm lạnh nhanh ở 4 độ C, giúp giữ được tốt nhất lượng Vitamin và khoáng chất từ sữa bò tươi nguyên chất.

Chủng loại sản phẩm

- Có đường.
- Không đường.
- Tách béo.

Bao bì

- Hộp giấy 200ml, 900ml.

SỮA TƯƠI 100% TIỆT TRÙNG TWIN COWS NHẬP KHẨU



Đối tượng

Phụ nữ 22 - 45 tuổi, ưa chuộng các sản phẩm sữa tươi nhập khẩu.

Đặc điểm

- Sữa tươi 100% cao cấp mới của Vinamilk sản xuất tại New Zealand. Sữa tươi 100% từ đàn bò chăn thả tự nhiên trên đồng cỏ New Zealand.
- Sữa được xử lý bằng công nghệ tiệt trùng UHT hiện đại, hoàn toàn không sử dụng chất bảo quản.

Chủng loại sản phẩm

- Có đường .
- Không đường.

Bao bì

- Hộp giấy 1 lít.

SỮA TIẾT TRÙNG BỔ SUNG VI CHẤT ADM+



Đối tượng

Dành cho trẻ em từ 4 – 12 tuổi.

Đặc điểm

Sữa ADM giàu Canxi, bổ sung Vitamin A, Vitamin D3, Magiê, Mangan và Kẽm.

- ◆ Vitamin A: Giúp tăng cường thị lực, chống khô mắt.
- ◆ Canxi và Vitamin D3: Giúp phát triển hệ xương, cho xương thêm chắc khỏe.
- ◆ Magiê: Giúp chuyển hóa dinh dưỡng thành năng lượng chống mệt mỏi, suy nhược.
- ◆ Kẽm: Giúp ăn ngon miệng, tăng sức đề kháng.

Sữa được xử lý bằng công nghệ tiết trùng UHT hiện đại, hoàn toàn không sử dụng chất bảo quản.

Chủng loại sản phẩm

- ◆ Có đường.
- ◆ Hương dâu.
- ◆ Socola.

Bao bì

» Hộp giấy 110ml, 180ml.

SỮA TIẾT TRÙNG GIÀU CANXI, ÍT BÉO FLEX



Đối tượng

Dành cho các đối tượng có nhu cầu bổ sung Canxi và theo chế độ kiêng chất béo (cũng thích hợp cho trẻ bị béo phì trên 2 tuổi).

Đặc điểm

- ◆ Được tăng cường Canxi, ít béo để cơ thể luôn cân đối, khỏe khoắn năng động và tràn đầy sức sống.
- ◆ Sữa được xử lý bằng công nghệ tiết trùng UHT hiện đại, hoàn toàn không sử dụng chất bảo quản.

Chủng loại sản phẩm

- ◆ Không đường.

Bao bì

» Hộp giấy 1 lít.

SỮA TIẾT TRÙNG FLEX - KHÔNG LACTOZA



Đối tượng

Dành cho các đối tượng muốn uống sữa để bổ sung Canxi & Vitamin D nhưng lại gặp hiện tượng sôi bụng & khó tiêu do cơ thể không dung nạp Lactosa.

Đặc điểm

- Không Lactosa giúp hạn chế hiện tượng sôi bụng, dễ tiêu hóa. Đồng thời bổ sung thêm Canxi & Vitamin D giúp phòng ngừa loãng xương.
- Sữa được xử lý bằng công nghệ tiết trùng UHT hiện đại, hoàn toàn không sử dụng chất bảo quản.

Chủng loại sản phẩm

- Không đường.

Bao bì

- Hộp giấy 180ml.

SỮA TIẾT TRÙNG “DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY”



Đối tượng

Dành cho mọi lứa tuổi.

Đặc điểm

- Cung cấp các dưỡng chất thiết yếu cho cả gia đình.
- Kinh tế, hợp túi tiền của người tiêu dùng.
- Sữa được xử lý bằng công nghệ tiết trùng UHT hiện đại, hoàn toàn không sử dụng chất bảo quản.
- Giá cả hợp lý.

Chủng loại sản phẩm

- Có đường.
- Không đường.
- Hương dâu.
- Socola.

Bao bì

- Bịch 200ml, 220ml.

SỮA CHUA UỐNG TIỆT TRÙNG VINAMILK



Đối tượng

Dành cho mọi lứa tuổi.

Đặc điểm

- Được bổ sung Prebiotic là chất tạo nên môi trường tốt để các vi sinh có lợi trong đường ruột phát triển mạnh mẽ giúp điều hòa tiêu hóa, để bạn luôn khỏe khoắn và năng động mỗi ngày. Quá trình lên men tự nhiên giúp sản phẩm có hương vị thật thơm ngon và dịu nhẹ.
- Sữa được xử lý bằng công nghệ tiệt trùng UHT hiện đại, hoàn toàn không sử dụng chất bảo quản.

Chủng loại sản phẩm

- Hương dâu.
- Hương cam.

Bao bì

- » Hộp giấy 180ml.

SỮA CHUA UỐNG TIỆT TRÙNG SUSU



Đối tượng

Dành cho trẻ em từ 4 – 12 tuổi.

Đặc điểm

- Được bổ sung chất xơ tự nhiên giúp điều hòa tiêu hóa, cho trẻ luôn khỏe khoắn và năng động mỗi ngày. Quá trình lên men tự nhiên giúp sản phẩm có hương vị thơm ngon dịu nhẹ mà bé sẽ rất thích.
- Sữa được xử lý bằng công nghệ tiệt trùng UHT hiện đại, hoàn toàn không sử dụng chất bảo quản.

Chủng loại sản phẩm

- Hương dâu.
- Hương cam.

Bao bì

- » Hộp giấy 110ml và chai nhựa 90 ml.



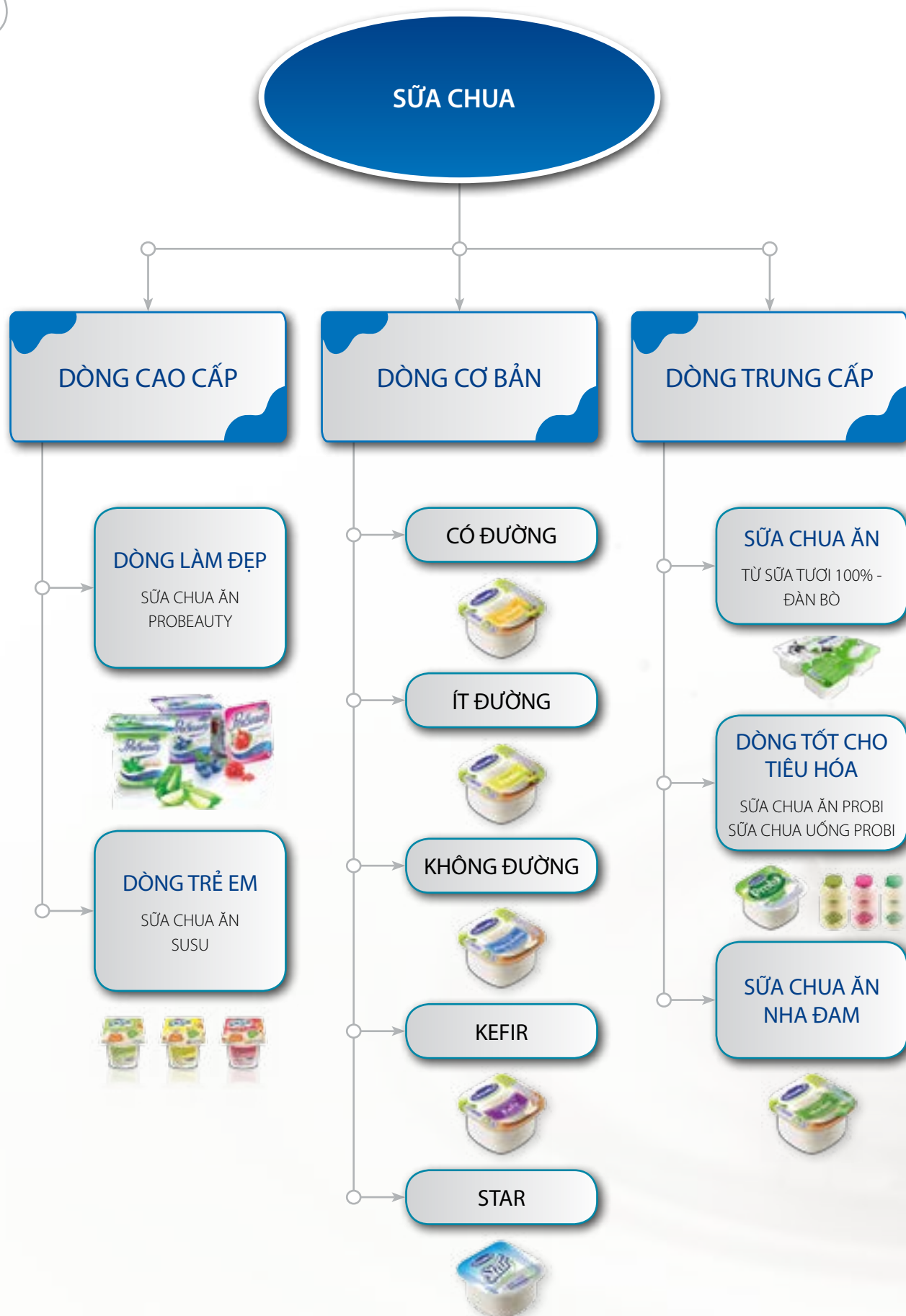
VƯỜN CAO VIỆT NAM

Bạn có đủ Vitamin D hôm nay chưa?



Sữa tươi tiệt trùng VINAMILK 100%
Bổ sung vitamin D, hỗ trợ miễn dịch





SỮA CHUA - DÒNG CAO CẤP

DÒNG LÀM ĐẸP

SỮA CHUA ĂN PROBEAUTY



Đối tượng

Dành cho phụ nữ từ 25 - 35 tuổi.
Quan tâm chăm sóc sắc đẹp.

Đặc điểm

- ◆ Bổ sung Collagen với hàm lượng tối ưu 1.350 mg/ hộp. Giúp da thêm săn chắc và đàn hồi. Mang lại vẻ tươi trẻ, căng mịn cho làn da.
- ◆ Có chứa chất chống oxy hóa từ 2 loại "siêu trái cây" Lựu và Việt quất. Giúp làm chậm quá trình lão hóa da.

Hương vị

- ◆ Lựu.
- ◆ Việt quất.
- ◆ Nha đam.

Bao bì

- » Hộp 100g.
- » Lốc 4 hộp.

DÒNG TRẺ EM

SỮA CHUA ĂN SUSU



Đối tượng

Dành cho trẻ em.

Đặc điểm

- ◆ Bổ sung khoảng 1 tỷ lợi khuẩn Probiotics LCasei 431 từ Đan Mạch giúp cải thiện sức khỏe hệ tiêu hóa & hệ miễn dịch còn non yếu của bé.
- ◆ Chất xơ hòa tan và trái cây xay nhuyễn giúp bé tiêu hóa và hấp thu chất dinh dưỡng tốt hơn. Bé ăn ngon miệng hơn.

Hương vị

- ◆ Có đường.
- ◆ Dâu chuối.
- ◆ Táo chuối.

Bao bì

- » Hộp 80 g.
- » Lốc 4 hộp.

SỮA CHUA - DÒNG CƠ BẢN



Đối tượng

Dành cho mọi lứa tuổi.

Đặc điểm

- ◆ Hương vị thơm ngon, tinh khiết, thanh mát.
- ◆ Nhiều lựa chọn phù hợp với nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.

Hương vị

- ◆ **Có đường:** dành cho người thích hương vị sữa chua truyền thống.
- ◆ **Ít đường:** dành cho người có khẩu vị ăn ít ngọt, ăn kiêng.
- ◆ **Không đường:** dành cho người ăn kiêng.
- ◆ **Không đường Kefir:** dành cho người ăn kiêng, cao cấp hơn với men Kefir tốt cho hệ tiêu hóa và miễn dịch.

Bao bì

- » Hộp 100 g.
- » Lốc 4 hộp.

SỮA CHUA - DÒNG TRUNG CẤP

SỮA CHUA ĂN PROBI

DÒNG TỐT CHO TIÊU HÓA



Đối tượng

Dành cho mọi lứa tuổi, mọi thành viên trong gia đình.

Đặc điểm

- ◆ Bổ sung khoảng 1 tỷ lợi khuẩn Probiotics L.Casei 431 từ Đan Mạch giúp cải thiện sức khỏe hệ tiêu hóa & hệ miễn dịch.
- ◆ Sử dụng Probi mỗi ngày sẽ cảm nhận đường ruột khỏe hơn.

Hương vị

- ◆ Có đường.
- ◆ Dâu.
- ◆ Trái cây.

Bao bì

- » Hộp 100g.
- » Lốc 4 hộp.

SỮA CHUA UỐNG PROBI

DÒNG TỐT CHO TIÊU HÓA



(*): Được Viện Dinh dưỡng Quốc gia Việt Nam cấp giấy chứng nhận.

Đối tượng

Dành cho mọi lứa tuổi, mọi thành viên trong gia đình.

Đặc điểm

- ◆ Bổ sung 13 tỷ lợi khuẩn Probiotics L.Casei 431 từ Đan Mạch, giúp cải thiện sức khỏe hệ tiêu hóa & hệ miễn dịch (được Viện Dinh dưỡng Quốc gia Việt Nam cấp giấy chứng nhận).
- ◆ Sử dụng Probi mỗi ngày sẽ cảm nhận đường ruột khỏe hơn.

Hương vị

- ◆ Có đường.
- ◆ Dâu.
- ◆ Dứa gang.

Bao bì

- » Chai 65 ml.
- » Lốc 5 chai.

**Đối tượng**

Dành cho mọi lứa tuổi.

Đặc điểm

- ◆ Bổ sung Vitamin A, D3.
- ◆ Lên men tự nhiên.
- ◆ Không chất bảo quản.

Hương vị

- ◆ Có đường, thơm ngon, tinh khiết.

Bao bì

- » Hộp 100 g.
- » Lốc 4 hộp.

SỮA CHUA ĂN NHA ĐAM

**Đối tượng**

Dành cho mọi lứa tuổi.
Đặc biệt phụ nữ thích đẹp da.

Đặc điểm

- ◆ Hương vị thơm ngon, tinh khiết, thanh mát.
- ◆ Bổ sung mút Nha đam ăn rất ngon miệng.

Hương vị

- ◆ Nha đam thanh mát.

Bao bì

- » Hộp 100g.
- » Lốc 4 hộp.

SỮA CHUA ĂN TỪ SỮA TƯƠI 100%

**Đối tượng**

Dành cho mọi lứa tuổi.
Đặc biệt người thích sự thơm béo nguyên chất từ sữa bò tươi.

Đặc điểm

- ◆ Hương vị thơm ngon, tinh khiết, thanh mát.
- ◆ Làm từ sữa bò tươi nguyên chất 100%.

Hương vị

- ◆ Có đường.

Bao bì

- » Hộp 100g.
- » Lốc 4 hộp.

NƯỚC GIẢI KHÁT

Nước ép trái cây



Trà



Nước giải khát
trong chai PET



Sữa đậu nành



NƯỚC ÉP TRÁI CÂY



NƯỚC TRÁI CÂY 100 % VFRESH

Nước Trái cây 100 % Vfresh được ép từ nguồn trái cây tươi ngon tự nhiên, hoàn toàn không chứa chất bảo quản, giàu dưỡng chất, cho cơ thể khỏe mạnh và tràn đầy sức sống.

Nước Trái cây 100 % Vfresh - Thức uống thơm ngon bổ dưỡng tự nhiên cho cả gia đình.

Hương vị Cam, Táo, Nho

Bao bì » Hộp giấy 1 lít

Quy cách đóng gói » 12 hộp 1 thùng



NƯỚC TRÁI CÂY NECTA VFRESH

Nước Trái cây Necta Vfresh được ép từ nguồn trái cây tươi ngon tự nhiên, hoàn toàn không chứa chất bảo quản, giàu dưỡng chất, cho cơ thể khỏe mạnh và tràn đầy sức sống.

Nước Trái cây Vfresh - thức uống thơm ngon bổ dưỡng tự nhiên cho cả gia đình.

Hương vị Cam, Đào, Ổi, Cà chua

Bao bì » Hộp giấy 1 lít

Quy cách đóng gói » 12 hộp 1 thùng

NƯỚC TRÁI CÂY ĐA SINH TỐ VFRESH JUKI

Nước Trái cây đa Sinh tố Vfresh Juki, không chỉ thơm ngon với hương vị trái cây rau quả tươi mà còn được bổ sung chất xơ hòa tan và Vitamin C, A, D3 thiết yếu, giúp hỗ trợ hệ tiêu hóa, tăng cường sức đề kháng, cho bé thêm khỏe, thêm vui.

Hương vị Cam siêu phàm, Dâu cực ngầu, Rau Quả Lí Lắc.

Bao bì » Hộp giấy 180 ml và 110 ml.

Quy cách đóng gói » 1 lốc 4 hộp, 48 hộp 1 thùng.

NƯỚC TRÁI CÂY SỮA VFRESH SMOOTHIE

Sự kết hợp độc đáo từ nước ép trái cây tươi và sữa bổ dưỡng tạo nên thức uống giải khát có hương vị ngon tuyệt, đồng thời cung cấp nhiều dưỡng chất, mang đến cho bạn nguồn năng lượng mới, giúp cơ thể khỏe mạnh và tràn đầy sức sống.

Hương vị Cam Sữa, Dâu Sữa, Trái cây Sữa (hỗn hợp 5 loại trái cây màu xanh: Dưa lưới, Kiwi, Táo, Lê, Ổi).

Bao bì » Hộp giấy 330 ml với nắp vận tiện dụng.

Quy cách đóng gói » 1 lốc 3 hộp, 24 hộp 1 thùng.

TRÀ

TRÀ ATISO VFRESH



Trà Atiso Vfresh được sản xuất từ nguồn nguyên liệu Atiso hảo hạng trên Cao nguyên Đà Lạt, có chứa hoạt chất cynarin. Uống Trà Atiso Vfresh hằng ngày giúp giải khát, thanh nhiệt giải độc và tốt cho sức khỏe.

Hương vị Không Đường, ít đường.

Bao bì » Hộp giấy 1 lít.

Quy cách đóng gói » 12 hộp 1 thùng.

NƯỚC GIẢI KHÁT



NƯỚC MƠ NGÂM VFRESH

Nước mơ ngâm Vfresh được chế biến từ những quả mơ tươi ngon đã được ngâm - ủ theo phương pháp truyền thống, kết hợp với đường phèn, hoàn toàn không chứa chất bảo quản nên giữ được hương vị mơ ngâm truyền thống.

Nước mơ ngâm Vfresh là thức uống thơm ngon bổ dưỡng tự nhiên, tốt cho sức khỏe của bạn.

Hương vị Quả Mơ.

Bao bì » Chai 360 ml.

Quy cách đóng gói » 1 lốc 6 chai; 24 chai 1 thùng.



NƯỚC NHA ĐAM VFRESH

Sự kết hợp tuyệt vời giữa nước ép trái cây tươi / trà xanh với hương vị đặc trưng và Nha đam thanh mát, đem lại thức uống không chỉ thơm ngon, sảng khoái, mà còn giúp mang lại vẻ tươi tắn và sức sống cho làn da nhờ các dưỡng chất tự nhiên có trong Nha đam.

Hương vị Trà Xanh Nha đam, Nước Nho Nha đam, Nước Táo Nha đam

Bao bì » Chai 360 ml.

Quy cách đóng gói » 1 lốc 6 chai; 24 chai 1 thùng.

TRÀ NẤM LINCHA - LINCHA



Trà nấm LINCHA với chiết xuất nấm Linh chi và mật ong là thức uống thơm ngon bổ dưỡng, giúp giải khát, hỗ trợ đào thải các gốc tự do và các độc tố trong cơ thể, giúp chống lão hóa và phục hồi sức khỏe nhanh.

1 lít trà nấm LINCHA có 131 g nước Linh chi cô đặc giúp tinh thần sảng khoái và tăng cường sức khỏe.

Hương vị Nấm Linh chi, mật ong.

Bao bì

- » LINCHA không đường hộp giấy 1 lít.
- » LINCHA có đường chai 360 ml.

Quy cách đóng gói

- » Hộp giấy: 12 hộp 1 thùng.
- » Chai nhựa: 1 lốc 6 chai, 24 chai 1 thùng.

NƯỚC TRÁI CÂY VFRESH



Nước Trái cây Vfresh được ép từ nguồn trái cây tươi ngon tự nhiên, hoàn toàn không chứa chất bảo quản, cho cơ thể khỏe mạnh và tràn đầy sức sống.

Hương vị Cam, Táo.

Bao bì

- » Ly 200 ml.

Quy cách đóng gói

- » 1 lốc 4 ly, 48 ly 1 thùng.

NƯỚC GIẢI KHÁT



NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI ICY

Được xử lý bởi công nghệ thẩm thấu ngược và ozon, nước uống đóng chai ICY mang lại hương vị tinh khiết tự nhiên của nước, giúp thanh lọc, làm mát cơ thể và an toàn cho sức khỏe.

Nước uống đóng chai ICY - Giữ lại hương vị tự nhiên của nước.

Bao bì	» Chai 360 ml và 500 ml.
Quy cách đóng gói	» 1 lốc 12 chai, 24 chai 1 thùng.

NƯỚC CHANH MUỐI ICY

Nước uống Chanh muối ICY không chỉ có vị chua mặn đậm đà thật đã khát khi uống, mà còn bù muối, nước, hỗ trợ cân bằng điện giải, giúp cơ thể khỏe khoắn, dẻo dai.

Bao bì	» Chai 360 ml.
Quy cách đóng gói	» 1 lốc 6 chai, 24 chai 1 thùng.

SỮA ĐẬU NÀNH



SỮA ĐẬU NÀNH GIÀU ĐẠM GOLDSOY

Được làm từ 100% hạt đậu nành không biến đổi gen.

Giàu đạm : Tỷ lệ đạm lên tới 3,4 g/ 100 ml.

Hoàn toàn không chứa chất bảo quản.

Bổ sung Calci và Vitamin D, hỗ trợ hệ xương và cho bạn cơ thể dẻo dai, khỏe mạnh.

Hương vị	» Có đường, ít đường, không đường.
Bao bì	» Hộp giấy 1 lít, hộp giấy 200 ml. » Bịch fino 200 ml / 220 ml.

SỮA ĐẬU NÀNH GOLDSOY CAD

Bổ sung Calci và Vitamin D.

Hoàn toàn không chứa chất bảo quản.

Được làm từ 100% hạt đậu nành không biến đổi gen.

Hỗ trợ hệ xương và cho bạn cơ thể dẻo dai, khỏe mạnh.

Hương vị	Có đường.
Bao bì	» Hộp giấy 200 ml. » Bịch fino 200 ml / 220 ml.

LINCHA
Trà Nấm

41

Sản phẩm của
VINAMILK

Kết hợp với Mật Ong



Trà Nấm Linh Chi

TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE
SÁNG KHOÁI TINH THẦN

ĐỊA BÀN KINH DOANH & HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

HƠN

224.000

ĐIỂM BÁN LẺ TRÊN TOÀN QUỐC

Hệ thống phân phối của Công ty tiếp tục được củng cố và không ngừng phát triển nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn của Công ty.

Công ty có địa bàn hoạt động trên phạm vi cả nước và vươn ra nước ngoài.

» **Trong nước:**

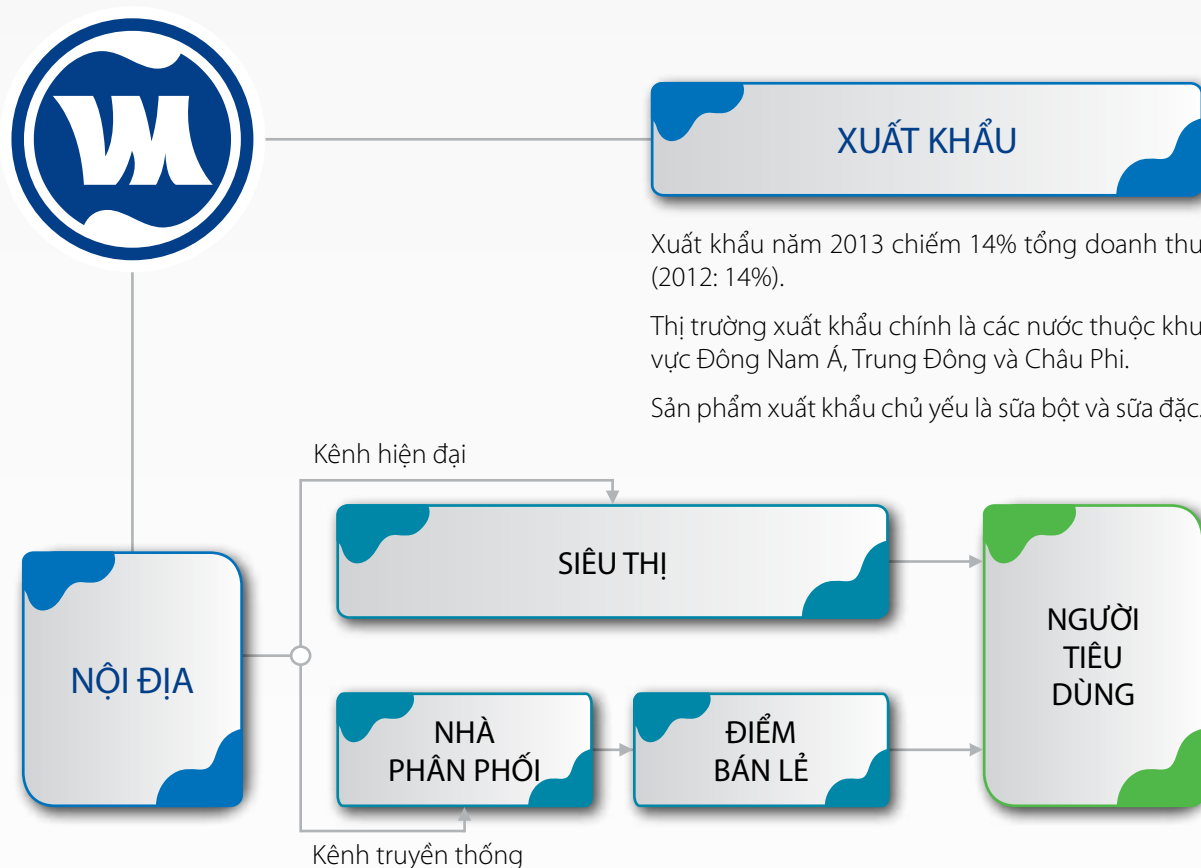
- ◆ 03 chi nhánh bán hàng tại Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ.
- ◆ 12 nhà máy sản xuất (trong đó 01 nhà máy tại miền Bắc, 03 nhà máy tại miền Trung và 08 nhà máy tại miền Nam).
- ◆ 02 xí nghiệp kho vận tại Hồ Chí Minh và Hà Nội, phụ trách kho bãi và vận chuyển nguyên vật liệu và thành phẩm.
- ◆ 01 phòng khám đa khoa tại Hồ Chí Minh.
- ◆ 03 Công ty con đang hoạt động và 01 Công ty liên kết. Trong đó 1 Công ty con chuyên lo về hệ thống trang trại bò sữa của Vinamilk bao gồm 05 trang trại tại Tuyên Quang, Nghệ An, Thanh Hóa, Bình Định và Lâm Đồng.

- » **Nước ngoài:** Công ty có 01 Công ty liên kết đang hoạt động sản xuất sữa bột và sữa tươi tại New Zealand và 01 Công ty con vừa hoàn tất thủ tục mua thầu tóm ngày 31/12/2013 tại bang California, Hoa Kỳ.

60

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM VINAMILK

Mô hình hệ thống phân phối như sau:



Kênh phân phối nội địa:

- » Đối với kênh phân phối hiện đại thì Vinamilk bán hàng trực tiếp đến gần 600 siêu thị trên toàn quốc. Doanh thu bán hàng kênh hiện đại đóng góp 10% vào doanh thu nội địa.
- » Đối với kênh phân phối truyền thống: Vinamilk thiết lập hệ thống gồm 266 nhà phân phối độc quyền trên toàn quốc. Các nhà phân phối được phân chia địa bàn rõ ràng để phục vụ đến các điểm bán lẻ. Tại thời điểm 31/12/2013, Vinamilk đã bao phủ được hơn 224.000 điểm bán lẻ, tăng hơn 24.000 điểm so với cuối năm 2012.
- » Ngoài ra, Vinamilk cũng đã và đang xây dựng hệ thống cửa hàng giới thiệu sản phẩm Vinamilk trên toàn quốc. Hiện nay, Công ty đã có 60 cửa hàng giới thiệu sản phẩm trải dài trên toàn quốc. Dự kiến trong năm 2014 sẽ tiếp tục phát triển thêm 39 cửa hàng.

ĐỊA BÀN KINH DOANH & HỆ THỐNG PHÂN PHỐI” (tiếp theo)



Trụ sở chính
Vinamilk



Nhà máy sữa
Vinamilk



Chi nhánh
bán hàng



Xí nghiệp
kho vận



Phòng khám
đa khoa



Trang trại
bò sữa



VỊ THẾ CỦA CÔNG TY

TOP
50

CÔNG TY SỮA LỚN NHẤT THẾ GIỚI

Với sự phát triển vượt bậc, Công ty đặt ra mục tiêu sẽ đạt tổng doanh số là 03 tỷ Đô la Mỹ và đứng vào Top 50 Công ty sữa lớn nhất thế giới vào năm 2017.

Vinamilk là công ty sữa lớn nhất Việt Nam liên tục trong hơn 37 năm qua kể từ khi thành lập vào năm 1976. Thị phần hiện tại của công ty là hơn 50% trong ngành sữa Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng tổng doanh số, lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu bình quân trong 5 năm gần nhất lần lượt là 31%, 31% và 28%.

Với sự phát triển vượt bậc, Công ty đặt ra mục tiêu sẽ đạt tổng doanh số là 03 tỷ Đô la Mỹ và đứng vào Top 50 công ty sữa lớn nhất thế giới vào năm 2017.

Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào năm 2006. Công ty có giá trị vốn hóa trên thị trường vào thời điểm 31/12/2013 khoảng 5,3 tỷ Đô la Mỹ và đứng thứ 2 về giá trị vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN

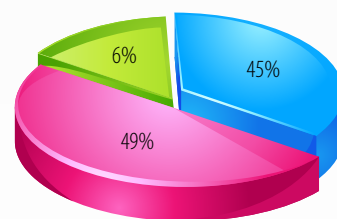
GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

≈ **5,3**
TỶ USD

Vinamilk là doanh nghiệp có giá trị vốn hóa thị trường lớn thứ 2 tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tính đến ngày 31/12/2013, vốn điều lệ của Công ty như sau:

• Vốn điều lệ của Công ty	: 8.339.557.960.000 đồng
• Mệnh giá 1 cổ phiếu	: 10.000 đồng
• Khối lượng cổ phiếu niêm yết	: 833.955.796 cổ phiếu
• Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 833.467.061 cổ phiếu
• Cổ phiếu quỹ	: 488.735 cổ phiếu
• Giá trị vốn hóa trên thị trường	: 112.518 tỷ đồng



- Cổ đông trong nước (trừ SCIC)
- SCIC
- Cổ đông nước ngoài

Cơ cấu cổ đông của Công ty không thay đổi so với năm 2012: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) nắm giữ 45%, cổ đông nước ngoài nắm giữ 49% và cổ đông trong nước nắm giữ 6% vốn điều lệ của Công ty.

Theo danh sách cổ đông chốt gần nhất ngày 18/12/2013:

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	% vốn điều lệ
Tổng số cổ đông	10.931	833.467.061	99,94%
Cổ phiếu quỹ	1	488.735	0,06%
	10.932	833.955.796	100,00%
Cổ đông trong nước	9.766	425.331.126	51,00%
» Tổ chức	82	382.983.418	45,92%
» Cá nhân	9.684	42.347.708	5,08%
Cổ đông nước ngoài	1.166	408.624.670	49,00%
» Tổ chức	204	405.171.255	48,58%
» Cá nhân	962	3.453.415	0,42%

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm, Công ty có 05 đợt mua thu hồi với số lượng là 58.615 cổ phiếu của nhân viên do họ nghỉ việc hoặc điều chuyển công tác theo quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên. Cổ phiếu quỹ tính đến ngày 31/12/2013 là 488.735 cổ phiếu.

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

		Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ %		
		2012	2013	Mua / (Bán)	2012	2013	thay đổi
	Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn						
1	SCIC	375.732.000	375.732.000	-	45,05%	45,05%	0,00%
2	F&N Dairy Investment	79.507.485	79.507.485	-	9,53%	9,53%	0,00%
3	Nhóm cổ đông	45.847.602	49.551.630	3.704.028	5,50%	5,94%	0,44%
	» Beira Limited (*)	2.139.555	2.168.555	29.000	0,26%	0,26%	0,00%
	» Deutsche Bank AG London (*)	39.967.830	43.300.668	3.332.838	4,79%	5,19%	0,40%
	» Epsom Limited (*)	3.076.422	3.464.422	388.000	0,37%	0,42%	0,05%
	» Greystanes Limited (*)	663.795	617.985	(45.810)	0,08%	0,07%	-0,01%

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ



Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Số lượng Cổ phiếu phát hành	Số lượng Cổ phiếu sau phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành
31/12/2005	Vốn điều lệ ngay trước khi niêm yết		159.000.000	1.590.000.000.000
Tháng 3/2007	Một chi nhánh ngân hàng nước ngoài	7.950.000	166.950.000	1.669.500.000.000
Tháng 3/2007	Cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 20:1)	8.325.670	175.275.670	1.752.756.700.000
Tháng 6/2009	Người lao động (ESOP 2008)	364.640	175.640.310	1.756.403.100.000
Tháng 9/2009	Cổ đông hiện hữu (Cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 1:1)	175.624.990	351.265.300	3.512.653.000.000
Tháng 2/2010	Người lao động (ESOP 2009)	1.806.820	353.072.120	3.530.721.200.000
Tháng 2/2011	Người lao động (ESOP 2010)	3.498.520	356.570.640	3.565.706.400.000
Tháng 5/2011	Phát hành riêng lẻ	10.700.000	367.270.640	3.672.706.400.000
Tháng 6/2011	Người lao động (ESOP 2011)	3.554.910	370.825.550	3.708.255.500.000
Tháng 12/2011	Cổ đông hiện hữu (Cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 1:1)	185.289.204	556.114.754	5.561.147.540.000
Tháng 12/2012	Cổ đông hiện hữu (Cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 2:1)	277.841.042	833.955.796	8.339.557.960.000



HƯƠNG VỊ THƠM NGON TỪ NGUỒN SỮA TƯƠI NGUYÊN CHẤT

Năm 2013, hai trang trại chăn nuôi bò sữa của Vinamilk được tổ chức Bureau Veritas - Pháp cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Hiện nay, Vinamilk sở hữu 5 trang trại lớn trên cả nước và sắp tới Vinamilk sẽ đầu tư thêm nhiều trang trại mới với quy mô hiện đại, đưa Vinamilk trở thành đơn vị tiên phong trong ngành chăn nuôi bò sữa tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Phân tích S.W.O.T
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2013, Vinamilk khánh thành 2 nhà máy sữa lớn hiện đại bậc nhất thế giới tại tỉnh Bình Dương là Nhà máy sữa bột Việt Nam có vốn đầu tư 2.000 tỷ đồng, hoạt động từ tháng 4/2013 và Nhà máy Sữa Việt Nam (chuyên sản xuất sữa nước) có vốn đầu tư 2.400 tỷ đồng khánh thành vào tháng 9/2013.





Kính gửi Quý Cổ đông!

Năm 2013 tiếp tục là một năm với nhiều khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp hàng tiêu dùng nói riêng, một chỉ số có thể dễ nhận thấy theo báo cáo của Tổng cục thống kê là tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chỉ tăng khoảng 12,6% so với năm 2012 và là mức tăng thấp nhất trong bốn năm trở lại đây.

Trong bối cảnh đó, Vinamilk đã phấn đấu và vượt qua khó khăn để hoàn thành mục tiêu của mình với các kết quả đáng khích lệ. Theo định hướng doanh thu – lợi nhuận giai đoạn 2012 - 2016, đến năm 2013, Vinamilk đã đạt tổng doanh thu là 31.586 tỷ đồng (tăng 16,6% so với năm 2012), tổng lợi nhuận là 6.534 tỷ đồng (tăng 12,3% so với năm 2012). Mặc dù mức tăng này thấp hơn mức tăng của các năm trước nhưng nhờ những nỗ lực trong việc tối ưu hóa hiệu quả quản lý, kiểm soát tốt chi phí, lợi nhuận của Vinamilk đã vượt 5% so với kế hoạch (tương đương vượt 304 tỷ đồng) và nếu xét theo lũy kế, chỉ tiêu lợi nhuận cho đến năm 2013 đã đạt được 95% so với kế hoạch tới năm 2016. Điều này cho thấy rằng Vinamilk đã đạt được những cột mốc theo kế hoạch 5 năm. Thời điểm hiện nay, giá trị vốn hóa của Vinamilk là 112.518 tỷ đồng (tương đương 5,35 tỷ USD và tăng 53,4% so với cuối năm 2012) cho thấy vị thế và danh tiếng của Vinamilk tiếp tục được khẳng định.

Với triết lý phát triển bền vững, bên cạnh mục tiêu tài chính, Vinamilk luôn chú trọng đến việc hoàn thành các mục tiêu trên các phương diện về nhân viên, xã hội và hệ thống. Đối với nhân viên, Vinamilk thực hiện các chương trình để đảm bảo quyền lợi cho nhân viên như áp dụng chế độ bảo hiểm sức khỏe cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, nâng cao chất lượng nguồn lực và duy trì đội ngũ thông qua triển khai công tác hoạch định nhân sự kế thừa. Đối với xã hội – cộng đồng, Vinamilk đã hoàn thành nghĩa vụ đóng Thuế vào ngân sách nhà nước, chia sẻ trách nhiệm với xã hội thông qua các hoạt động xã hội thiết thực, ý nghĩa và tài trợ cho các chương trình phát triển về thể chất và trí tuệ cho trẻ em Việt Nam. Đối với hệ thống hoạt động, Vinamilk đã từng bước triển khai hoàn thiện và cải tiến trên các lĩnh vực như quản trị công ty, quản trị dự án, quản trị nhân sự...

VINAMILK
ĐÚNG VỊ TRÍ THỨ
2
TRONG TOP 10
DOANH NGHIỆP
TỰ NHÂN
LỚN NHẤT VIỆT NAM

Đến 2013, Vinamilk đã xây dựng những nền móng đầu tiên để thực hiện quốc tế hóa nhằm đảm bảo chủ động trong nguồn cung ứng nguyên vật liệu, mở rộng sản xuất kinh doanh ra các thị trường mới thông qua việc đầu tư ra nước ngoài ở các quốc gia tiềm năng được lựa chọn như Mỹ, Campuchia...

Với tầm nhìn và sứ mệnh mới, bước sang năm 2014, Vinamilk tiếp tục đặt ra các mục tiêu phù hợp với tình hình chung của nền kinh tế và các giá trị nội lực của Công ty để nỗ lực và phấn đấu. Đặc biệt, bên cạnh mục tiêu tài chính, Vinamilk sẽ tập trung vào công cuộc thay đổi trong tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thay mặt Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng và các Đối tác vì sự ủng hộ và hợp tác trong thời gian qua. Với sự nỗ lực của toàn bộ tập thể cán bộ nhân viên của Công ty, sự đồng tình và ủng hộ của Quý cổ đông, tôi tin rằng Vinamilk sẽ hoàn thành các mục tiêu đặt ra trong năm tới.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014.



MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

DOANH SỐ
XUẤT KHẨU ĐẠT

4.415
TỶ ĐỒNG



PHÂN TÍCH S.W.O.T

ĐIỂM MẠNH

- » Vinamilk là thương hiệu sữa lớn nhất và có mặt trên thị trường hơn 37 năm.
- » Công nghệ và máy móc thiết bị sản xuất sữa hiện đại bậc nhất thế giới. Sản phẩm đạt chất lượng tiêu chuẩn quốc tế. Có năng lực sản xuất nhiều loại sản phẩm. Danh mục sản phẩm đa dạng và phong phú đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.
- » Hệ thống phân phối mạnh và rộng khắp cả nước: Công ty có 266 nhà phân phối độc quyền, bao phủ hơn 224.000 điểm bán lẻ và bán trực tiếp cho hơn 600 siêu thị trên toàn quốc. Ngoài ra, Công ty còn xuất khẩu đi nhiều nước trong khu vực và thế giới.
- » Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm có kinh nghiệm và năng lực. Hợp tác với các Công ty nghiên cứu hàng đầu thế giới để đưa ra thị trường các sản phẩm có chất lượng tốt nhất và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời đáp ứng được sở thích của từng nhóm đối tượng sử dụng.
- » Áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý doanh nghiệp (ERP) từ khâu sản xuất, quản lý chất lượng cho đến khâu lưu thông phân phối.
- » Ban Điều hành có năng lực và nhiều kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sữa, gắn bó với Công ty qua nhiều năm, am hiểu thị trường sữa Việt Nam và xu hướng tiêu dùng nhằm đưa ra chiến lược phát triển bền vững cho Công ty.

ĐIỂM YẾU

- » Phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu sữa nhập khẩu. Nguồn nguyên liệu sữa trong nước chỉ đáp ứng khoảng 30% nhu cầu sản xuất. Do đó, sự ổn định của nguồn cung cấp và giá cả nguyên liệu sữa đầu vào phụ thuộc chính vào quan hệ cung – cầu sữa của thế giới.
- » Sự tăng trưởng lớn và liên tục trong những năm vừa qua tạo áp lực lên hệ thống quản lý và nhân sự của công ty. Đội ngũ kế thừa có đầy đủ năng lực còn hạn chế.
- » Nhiều sản phẩm mới đã nghiên cứu nhưng chưa tung được ra thị trường.
- » Năng suất chăn nuôi thấp hơn thế giới và giá thành sữa tươi nguyên liệu nội địa cao ảnh hưởng đến lợi nhuận.

CƠ HỘI

- » Tiềm năng thị trường sữa tại Việt Nam còn rất lớn: mức tiêu thụ sữa bình quân đầu người tại Việt Nam còn rất thấp so với các nước trong khu vực và thế giới. Các sản phẩm sữa cho các mục đích đặc biệt chưa được sản xuất nhiều bởi các nhà sản xuất trong nước, trong khi sản phẩm nhập khẩu có giá thành quá cao. Do đó, Công ty còn nhiều cơ hội tăng trưởng tốt và dài hạn.
- » Mở rộng và đa dạng hóa hệ thống phân phối nội địa: mở thêm điểm bán lẻ, phát triển chuỗi cửa hàng giới thiệu sản phẩm Vinamilk.
- » Hiện nay, Công ty đã xuất khẩu đi nhiều nước và đóng góp cho tổng doanh thu khoảng 14%. Tuy nhiên, Công ty vẫn còn nhiều cơ hội để mở rộng thị trường xuất khẩu và phạm vi hoạt động ra nước ngoài.

THÁCH THỨC

- » Thị trường sữa ngày càng cạnh tranh gay gắt, đặc biệt là với các hãng sữa nổi tiếng thế giới.
- » Cam kết của Việt Nam về việc cắt giảm thuế quan trong tương lai sẽ làm cho mức độ cạnh tranh ngày càng mạnh hơn. Nhiều tập đoàn lớn mạnh có cơ hội tham gia vào thị trường sữa tại Việt Nam.
- » Sự tăng trưởng ngành sữa nội địa phụ thuộc vào sự ổn định của kinh tế vĩ mô Việt Nam. Năm 2013 cho thấy có sự giảm sút về ngành hàng tiêu dùng và có thể vẫn còn nhiều thách thức trong các năm tới.
- » Thu nhập dân cư thấp ảnh hưởng đến mức tiêu thụ sữa.
- » Sữa thuộc nhóm hàng trong nhóm sản phẩm đăng ký giá, bình ổn giá của nhà nước gây khó khăn trong điều hành giá bán.
- » Kinh tế thế giới sẽ có ảnh hưởng lớn đến tính ổn định về giá cả và nguồn cung nguyên liệu sữa đầu vào cho Vinamilk trong tương lai và nó nằm ngoài tầm kiểm soát của Vinamilk.
- » Khả năng duy trì mức độ tăng trưởng cao và hiệu quả tài chính vượt bậc trong tương lai.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN



MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

Kế hoạch đầu tư tài sản:

- » Đạt mức doanh số để trở thành một trong 50 công ty sữa lớn nhất thế giới, với mục tiêu trong giai đoạn 2012 -2016 đạt mức doanh số 3 tỷ USD.
- » Duy trì việc phân chia cổ tức hàng năm cho các Cổ đông, với tỷ lệ cổ tức tối thiểu là 30% mệnh giá.

Khách hàng:

- » Là doanh nghiệp có sự thỏa mãn của khách hàng về chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý và hệ thống phân phối tốt nhất Việt nam.

Quản trị doanh nghiệp:

- » Trở thành doanh nghiệp có cơ cấu, quản trị điều hành chuyên nghiệp được công nhận.
- » Trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc mà tại đó nhân viên có thể phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung và trở thành một trong các doanh nghiệp hàng đầu mà nhân viên đánh giá là lý tưởng để làm việc.



CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC LĨNH VỰC QUAN TRỌNG CẦN CẢI TIẾN ĐỂ NÂNG CAO CÁC YẾU TỐ TRÊN

Trong các lĩnh vực trong một doanh nghiệp, vào giai đoạn này, 3 lĩnh vực quan trọng tạo ra đòn bẩy cho việc đạt sứ mệnh.

- » Phát triển quản trị nguồn nhân lực chiến lược.
- » Duy trì và quản lý hoạt động với mục tiêu phát triển bền vững.
- » Hoạch định và thực thi các lĩnh vực quản lý Kiến thức, Cải tiến và Sự thay đổi.



Hệ thống bốn chứa sữa nguyên liệu của “Siêu nhà máy” sữa nước

NÂNG TẦM QUỐC TẾ

TỪ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ

Năm 2013, Vinamilk khánh thành 2 nhà máy với công nghệ tiên tiến bậc nhất thế giới. Trong đó, nhà máy sữa nước được thiết kế dựa trên giải pháp tự động hóa Tetra Plant Master, cho phép kết nối và tích hợp toàn bộ nhà máy từ nguyên liệu đầu vào cho đến thành phẩm. Nhờ đó, nhà máy luôn kiểm soát được chất lượng sản phẩm, đạt hiệu quả sản xuất ở mức cao nhất.



VINAMILK

O SỮA VIỆT XỨNG TẦM THẾ GIỚI

MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

- Mô hình tập đoàn và các Công ty con, liên doanh, liên kết
- Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- Giới thiệu Ban Kiểm soát
- Giới thiệu Ban Điều hành

MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN VÀ CÁC CÔNG TY CON, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT



THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY CON, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT:

STT	Tên Công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Vinamilk (%)
1	Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	Chăn nuôi bò sữa	840	100
2	Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ sữa	80	100
3	Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Kinh doanh bất động sản (Chưa hoạt động)	160	100
4	Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	Chăn nuôi bò sữa	600	96,33
5	Driftwood Dairy Holding Corporation	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ sữa	10 triệu cổ phần	70
6	Công ty TNHH Miraka	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sữa và thực phẩm	72,8 triệu cổ phần	19,3
7	Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu - Sài Gòn (AFI)	Sản xuất bột crème dùng cho thực phẩm	120	15



1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM

Được thành lập ngày 11/07/2007, là Công ty con 100% vốn do Vinamilk đầu tư. Công ty này xây dựng các trang trại chăn nuôi bò sữa hạt nhân để cung cấp giống và hỗ trợ kỹ thuật công nghệ chăn nuôi bò cho nông dân nhằm tạo nguồn cung sữa tươi nguyên liệu chất lượng và ổn định cho nhu cầu của Vinamilk.

Các trang trại đều được đầu tư tốt về con giống, thức ăn đầu vào chất lượng, chuồng trại và công nghệ vắt sữa tiên tiến của Châu Âu để đảm bảo nguồn sữa tươi nguyên liệu có chất lượng tốt nhất. Đây là nguồn sữa nguyên liệu cung cấp để sản xuất dòng sản phẩm sữa tươi nguyên chất 100% cho các nhà máy của Công ty mẹ Vinamilk.

Tính đến ngày 31/12/2013, Công ty con này đang quản lý 05 trang trại bò sữa, bao gồm trang trại Tuyên Quang, Nghệ An, Thanh Hóa, Bình Định và Lâm Đồng với tổng đàn có 8.818 con (2012: 8.124 con).

Sản lượng sữa tươi nguyên liệu của Công ty con này cung cấp cho Vinamilk năm 2013 là 24.491 tấn, tăng 23% so với năm 2012 (2012 là 19.857 tấn).



2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỮA LAM SƠN

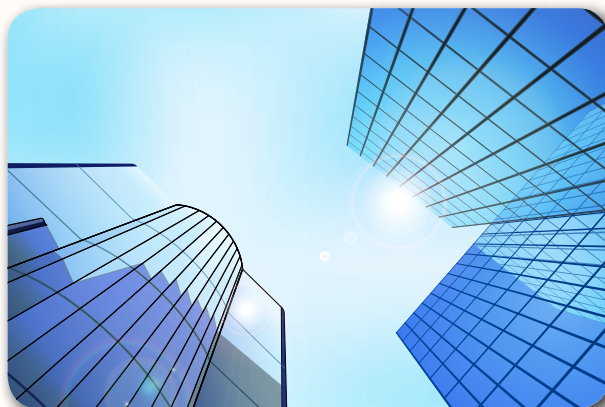
Công ty hiện có một nhà máy sản xuất sữa đặt tại Khu Công nghiệp Lễ Môn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Theo quy hoạch thì nhà máy này sản xuất chủ yếu sữa thanh trùng và sữa chua ăn mang nhãn hiệu Vinamilk phục vụ nhu cầu thị trường tại các vùng lân cận.

Năng lực sản xuất của nhà máy là 49.28 triệu lít sữa tươi và 156 triệu hũ sữa chua ăn.

Các thông tin tài chính cơ bản:

(Tỷ đồng)	2013	2012	% Tăng /(Giảm)
Tổng doanh thu	299	331	(10%)
Lợi nhuận trước thuế	33	43	(23%)
Lợi nhuận sau thuế	31	39	(21%)
Tổng tài sản	331	220	50%



3. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN QUỐC TẾ

Được thành lập ngày 22/12/2006 nhằm đầu tư vào lĩnh vực bất động sản. Tuy nhiên, theo chiến lược của Vinamilk sẽ tập trung vào lĩnh vực sản xuất chính nên đến nay chưa triển khai dự án bất động sản đáng kể nào. Công ty đã có quyết định giải thể trong năm 2014,



4. TẬP ĐOÀN SỮA DRIFTWOOD

Driftwood được thành lập bởi gia đình Dolan ở El Monte, California vào giữa những năm 1940 và liên tục được sở hữu bởi gia đình họ cho đến khi Marwit Capital mua thâu tóm công ty vào năm 2006. Vào ngày 31/12/2013, Vinamilk nắm giữ 70% vốn cổ phiếu của Tập đoàn này.

Công suất: Hằng năm, Driftwood chế biến hơn 18 triệu gallon sữa và 7 triệu gallon nước ép.

Sản phẩm: Công ty chế biến và phân phối đa dạng những sản phẩm từ sữa có thương hiệu là Driftwood. Tổng cộng có khoảng 659 sản phẩm

- » Sữa tươi, sữa Sôcôla, Sữa có hương vị, Sữa đậu nành, Sữa không đường;
- » Nước ép: Cam, Táo, Dầu rừng, Cherry, Nho, Thơm, rượu pân trái cây;
- » Thực phẩm thương mại: bao gồm sữa chua, kem, phô mai, trứng, phô mai tách sữa, kem chua, sữa lên men và bánh mì.

Kênh phân phối: Driftwood là một trong những nhà sản xuất sữa lớn nhất California, và là người cung cấp sữa dẫn đầu ở những trường phía Nam California. Driftwood có 106 tuyến phân phối.

Do Vinamilk mua thâu tóm Driftwood Dairy Holding Corporation vào ngày 31/12/2013 nên sẽ không có thông tin hợp nhất về báo cáo thu nhập.

Vui lòng xem thêm thông tin về tập đoàn sữa Driftwood tại website: www.driftwooddairy.com



5. CÔNG TY TNHH BÒ SỮA THỐNG NHẤT THANH HÓA

Đây là Công ty TNHH Hai Thành viên có vốn điều lệ 600 tỷ đồng do Vinamilk góp 96,33% và Công ty TNHH Một Thành viên Thống Nhất Thanh Hóa góp 3,67%. Giấy đăng ký kinh doanh được cấp ngày 21/10/2013. Mục tiêu hoạt động kinh doanh chính của Công ty là trung tâm chăn nuôi bò sữa với kỹ thuật và công nghệ cao và phát triển đàn bò ra ngoài dân để cung cấp sữa tươi nguyên liệu cho Vinamilk. Trang trại sẽ áp dụng những tiến bộ công nghệ chăn nuôi bò sữa tiên tiến hàng đầu trên thế giới trong chăm sóc, nuôi dưỡng, kiểm soát dịch bệnh, khai thác sữa, quản lý đàn bò và bảo vệ môi trường. Đồng cỏ sẽ trồng những loại cây thức ăn thô xanh chất lượng cao, công nghệ canh tác, tưới tiêu, thu hoạch bằng máy móc cơ giới hiện đại. Tổng đàn bò dự kiến sẽ đạt 25.000 con vào năm 2020.

Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư cơ sở hạ tầng và dự kiến sẽ chính thức đi vào hoạt động vào quý 1 năm 2015.



6. CÔNG TY TNHH MIRAKA

Tổng số cổ phần là 72,8 triệu cổ phần. Trong đó, Vinamilk nắm giữ 19,3% (với số vốn đã góp là 14,4 triệu NZD). Đây là dự án đầu tư ra nước ngoài đầu tiên của Vinamilk. Nhà máy chế biến sữa nguyên liệu chất lượng cao có trụ sở đặt tại trung tâm Đảo Bắc của New Zealand. Nhà máy thu mua sữa tươi từ nông dân tại vùng Taupo và sản xuất các sản phẩm sữa bột cao cấp bán ra thị trường quốc tế.

Nhà máy chế biến bột sữa cao cấp với công suất 32.000 tấn/năm. Nhà máy Miraka được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại, công nghệ đạt chuẩn quốc tế, sử dụng năng lượng hơi nước có thể thu hồi và điện địa nhiệt (điện sản xuất từ nhiệt trong lòng đất).

Tính tự động hóa của dây chuyền sản xuất cũng rất cao, robot máy thay thế nhân lực rất nhiều.

Đây là chiến lược đầu tư đúng đắn dài hạn trong việc đảm bảo nguồn cung cấp sữa nguyên liệu chất lượng và ổn định cho Vinamilk.

Miraka đi vào hoạt động tháng 8/2011 và đạt công suất 100% vào tháng 8/2012.

Với sự thành công đó, Miraka đang mở rộng và đầu tư một dây chuyền sữa tươi có công suất 80 triệu lít/năm. Tổng vốn đầu tư cho dây chuyền này là NZD 26.945.157, Miraka dự kiến sẽ đưa dây chuyền này vào sản xuất thương mại trong năm 2014. Một phần sản lượng sẽ được nhập về Việt Nam với thương hiệu Twin Cows. Thương hiệu sữa tươi Twin Cows được sản xuất tại New Zealand sẽ được bổ sung vào danh mục sản phẩm sữa tươi cao cấp của Vinamilk.

Các thông tin tài chính cơ bản (năm tài chính kết thúc 31/7):

(NZD)	2013	2012	% Tăng / Giảm
Tổng doanh thu	164.023.200	125.361.635	31%
Lợi nhuận trước thuế	7.612.073	2.555.950	198%
Lợi nhuận sau thuế	5.494.223	1.813.662	203%
Tổng tài sản	111.478.786	97.082.279	15%



7. CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU THỰC PHẨM Á CHÂU SÀI GÒN ("AFI")

Được thành lập ngày 07/05/2008. Vốn điều lệ của Công ty là 120 tỷ đồng. Trong đó, Vinamilk tham gia góp vốn 18 tỷ đồng, chiếm 15%. AFI tọa lạc tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 - Bình Dương với tổng diện tích trên 42.000 m².

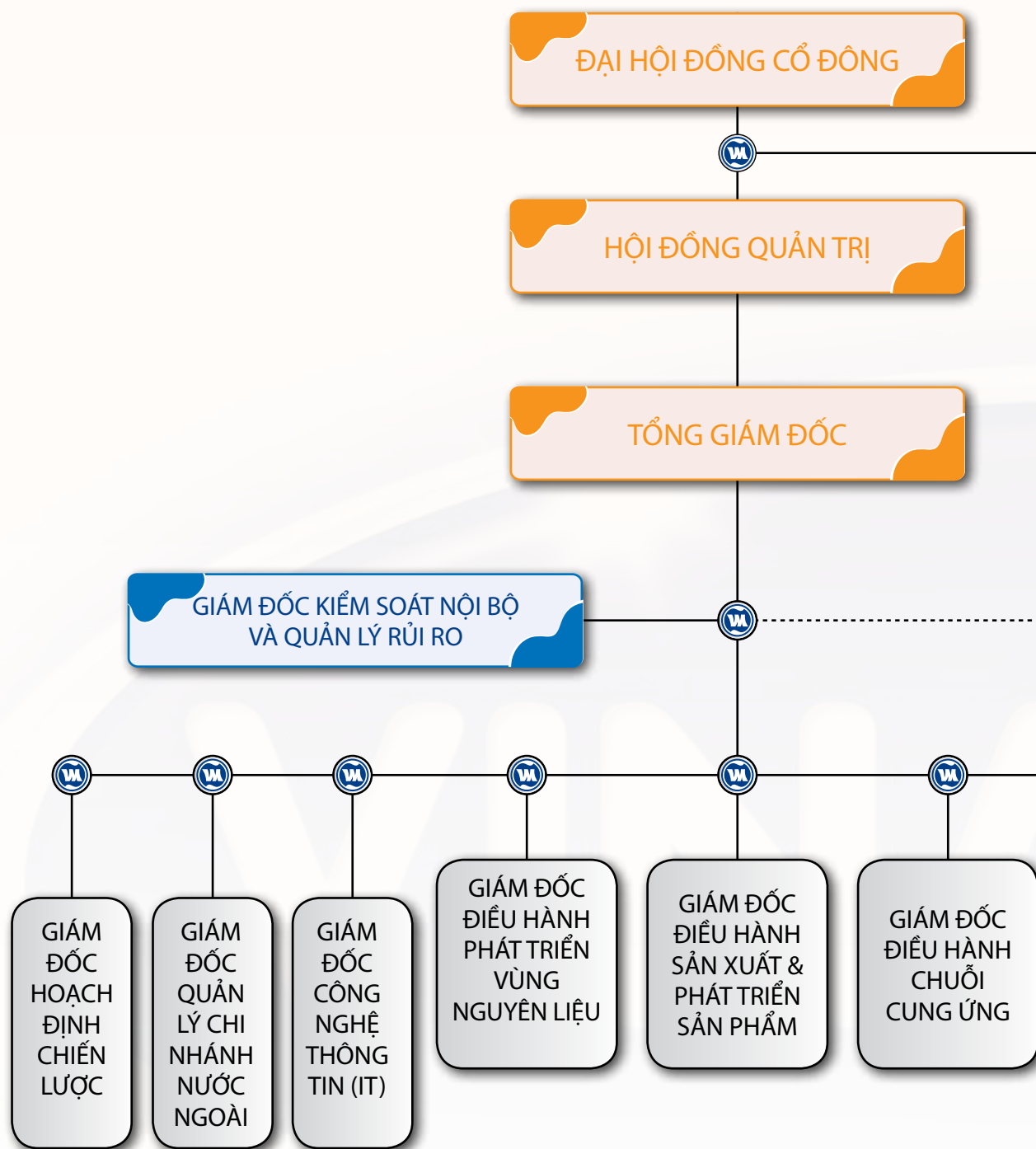
AFI là Công ty tiên phong tại Việt nam chuyên sản xuất các loại bột kem không sữa (Non Dairy Creamer) và các nguyên liệu thực phẩm khác với chất lượng cao được dùng trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm. Nhà máy có công suất 11.000 tấn/năm, và được trang bị hệ thống máy móc hiện đại theo công nghệ sấy phun của Đan Mạch.

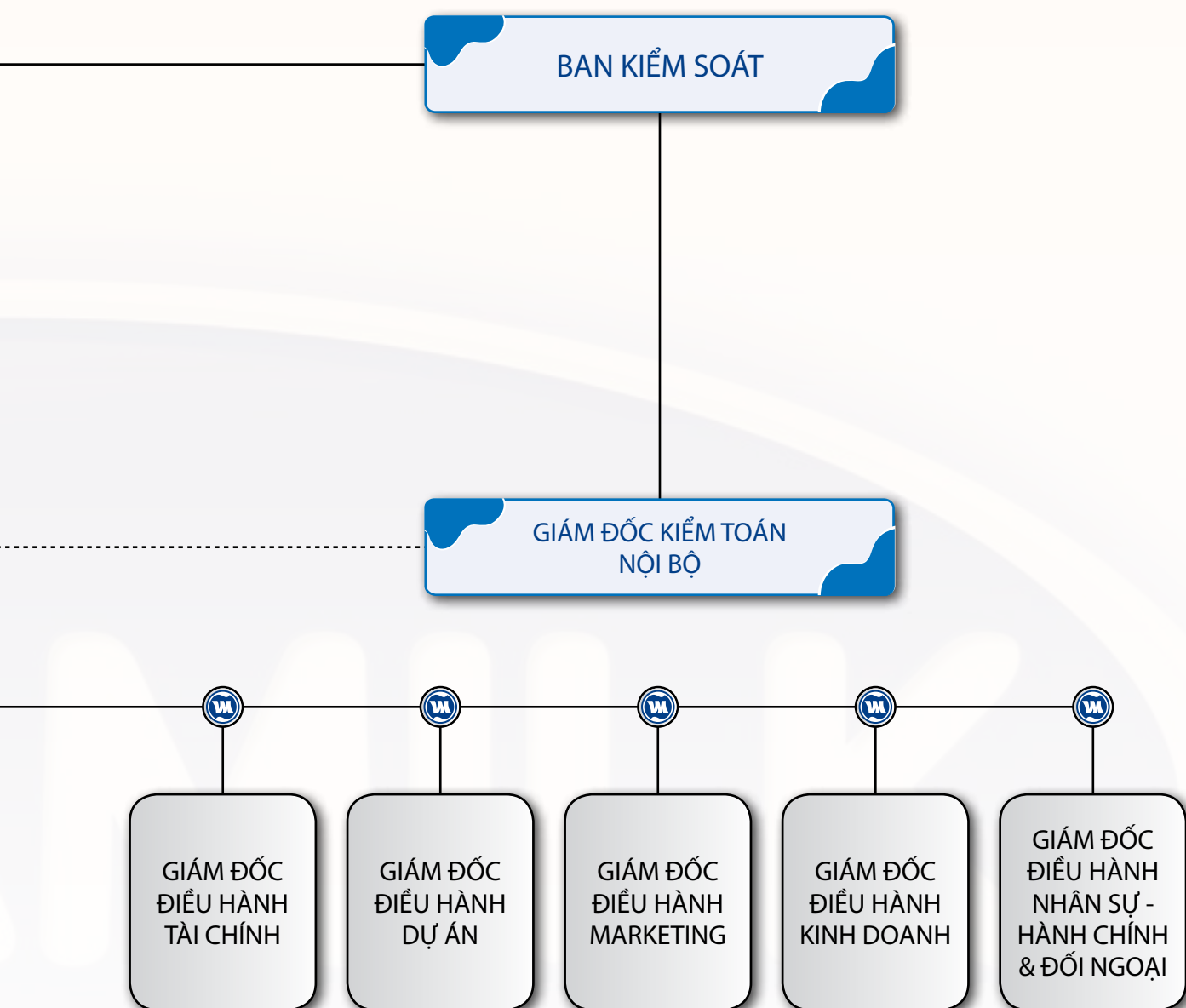
Vui lòng xem website Công ty tại địa chỉ www.afi.vn để biết thêm thông tin.

Các thông tin tài chính cơ bản:

(Tỷ đồng)	2013	2012	% Tăng / Giảm
Tổng doanh thu	402	277	45%
Lợi nhuận trước thuế	70	44	59%
Lợi nhuận sau thuế	70	44	59%
Tổng tài sản	257	224	15%

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ





GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Việc bổ sung thêm 02 thành viên độc lập vào HĐQT đã làm tăng thêm sức mạnh quản trị doanh nghiệp tại Vinamilk. Nâng số lượng HĐQT lên 07 thành viên, bao gồm: 02 thành viên độc lập và 03 thành viên không điều hành. Vinamilk luôn cam kết hướng tới mô hình quản trị doanh nghiệp được áp dụng rộng rãi và theo chuẩn quốc tế.

Những thay đổi về Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2012 – 2016 của Công ty trong năm như sau:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2014:

- » Thông qua việc bổ nhiệm ông Pascal De Petrini, đại diện của cổ đông lớn F&N Dairy Investments Pte Ltd.
- » Bầu bổ sung 2 thành viên HĐQT độc lập là Bà Lê Thị Băng Tâm và Ông Hà Văn Thẩm.

Ông Ng Jui Sia là đại diện vốn của F&N Dairy Investments Pte Ltd, được bầu vào HĐQT để thay thế ông Pascal De Petrini từ nhiệm khỏi vị trí thành viên HĐQT kể từ ngày 23/05/2013. Việc bổ nhiệm ông Ng Jui Sia sẽ được đưa ra trình ĐHĐCĐ năm 2014 phê duyệt.

BÀ MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc



- » Từ tháng 8/1976 đến tháng 8/1980, Bà là Kỹ sư Công nghệ phụ trách phân xưởng sữa đặc có đường tại Nhà máy sữa Trường Thọ.
- » Từ tháng 9/1980 đến tháng 2/1982, Bà là Kỹ sư Công nghệ tại phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp liên hiệp sữa café và bánh kẹo I.
- » Từ tháng 2/1982 đến tháng 6/1983, Bà là Phó Giám đốc Kỹ thuật phụ trách sản xuất tại Nhà máy sữa Thống Nhất.
- » Sau khi hoàn tất khóa đào tạo tại Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad tại Liên Bang Xô Viết (nay là nước Nga), năm 1984 Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh tế tại Xí nghiệp liên hiệp sữa café và bánh kẹo I.
- » Tháng 12/1992, Bà được đề bạt vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty sữa Việt Nam.
- » Từ năm 1996 – 2001, Bà là Ủy viên Trung ương Đảng khóa VIII.
- » Ngày 14/11/2003, Bà được bầu vào HĐQT và giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty qua ba nhiệm kỳ liên tiếp: 2003 – 2007; 2007 – 2011 và 2012 - 2016.

Bà Liên tốt nghiệp Đại học từ năm 1976 về Chế biến thịt và Sữa tại Moscow, Nga. Bà cũng tốt nghiệp chứng chỉ Quản lý Kinh tế thuộc Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Nga và chứng chỉ Quản lý Chính trị của Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.

- » Năm 2001, Bà được Nhà nước trao Huân chương Lao động Hạng Hai.
- » Năm 2005, Bà được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Năm 2006, Bà được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhất.
- » Tháng 2/2012, Bà được tạp chí Forbes Asia bình chọn 1 trong 50 Nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á.
- » Tháng 5/2012, Bà được tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á (Corporate Governance Asia) bình chọn 1 trong 51 nhà lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc nhất châu Á.
- » Năm 2012, Bà được tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á (Corporate Governance Asia) bình chọn là một trong những CEO xuất sắc nhất Châu Á trong lĩnh vực Quan hệ với nhà đầu tư.
- » Tháng 03/2013, Bà được tạp chí Forbes Asia bình chọn là một trong 50 Nữ doanh nhân xuất sắc nhất Châu Á (50 Businesswoman in The Mix). Đây là lần thứ 2 Bà được vinh danh từ tạp chí Forbes Asia.

Các chức vụ Bà đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- » Chủ tịch Hiệp hội sữa Việt Nam nhiệm kỳ 2010 – 2015.
- » Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010 – 2015 tại Công ty Miraka Limited, New Zealand.

**ÔNG LÊ SONG LAI**

Thành Viên Hội đồng Quản trị
không điều hành

Là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty từ tháng 04/2012.

Quá trình công tác của Ông như sau:

- » Từ tháng 8/1994 đến tháng 10/1996: Luật sư, Công ty Luật Freshfields, Chi nhánh Hà Nội.
- » Từ tháng 10/1996 đến tháng 11/2003: Chuyên viên Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính.
- » Từ tháng 11/2003 đến tháng 8/2006: Vụ phó Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính.
- » Từ tháng 8/2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước.

Các chức vụ Ông đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- » Thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
- » Thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) - Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
- » Thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) - Công ty Cổ phần FPT.
- » Chủ tịch Hội đồng thành viên (kiêm nhiệm) - Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Trảng Tiến.
- » Chủ tịch Hội đồng thành viên (kiêm nhiệm) - Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật trường Đại học Cambridge, Anh Quốc.

**ÔNG LÊ ANH MINH**

Thành Viên Hội đồng Quản trị
không điều hành

Ông Minh tốt nghiệp Cử nhân Đại học Ngân Hàng năm 1991, và sau đó tốt nghiệp Cao học Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và Ngân hàng Quốc tế của trường Kinh doanh Wharton thuộc Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ. Năm 1991, ông bắt đầu làm việc cho Công ty Peregrine Capital Việt Nam phụ trách về tài chính Công ty và mảng đầu tư của các tổ chức tài chính. Trong thời gian đó, ông Minh đã hoàn thành việc tiếp quản lần đầu tiên tại Việt Nam một ngân hàng thương mại địa phương (NH Đại Nam) và tái cơ cấu thành công một năm sau đó. Ông là Phó Tổng Giám đốc ngân hàng Đại Nam từ năm 1994 - 1996, phụ trách bộ phận Phát triển kinh doanh và tín dụng. Sau đó, Ông làm Giám đốc Tài chính 4 năm cho tập đoàn Coca Cola chuyên trách về Đông Dương. Ông gia nhập Công ty Dragon Capital Group Limited vào năm 2002 với chức danh Phó Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm chính các hoạt động Tài chính Công ty của Tập đoàn. Bên cạnh hoạt động tài chính doanh nghiệp, Ông hiện đang là thành viên của nhiều Hội đồng Đầu tư của các quỹ đầu tư và Công ty chứng khoán.

Ông Minh là nghiên cứu sinh Fulbright và là hội viên của Hiệp Hội Kế toán Úc (CPA - Australia).

**BÀ LÊ THỊ BẰNG TÂM**

Thành Viên Hội đồng Quản trị độc lập

Quá trình công tác của Bà như sau:

- » Từ 1969 đến tháng 10/1974 : Giảng viên Trường Đại học Tài chính kế toán Hà Nội.
- » Từ 1974 đến 1982: Cán bộ, Phó trưởng phòng Vụ Cân đối tài chính - Bộ Tài chính.
- » Từ 1982 đến 1984: Học Quản lý kinh tế tại trường Đại học Leningrat Liên Xô.
- » Từ 1984 đến 1985: Phó trưởng phòng Vụ Cân đối tài chính - Bộ Tài chính.
- » Từ 1985 đến 1987: Phó vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ và đào tạo.
- » Từ 1987 đến 1989: Nghiên cứu sinh Trường Đại học Leningrat Liên Xô.
- » Từ 1989 đến 1995: Phó cục trưởng, Cục trưởng, Tổng Giám đốc Kho Bạc Nhà nước Trung ương.
- » Từ 1995 đến 2006: Thứ trưởng - Ủy viên Ban cán sự Bộ Tài chính. Trong thời gian này, Bà còn là thành viên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Hội đồng chính sách tiền tệ quốc gia, Ủy viên Ủy ban hợp tác kinh tế quốc tế, Các ban chỉ đạo ODA, Đầu tư nước ngoài các chương trình dự án lớn của Chính phủ.
- » Từ 2006 đến 2008: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước. Sau khi nghỉ hưu, Bà làm tư vấn tài chính cao cấp cho một số tổ chức tài chính.
- » Từ 15/03/2010 đến 11/06/2010: Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.
- » Từ 12/06/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (HD Bank).

Bà tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Kế toán Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội năm 1969. Bà cũng tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế Đại học Kinh tế Tài chính Leningrat, Liên Xô. Và bà đã nhận chứng chỉ Tài chính Quốc tế, Trường Noth University London, Anh Quốc.

Các chức vụ bà đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- » Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (HD Bank).
- » Tư vấn tài chính cho một số doanh nghiệp Bảo hiểm, Đầu tư tài chính.



ÔNG NG JUI SIA

Thành Viên Hội đồng Quản trị
không điều hành

Ông Ng Jui Sia được HĐQT bổ nhiệm làm thành viên HĐQT của Công ty kể từ ngày 23/05/2013, để thay thế ông Pascal De Petrini từ nhiệm khỏi vị trí thành viên HĐQT. Việc bổ nhiệm ông Ng Jui Sia sẽ được đưa ra trình ĐHCĐ năm 2014 phê duyệt.

Ông Ng Jui Sia có kinh nghiệm sâu rộng về quản lý tại Hồng Kông, Trung Quốc, Nam Á, Malaysia và Singapore. Ông là Tổng Giám đốc của Fraser & Neave Holdings Bhd từ năm 2010. Ông cũng giữ chức vụ thành viên HĐQT của Công ty Cocoland Holding Berhad và Công ty Malaysia Smelting Corporation Bhd. Trước đó, ông là Tổng Giám đốc của Times Publishing Ltd. thuộc tập đoàn Fraser & Neave từ năm 2006 đến 2010. Từ năm 1999 đến năm 2006, ông là Giám đốc Điều hành (Managing Director) của F&N Coca Cola (Malaysia) Sdn Bhd. Từ năm 1995 đến 1999, ông là Giám đốc (General Manager) của F&N Coca Cola Singapore. Trước khi tham gia Fraser & Neave, ông là Giám đốc Điều hành khu vực Châu Á – Thái Bình Dương của CarnaudMetalbox, South China Region từ năm 1989 đến 1995.

Ông Ng Jui Sia tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh của Đại học Quốc gia Singapore năm 1977. Ông cũng là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng (Associate of Institute of Chartered Accountants) của Anh và xứ Wales từ năm 1981.



ÔNG HÀ VĂN THẨM

Thành Viên Hội đồng Quản trị độc lập

Quá trình công tác của ông như sau:

- » Từ 1993 đến 1997: Chủ doanh nghiệp tư nhân Bình Minh.
- » Từ 1997 đến 2001: Giám đốc Công ty TNHH VNT.
- » Từ 2001 đến 2003: Tổng Giám đốc Công ty liên doanh Vietcans.
- » Từ 2003 đến 2004: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đại Dương.
- » Từ 2004 đến nay:
 - » Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đại Dương.
 - » Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đại Dương.
 - » Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương.
 - » Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bán lẻ và Quản lý bất động sản Đại Dương.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Trường Đại học Thương mại năm 1993. Ông cũng đã tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Trường Đại học Colombia Common Wealth, USA vào năm 2004, tốt nghiệp Tiến sỹ Trường Đại học Colombia Common Wealth, USA năm 2007.

Các chức vụ ông đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- » Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đại Dương.
- » Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đại Dương.
- » Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương.
- » Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bán lẻ và Quản lý bất động sản Đại Dương.
- » Chủ sở hữu DNTN Hà Bảo.



BÀ NGÔ THỊ THU TRANG

Thành Viên Hội đồng Quản trị
Giám đốc Điều hành Tài chính

Là Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính từ tháng 3/2005. Bà gia nhập Công ty từ năm 1985 với vị trí phân tích tài chính, đến tháng 1/1995 Bà giữ chức vụ phó Phòng Kế toán Thống kê của Công ty sửa Việt Nam. Bà giữ chức vụ này đến tháng 12/1997 và giữ chức vụ Trưởng phòng Kế toán Thống kê từ tháng 1 đến tháng 2/1998. Từ tháng 2/1998 đến tháng 3/2005, Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách phòng kế toán của Công ty sửa Việt Nam. Tháng 3/2005, Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính. Kể từ 20/8/2009 chức vụ của Bà Trang được đổi thành Giám đốc Điều hành Tài chính.

Bà Trang tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán năm 1984, Đại học Tài chính Kế toán Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà cũng đã tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh năm 1998.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 3/2009.

Ông Kiên hiện là Giám đốc Công ty TNHH MDKT. Từ năm 2001, Ông là chuyên viên phân tích về mua bán sáp nhập Công ty và tài chính doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư Credit Suisse First Boston, Singapore. Sau đó, Ông Kiên chuyển sang làm chuyên viên về cấu trúc tài chính tại chi nhánh Ngân hàng Commonwealth Bank của Úc ở New York, Mỹ. Từ năm 2004 đến 2005, Ông là chuyên viên cao cấp trong bộ phận phát triển doanh nghiệp, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động mua bán sáp nhập của ngân hàng OCBC, Singapore. Sau đó, Ông chuyển sang làm chuyên viên cao cấp về đầu tư cho tập đoàn Temasek Holdings, Singapore. Ông là sáng lập viên và là Giám đốc Điều hành của TNK Capital tại Việt Nam từ đầu năm 2008 đến 2011.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ứng dụng, ĐH Macquarie, Úc và sau đó lấy bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ĐH Chicago, Mỹ.

ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN

Trưởng Ban Kiểm soát

Bắt đầu từ năm 2013, Ban Kiểm soát bao gồm 04 thành viên. Trong đó, một thành viên bầu bổ sung mới và một thành viên bầu thay thế do ông Nguyễn Anh Tuấn từ nhiệm. Hai thành viên mới gồm Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai và Ông Vũ Trí Thức. Việc tăng thêm số lượng thành viên Ban Kiểm soát sẽ giúp công tác giám sát của họ chặt chẽ và hiệu quả hơn, góp phần vào công tác quản trị doanh nghiệp tốt hơn tại Vinamilk.



ÔNG NGUYỄN NGỌC VŨ CHƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 4/2012.

Từ năm 2006 đến 2009, Ông làm chuyên viên tín dụng cho Ngân hàng TMCP Á Châu và chuyên viên phân tích cho Công ty Quản lý quỹ ACB. Trong thời gian này, Ông cũng tham gia nhóm dự án thành lập Công ty cho thuê tài chính ACB. Từ năm 2010 đến nay, Ông làm chuyên viên quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp trong ngành thủy sản, bắt động sản, mía đường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Sóc Trăng của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC).

Ông Chương tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.



BÀ NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Mai được bầu lại vào BKS từ tháng 4/2013. Trước đó, Bà Mai là thành viên BKS, rồi trưởng BKS trong nhiệm kỳ 2007 – 2012.

Bà Mai rất giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Từ năm 1993 đến 1997, Bà Mai giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Tín dụng Thương mại Quốc tế và Trưởng Bộ phận Tín dụng Doanh nghiệp tại ngân hàng ANZ, chi nhánh Hà Nội. Từ năm 1999 đến 2003, Bà là Chuyên viên Bộ phận Tín dụng Đầu tư Khách hàng Doanh nghiệp, sau đó giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Tín dụng Cấu trúc Khối Thương mại Quốc tế và Hàng hóa, phụ trách lĩnh vực quản lý quan hệ doanh nghiệp thuộc bộ phận doanh nghiệp, chiến lược ngân hàng quốc tế, cấu trúc sản phẩm, tài chính thương mại và quản lý tín dụng khu vực Châu Á tại ngân hàng Đầu tư ANZ Singapore. Từ năm 2004 đến 5/2007, Bà là Quản trị viên cao cấp tại văn phòng đại diện của Công ty TNHH Tư vấn Openasia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 6/2007, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp phụ trách lĩnh vực tư vấn tài chính tại Công ty TNHH VINAconnect thuộc tập đoàn Openasia và giữ chức vụ này đến nay.

Bà Mai tốt nghiệp Cử nhân Đại học Ngoại ngữ Hà Nội năm 1991, chuyên ngành Ngữ văn Anh và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Melbourne năm 1999.



ÔNG VŨ TRÍ THÚC

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Thúc là thành viên BKS từ tháng 4/2013.

Ông Thúc hiện đang là Trưởng ban Ban Tài chính Kế toán của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiến từ năm 2011 đến nay. Từ 2009 đến 2011, Ông là Phó Giám đốc CTCP Đầu tư Việt Nam – Ô Man. Từ 2008 đến 2011, Ông là Phó trưởng Ban Tài chính của SCIC. Từ 2007 đến 2008, Ông là chuyên viên Ban Tài chính của SCIC. Trước khi tham gia vào SCIC, từ năm 1999 đến 2007, Ông là kiểm toán viên – Phó trưởng phòng kiểm toán của Công ty Kiểm toán Việt Nam – thành viên hãng kiểm toán Deloitte.

Ông Thúc tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế (chuyên ngành Kế toán) của Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội (nay là Học viện Tài chính) năm 1998 và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trung tâm Pháp – Việt đào tạo về quản lý (CFVG) Hà Nội năm 2004. Ông cũng đã nhận chứng chỉ kiểm toán viên của Bộ Tài chính năm 2004 và Chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng của Học viện Tài chính năm 2008. Hiện nay, Ông là hội viên Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



(Xem phần “HĐQT” – Kinh nghiệm và chuyên môn của HĐQT để biết thông tin về bà Mai Kiều Liên ở trang 70 – 71).

BÀ MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

Trong năm 2013, Ban Điều hành có những thay đổi sau:

Ngày 09/09/2013, luân chuyển nhân sự giữa hai vị trí:

- » Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa được chuyển từ vị trí Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung Ứng sang vị trí Giám đốc Điều hành Sản xuất & Phát triển sản phẩm.
- » Ông Nguyễn Quốc Khánh được chuyển từ vị trí Giám đốc Điều hành Sản xuất & Phát triển sản phẩm sang vị trí Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung Ứng.

Ngày 13/12/2013, HĐQT thông qua đơn từ nhiệm của Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân, Quyền Giám đốc Điều hành Marketing kể từ ngày 15/01/2014.



ÔNG MAI HOÀI ANH

Giám đốc Điều hành Kinh doanh

Ông Mai Hoài Anh được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Kinh doanh từ tháng 5/2012. Ông đã có thời gian công tác tại Vinamilk hơn 16 năm qua ở các vị trí công tác như sau:

Từ tháng 02/1996 đến tháng 04/2001 : Nhân viên Xuất nhập khẩu – Phòng Xuất nhập khẩu.

Từ tháng 05/2001 đến tháng 12/2003 : Phó Phòng Xuất nhập khẩu.

Từ tháng 01/2004 đến tháng 12/2004 : Trưởng Phòng Xuất nhập khẩu.

Từ tháng 01/2005 đến tháng 5/2012 : Giám đốc Xuất nhập khẩu.

Từ tháng 5/2012 đến nay: Giám đốc Điều hành Kinh doanh.

Ông Mai Hoài Anh tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh năm 2011 của Đại học Bolton, Anh Quốc.



BÀ NGUYỄN THỊ NHƯ HẰNG

Giám đốc Điều hành phát triển vùng nguyên liệu

Bà Hằng gia nhập Công ty năm 1981 và giữ chức vụ Phó phòng Tiêu thụ cho đến năm 2001. Bà được đề bạt làm Giám đốc Xí nghiệp Kho vận từ tháng 8/2001 đến tháng 12/2002. Bà Hằng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc vào tháng 1/2003, phụ trách phòng Dự án. Từ tháng 7/2006, Bà Hằng phụ trách mảng dịch vụ khách hàng và sau đó là lĩnh vực phát triển trang trại bò sữa và phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi cho Công ty. Kể từ 20/8/2009 chức vụ của Bà Hằng được đổi thành Giám đốc Điều hành phát triển vùng nguyên liệu. Ngoài ra, Bà Hằng cũng được bổ nhiệm vào các chức vụ tại các Công ty con như sau:

Tháng 7/2007, Bà được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam.

Tháng 10/2013, Bà được bổ nhiệm thêm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.

Bà Hằng tốt nghiệp Cử nhân Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.



BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÒA

Giám đốc Điều hành sản xuất
và phát triển sản phẩm

Từ năm 1978 đến tháng 6/1983, Bà Hòa là giảng viên tại Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Bà gia nhập Công ty năm 1983 với vị trí Kỹ sư chế biến tại Nhà máy sữa Trường Thọ. Bà giữ chức Phó Giám đốc, rồi Giám đốc Nhà máy sữa Trường Thọ từ tháng 7/1991 đến 1999. Tháng 12/1999, Bà Hòa được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của Công ty. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của Bà Hòa được đổi thành Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung Ứng, phụ trách phòng kế hoạch, xuất nhập khẩu, dịch vụ khách hàng, cung ứng điều vận và các xí nghiệp kho vận của Công ty. Từ tháng 9/2013, Bà được luân chuyển sang chức vụ Giám đốc Điều hành sản xuất và phát triển sản phẩm và giữ chức vụ này từ đó cho đến nay.

Bà Hòa tốt nghiệp Cử nhân Đại học Công nghệ Chế biến Thịt và Sữa Maxtcova 1978 (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công nghệ Sinh học Ứng dụng Maxtcova), chuyên ngành Kỹ thuật Chế biến Sữa.



ÔNG NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung Ứng

Ông Khánh gia nhập Công ty từ tháng 01 năm 1988 với vị trí Kiểm tra chất lượng sản phẩm tại phòng Kiểm nghiệm của Nhà máy sữa Thống Nhất. Đến 1996, Ông Khánh giữ chức vụ Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất, và là Quản đốc phân xưởng sản xuất của Nhà máy sữa Thống Nhất vào năm 1998. Năm 2003, Ông Khánh được điều động giữ chức vụ Quyền Giám đốc Nhà máy sữa Cần Thơ. Năm 2004, ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc nhà máy sữa Cần Thơ và giữ chức vụ này đến 09/2009. Sau đó, Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Điều hành sản xuất và phát triển sản phẩm, phụ trách các nhà máy và Trung tâm Nghiên cứu phát triển & An toàn thực phẩm của Công ty đến tháng 9/2013. Từ tháng 9/2013, Ông được luân chuyển sang chức vụ Giám đốc Điều hành chuỗi cung ứng và giữ chức vụ này từ đó cho đến nay.

Ông Khánh tốt nghiệp Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987 chuyên ngành Kỹ thuật Hoá học và Thực phẩm. Ông cũng tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1997 chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2001 chuyên ngành Ngữ văn Anh.



BÀ NGÔ THỊ THU TRANG
Thành viên Hội đồng Quản trị
Giám đốc Điều hành Tài chính

(Xem phần “HĐQT” – Kinh nghiệm và chuyên môn của HĐQT để biết thông tin về bà Ngô Thị Thu Trang ở trang 73).



ÔNG TRẦN MINH VĂN
Giám đốc Điều hành Dự án

Từ năm 1990 đến tháng 7/1994, Ông Văn là Phó Giám đốc Nhà máy sữa Thống Nhất. Tháng 8/1994 đến tháng 6/2006, Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy sữa Thống Nhất. Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách phòng Dự án từ tháng 7/2006. Tháng 12/2006, Ông Văn cũng được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty con của Vinamilk là Công ty TNHH Một Thành viên đầu tư bất động sản Quốc tế. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của ông Văn được đổi thành Giám đốc Điều hành – phụ trách Khối Dự án.

Ông Văn tốt nghiệp Kỹ sư Cơ khí, Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1981. Ông cũng tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh – Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1994, Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Luật Thương mại năm 2001 và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2004.

KHÔNG CHỈ **ĐẢM BẢO** VỀ **CHẤT** MÀ CẢ VỀ **LƯỢNG**

Sự ra đời của “siêu nhà máy” sữa nước có công suất giai đoạn 1 là 400 triệu lít/năm, với công nghệ hiện đại nhất trên thế giới một lần nữa khẳng định vị thế không ngừng lớn mạnh của Vinamilk.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Báo cáo của Ban Kiểm soát • Báo cáo giám sát Tổng Giám đốc của HĐQT
- Báo cáo giám sát Ban Điều hành của HĐQT
- Báo cáo Quản trị Công ty • Báo cáo Quản lý rủi ro
- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành
 - Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh • Tình hình tài chính
 - Tình hình thực hiện các dự án đầu tư tài sản
 - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm
 - Không ngừng nâng cao chất lượng vùng nguyên liệu
 - Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý
 - Các giải thưởng, danh hiệu đạt được trong năm
- Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư





Văn phòng của “Siêu nhà máy” xử nước

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO GỬI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG

Kính thưa quý vị cổ đông
của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn, thách thức đối với kinh tế Việt Nam cũng như thế giới. Sức mua thị trường suy giảm đã có ảnh hưởng nhất định tới hoạt động kinh doanh của Vinamilk. Mặc dù vậy, với một nền tảng quản trị vững vàng, Vinamilk vẫn đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ. Bên cạnh đó, Vinamilk cũng đã đạt được những bước tiến dài trong việc phát triển hệ thống quản trị rủi ro, kiểm tra giám sát để hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn của mình.



I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát (BKS) bao gồm bốn (04) thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra để thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2013, được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BDH), BKS tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và khuyến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết tại Vinamilk để góp phần tăng hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.

Tổng kết các phiên họp của BKS

Trong năm 2013, BKS đã tổ chức bốn (04) phiên họp định kỳ hàng quý như sau:

Phiên họp/ Số thành viên tham gia	Nội dung chính
Phiên 1 13/5/2013 4/4	- Thống nhất cách thức phối hợp của các thành viên BKS. - Phê duyệt kế hoạch kiểm tra các quy trình kinh doanh chính của Vinamilk. - Phân công lĩnh vực và trách nhiệm theo dõi, kiểm tra cho từng thành viên BKS.
Phiên 2 26/6/2013 4/4	- Phê duyệt việc chỉ định đơn vị tư vấn rà soát quy chế và chuẩn hóa quy trình làm việc của BKS. - Thảo luận về kết quả kiểm tra các quy trình kinh doanh chính của Vinamilk và kế hoạch làm việc 6 tháng tiếp theo.
Phiên 3 5/12/2013 3/4	- Thảo luận về báo cáo sơ thảo của đơn vị tư vấn sau khi rà soát quy chế và quy trình làm việc của BKS. - Phê duyệt kế hoạch kiểm toán và kế hoạch nhân sự năm 2014 của phòng Kiểm toán nội bộ. - Thảo luận về quy trình và thủ tục đánh giá kiểm toán độc lập cũng như chính sách trong việc đề xuất kiểm toán độc lập của BKS.
Phiên 4 10/1/2014 3/4	- Tổng kết các hoạt động của BKS và Kiểm toán nội bộ trong năm 2013. - Thảo luận về các thay đổi cần tiến hành trong quy chế và quy trình làm việc của BKS theo đề xuất của đơn vị tư vấn. - Thảo luận và phân công trách nhiệm cho từng thành viên về các công việc cần chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài bốn phiên họp chính như liệt kê bên trên, BKS còn thực hiện các trao đổi giữa các thành viên BKS qua email, điện thoại; tổ chức và tham gia nhiều cuộc họp với HĐQT, Ủy ban Quản trị rủi ro của HĐQT, Kiểm toán nội bộ (KTNB), Kiểm toán độc lập và với các đơn vị tư vấn tiềm năng nhằm hoàn thành các nhiệm vụ của BKS.

Tổng kết thù lao và chi phí cho các thành viên BKS

Thù lao và chi phí cho mỗi thành viên BKS trong năm tài chính 2013 được trình bày trong bảng sau:

Thành viên	Tổng cộng (*) Đơn vị: triệu VNĐ
Nguyễn Trung Kiên <i>Trưởng ban</i>	615
Nguyễn Thị Tuyết Mai <i>Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2013</i>	378
Vũ Trí Thức <i>Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2013</i>	378
Nguyễn Ngọc Vũ Chương	511
Nguyễn Anh Tuấn <i>Từ nhiệm ngày 26/4/2013</i>	134
Tổng cộng	2.016

(*) Bao gồm cả khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (nếu áp dụng).

Trong ĐHĐCĐ năm 2013, BKS đã trình và được Đại hội phê duyệt ngân sách hoạt động là 403 triệu VNĐ. Ngân sách này đã được sử dụng cho mục đích sau:

	Đơn vị: triệu VNĐ
Ngân sách được phê duyệt	403
Thuê tư vấn hoàn thiện quy chế và quy trình làm việc của BKS	400
Ngân sách còn lại	3

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BKS

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013

Trong năm 2013, Vinamilk đã triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức vào tháng 4/2013, bao gồm:

- » **Phân phối lợi nhuận năm 2012:** Vinamilk đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi và chi trả cổ tức đợt 2/2012 vào ngày 28/6/2013.
- » **Kết quả kinh doanh năm 2013:** Trong năm 2013, do tình hình sức mua của nền kinh tế giảm sút, Vinamilk chưa đạt 100% kế hoạch tổng doanh thu do ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên, Vinamilk vẫn vượt mức lợi nhuận trước thuế đã được ĐHĐCĐ giao.
- » **Tình hình đầu tư tài sản:** Toàn bộ giá trị giải ngân thực tế đạt 55% kế hoạch giải ngân đăng ký với ĐHĐCĐ.
- » **Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS:** Đầy đủ theo đúng mức do ĐHĐCĐ phê duyệt.
- » **Thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro thuộc HĐQT:** Trong năm 2013, BKS đã phối hợp với Ủy ban Quản lý rủi ro trong việc hoàn thiện các quy chế, quy trình quản lý rủi ro và lập bản đồ rủi ro của Công ty.

Giám sát tình hình tài chính năm 2013

BKS đã họp và trao đổi định kỳ với Kiểm toán độc lập của Vinamilk (Công ty TNHH KPMG Việt Nam cho năm 2013, sau đây gọi là KPMG) về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác cần quan tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Vinamilk. Định kỳ hàng quý, BKS thực hiện rà soát phân tích thông tin, số liệu trên báo cáo tài chính của Vinamilk.

Căn cứ các báo cáo định kỳ và số liệu phân tích do BDH trình bày tại các cuộc họp HĐQT, báo cáo soát xét hàng quý và báo cáo kiểm toán cả năm vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, BKS đánh giá năm 2013 Vinamilk có

tình hình tài chính rất tốt, kết quả kinh doanh phản ánh thực chất nỗ lực hoạt động của Công ty trong năm:

- » Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao; và
- » Kết quả lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk vượt chỉ tiêu do ĐHĐCĐ phê duyệt vào đầu năm 2013.

Giám sát tình hình hoạt động năm 2013

a. Hệ thống quản trị rủi ro

BKS đã theo dõi sát sao và góp phần thúc đẩy việc triển khai hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro (ERM) của Vinamilk thông qua các hoạt động:

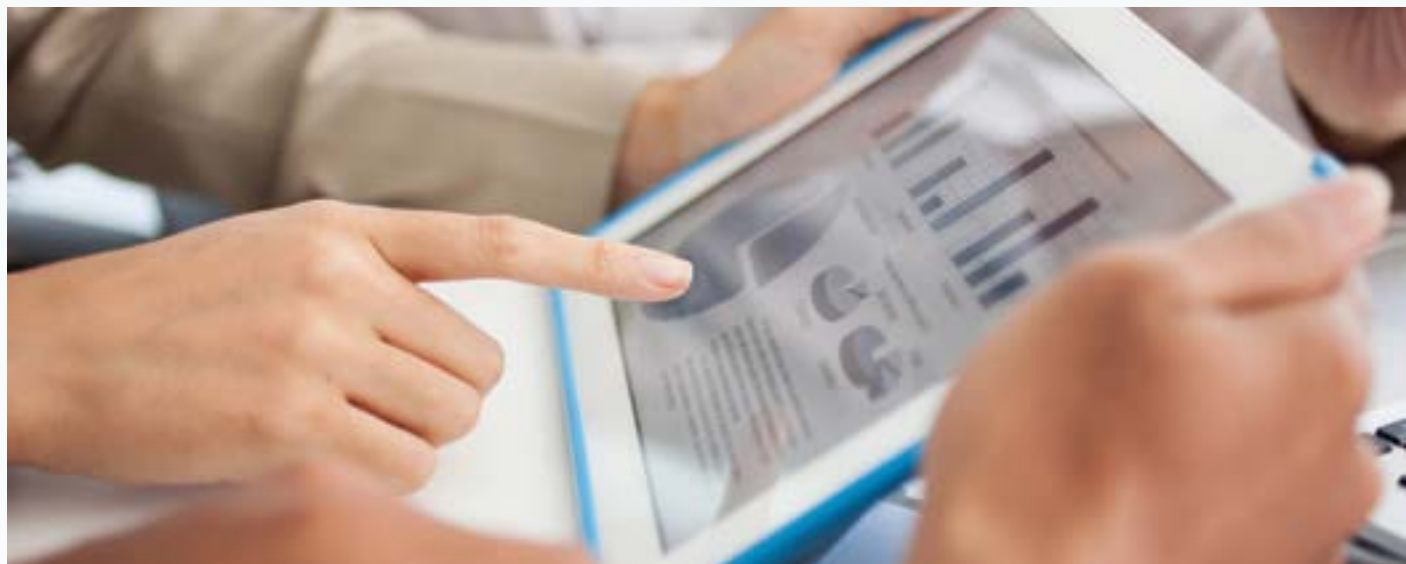
- » Trao đổi thường xuyên và đóng góp ý kiến với Ủy ban Quản lý Rủi ro (QLRR) và lãnh đạo Vinamilk về tiến độ phát triển của hệ thống ERM; và
- » Tham gia quan sát các buổi họp rà soát danh mục rủi ro cấp Công ty và nhận diện các rủi ro hàng đầu.

Trong mô hình ERM sẽ được hoàn thiện trong năm 2014, BKS sẽ đóng vai trò kiểm tra, giám sát trong các hoạt động quản trị ERM xuyên suốt toàn Công ty.

b. Hoạt động kiểm tra của phòng KTNB

Phòng KTNB vẫn tiếp tục là một bộ phận trực thuộc BKS, độc lập với hoạt động điều hành của Vinamilk. Trong quá trình tác nghiệp, phòng KTNB có đầy đủ nguồn lực cần thiết và quyền tiếp cận thông tin để hỗ trợ việc hoàn thành nhiệm vụ. Phòng KTNB cũng có quyền tiếp cận trực tiếp tới Chủ tịch HĐQT và BKS, báo cáo về các kết quả kiểm toán các quy trình hoạt động tại Vinamilk. Trong năm 2013, phòng KTNB đã hoàn thành việc kiểm toán các quy trình hoạt động kinh doanh sau:

- » Quy trình quản lý trang trại và Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam.
- » Quy trình quản lý hoạt động Xí nghiệp kho vận.
- » Quy trình thu mua sữa tươi tại nhà máy.



- » Tính tuân thủ trong việc phát hành Chương trình cổ phiếu nhân viên giai đoạn 2007 - 2011.
- » Quy trình nghiệm thu, thi công hạng mục đường giao thông tại Nhà máy Sữa Việt Nam.
- » Quy trình quản lý dòng tiền.
- » Quy trình quản lý chi phí bán hàng.
- » Quy trình mua bột sữa, dầu bơ.
- » Quy trình quản lý hoạt động marketing và đối ngoại.
- » Quy trình chọn nhà cung cấp dự án đầu tư nội bộ.

c. Kết quả đánh giá sự tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy định

BKS nhận thấy không có rủi ro đáng kể trong hệ thống quy trình quản lý của Vinamilk cũng như việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy định của các cá nhân và đơn vị liên quan. Các kế hoạch hành động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát theo khuyến nghị của KTNB cũng được các khối điều hành trong Vinamilk triển khai đầy đủ.

Giám sát hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH và cổ đông

Trong năm 2013, BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Vinamilk và đóng góp ý kiến với HĐQT và BDH, Ban Giám đốc trong việc thực

hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại đại hội tháng 4/2013.

Xét chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2014

Trong năm 2013, BKS đã có những cuộc họp định kỳ với Kiểm toán độc lập và tiến hành các thủ tục nhằm đánh giá trình độ, kỹ năng và nguồn lực, tính hiệu quả và độc lập của đơn vị Kiểm toán độc lập. Bên cạnh đó, BKS cũng rà soát và cân nhắc về phạm vi của các dịch vụ ngoài kiểm toán mà KPMG Việt Nam cung cấp cho Công ty để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong các hoạt động kiểm toán của KPMG.

Phí kiểm toán và các phí tư vấn khác mà Vinamilk đã trả cho Công ty TNHH KPMG trong năm tài chính 2013 (không bao gồm VAT) như sau:

» Phí kiểm toán báo cáo tài chính:	1.200 triệu VNĐ
» Phí tư vấn khác:	2.735 triệu VNĐ

BKS cho rằng tính chất và phạm vi của các dịch vụ nói trên cũng như các hợp đồng tư vấn không làm ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan của Kiểm toán độc lập trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

BKS đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn Công ty Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2014 trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2014

Trong năm 2013, với nỗ lực và mục tiêu nâng tầm hoạt động BKS, BKS cũng đã sử dụng dịch vụ tư vấn của Công ty TNHH KPMG Việt Nam để rà soát quy chế và quy trình làm việc của BKS. Kết quả rà soát và các đề xuất của đơn vị tư vấn đã cung cấp cho BKS một cái nhìn thấu đáo và toàn diện về một mô hình hoạt động BKS hiện đại và hiệu quả hơn, tiệm cận với các thực hành tiên tiến trên thế giới và quy định của pháp luật Việt Nam.

Dựa trên kết quả tư vấn, BKS sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy trình làm việc cũng như tiếp tục công việc kiểm tra giám sát thông qua phòng KTNB, kiểm toán độc lập, và các hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS để đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động của HĐQT và BDH. Những công việc nói trên sẽ góp phần phát triển hơn nữa khả năng quản trị và quản lý rủi ro của Vinamilk, là những phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển bền vững của Vinamilk. Kế hoạch hoạt động 2014 cụ thể như sau:

Kiểm toán nội bộ

Với việc hệ thống quản trị rủi ro toàn Vinamilk đã được triển khai tới các khối điều hành, phòng KTNB sẽ tiến hành kiểm toán dựa trên bản đồ rủi ro này, đảm bảo hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện đối với những rủi ro quan trọng nhất và từ đó tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản lý rủi ro của Vinamilk.

Phòng KTNB đã xây dựng chiến lược phát triển trong ba năm tới, trong đó tập trung phát triển về nhân sự, hệ thống cũng như khả năng chuyên môn để đáp ứng được với nhu cầu kiểm toán nội bộ theo bản đồ rủi ro của toàn Công ty.

Kiểm toán độc lập

BKS sẽ hoàn thiện về hình thức và nội dung trong các trao đổi với đơn vị kiểm toán độc lập cũng như quy trình đánh giá và giới thiệu kiểm toán độc lập cho ĐHCĐ. Quy trình đánh giá sẽ bao gồm sự tham gia của Tổng giám đốc và Giám đốc Điều hành Tài chính của Vinamilk.



Các hoạt động khác

BKS sẽ tiếp tục theo dõi việc triển khai hệ thống quản trị rủi ro tới các khối điều hành, hỗ trợ Vinamilk hoàn thiện việc triển khai các quy trình và thủ tục đồng đều ở các cấp nhằm kiểm soát giao dịch với các bên liên quan và thành viên có liên quan.

BKS cũng sẽ dần hoàn thiện các quy trình hoạt động của mình dựa trên kết quả của tư vấn độc lập và phù hợp với thực tiễn hoạt động của Vinamilk.

Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục cùng sát cánh đưa hoạt động của Vinamilk ngày càng lớn mạnh và chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ các quý vị Cổ đông đã dành cho BKS trong năm 2013 và trong thời gian tới.

Trân trọng,

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014.

Thay mặt Ban Kiểm soát

Nguyễn Trung Kiên
Trưởng ban

BÁO CÁO GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc ("TGD") đối với việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2013 như sau:

Phương pháp giám sát

- » Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, Hội đồng quản trị thực hiện trao đổi và chất vấn các hoạt động của TGD trong việc thực hiện các chiến lược và mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại đại hội tháng 4 năm 2013. TGD báo cáo chi tiết về tiến độ cũng như các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong suốt quá trình thực hiện. HĐQT cùng với TGD đã thảo luận, bàn bạc trực tiếp hoặc bằng văn bản để đưa ra giải pháp, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao phó.
- » Kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm Soát (BKS) để nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của CTCP Sữa Việt Nam và đóng góp ý kiến với TGD và Ban Điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. HĐQT trao đổi, bàn bạc chi tiết và cởi mở đối với những ý kiến đóng góp và đề xuất của BKS, với tư cách là giám sát viên và đại diện của nhà đầu tư. Các ý kiến đóng góp đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của HĐQT và TGD.
- » Bên cạnh đó, HĐQT làm việc với phòng Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro để xây dựng cơ cấu quản trị rủi ro doanh nghiệp theo các thông lệ và chuẩn mực tiên tiến trên thế giới.
- » Các tiểu ban của HĐQT thông qua các phiên họp định kỳ và hoạt động nhóm đã xem xét lại toàn bộ các vấn đề quản trị doanh nghiệp cần cải thiện.
- » HĐQT đưa ra Nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua các kế hoạch của Quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Tổng Giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.



Kết quả giám sát

Năm 2013 tiếp tục là một năm có nhiều thử thách cho doanh nghiệp Việt Nam, với nhiều bất ổn cho cả kinh tế thế giới lẫn trong nước. Sau một thời gian dài lạm phát cao, tăng trưởng thấp, niềm tin của người dân bị giảm sút, môi trường kinh doanh đầy khó khăn. Trong năm 2013, tuy doanh thu có phần giảm sút không đáng kể so với kế hoạch, Tổng Giám đốc và Ban Điều Hành đã hoàn thành kế hoạch và mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao phó. Kết quả điều hành của TGD mà ĐHĐCĐ giao bao gồm:

◆ Doanh thu, lợi nhuận

(Tỷ đồng)	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2012	% thực hiện/ KH	Tăng so với 2012
Tổng doanh thu	31.586	32.500	27.102	97%	17%
Lợi nhuận trước thuế	8.010	7.830	6.930	102%	16%
Lợi nhuận sau thuế	6.534	6.230	5.819	105%	12%

(Theo số liệu Báo cáo hợp nhất).

◆ Đầu tư tài sản

Hoàn thành đúng tiến độ các dự án xây dựng nhà máy mới, mở rộng nhà máy, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ, mở rộng trang trại, cụ thể:

- » Đưa Nhà máy Sữa Việt Nam vào sản xuất thương mại từ tháng 5/2013, tổ chức chạy nghiệm thu 100% công suất toàn nhà máy và kho thông minh ngày 11/07/2013.
- » Khánh thành Nhà máy sữa bột Việt Nam ngày 22/04/2013 và bàn giao đưa nhà máy đi vào hoạt động sản xuất thương mại.
- » Tiếp tục triển khai các dự án nâng công suất các Nhà máy Tiên Sơn, Sữa Lam Sơn.
- » Triển khai các dự án các trang trại bò sữa: Trang trại bò sữa Hà Tĩnh, Trang trại Lâm Đồng, dự án Nông trại Thống Nhất Thanh Hóa.

◆ Về quản trị doanh nghiệp

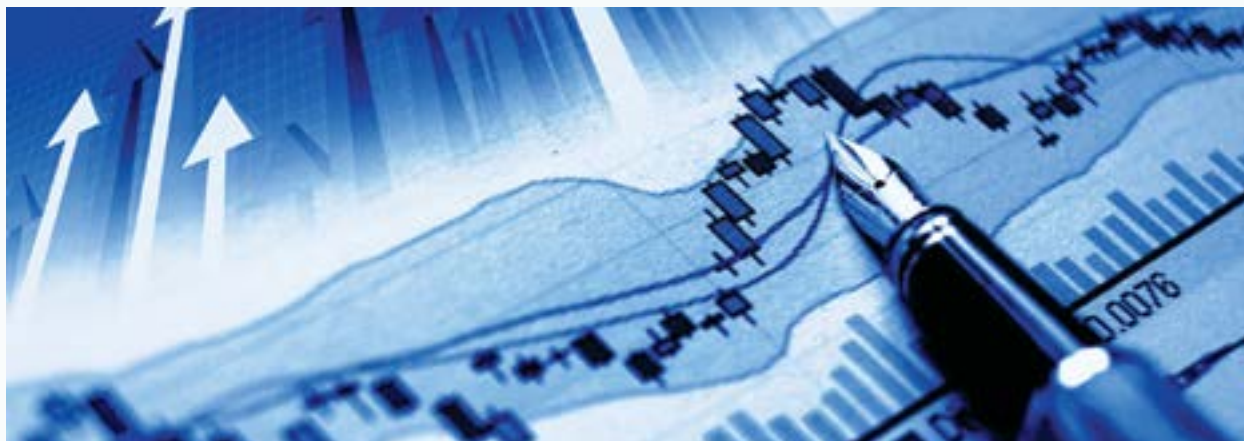
- » Hoàn tất việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán được lựa chọn là Công ty kiểm toán KPMG.
- » Hoàn tất việc sửa đổi và ban hành Điều lệ 2013 ngày 26/04/2013.
- » Hoàn tất việc mua bảo hiểm trách nhiệm cho thành viên HĐQT: theo hợp đồng số hiệu HCM3.D07.D&O.12.HD01 ngày 24/12/2012.
- » Triển khai việc thành lập Tiểu ban Quản lý rủi ro.
- » Tổ chức việc soát xét và điều chỉnh Quy chế Quản trị công ty phù hợp với luật pháp, các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt nhất và tôn trọng đặc thù của doanh nghiệp.
- » Tổ chức việc triển khai kế hoạch nhân sự kế thừa cho cấp quản lý của Công ty.
- » Tăng cường cho hoạt động quản trị rủi ro (QTRR) doanh nghiệp bằng việc xây dựng cơ cấu QTRR, hệ thống tài liệu cho QTRR, và tổ chức việc đào tạo về QTRR.

Kết luận

Theo đánh giá của HĐQT, TGD đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2013, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

BÁO CÁO GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo đánh giá của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH) đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2013, đồng thời tuyệt đối tuân thủ các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty và các quy định pháp lý hiện hành. Nội dung giám sát cụ thể như sau:



Phương pháp kiểm tra, giám sát

Theo quy định tại Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT có trách nhiệm ban hành quy định về đánh giá năng lực đối với thành viên BDH. Quy định này phải bao gồm tối thiểu các nội dung: phương pháp, tần suất, cách thức, trình tự đánh giá. Ngoài ra, HĐQT cũng có thể dựa vào (i) các bản tự đánh giá hoạt động của các thành viên BDH và (ii) ý kiến đánh giá của Tổng Giám Đốc đối với thành viên BDH đó. Căn cứ các quy chế nội bộ đã ban hành, trên cơ sở xác định các ưu tiên công việc của HĐQT và thực tế hoạt động của Công ty, HĐQT đã chọn cách tiếp cận thứ hai trong việc đánh giá BDH. Nội dung đánh giá tập trung vào việc BDH thực hiện các nghị quyết của HĐQT. Các thành viên BDH được đánh giá trên cả 2 phương diện: kết quả thực hiện các KPI (MBO) và năng lực chuyên môn (competency).

Trên thực tế, việc tự đánh giá của từng thành viên BDH và đánh giá của TGD đối với từng thành viên BDH được thực hiện thường xuyên, theo định kỳ, dựa trên hệ thống các tiêu chí định lượng và định tính khách quan và khoa học, được cá thể hóa phù hợp bằng mô tả công việc và chức trách nhiệm vụ của mỗi thành viên BDH. Kết quả đánh giá được cung cấp, thuyết minh đầy đủ cho Tiểu ban Nhân sự của HĐQT xem xét, trước khi đưa ra HĐQT thảo luận, thông qua.

Kết quả giám sát

Trong năm 2013, mặc dù phải hoạt động trong một môi trường kinh doanh không thuận lợi, cạnh tranh gay gắt, sức mua giảm sút, chi phí đầu vào có xu hướng gia tăng, dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, tập thể BDH đã thể hiện tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tính chuyên nghiệp và trách nhiệm cao trong công việc. Nhờ đó, BDH đã đưa Công ty hoàn thành xuất sắc và vượt kế hoạch và mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao phó trên nhiều chỉ tiêu chủ yếu. Vị thế dẫn đầu và uy tín của Công ty trên thị trường tiếp tục được duy trì và củng cố vững chắc. Nguồn vốn đầu tư của các cổ đông được bảo toàn và đem lại tỷ suất sinh lợi cao. Đời sống của người lao động và môi trường làm việc được cải thiện, người lao động ngày càng thêm gắn bó với doanh nghiệp. Hàng loạt các dự án đầu tư trọng điểm được hoàn thành và đưa vào hoạt động đúng tiến độ trong năm 2013 đã góp phần nâng cao năng lực sản xuất, chuẩn bị nền tảng vững chắc cho Công ty bước sang một thời kỳ phát triển mới, hướng tới mục tiêu 3 tỷ USD doanh thu vào năm 2017.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2013 tiếp tục được khẳng định là năm mà HĐQT của Vinamilk đã có nhiều nỗ lực đáng ghi nhận trong việc tự hoàn thiện mình để từng bước cải thiện năng lực quản trị cả về lượng lẫn về chất.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2016 có 07 thành viên, chi tiết như sau:

	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (CP) có quyền biểu quyết
1.	Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân: 2.265.480 CP; Đại diện cho SCIC: 62.622.000 CP
2.	Ông Lê Song Lai	Thành viên HĐQT không điều hành	Sở hữu cá nhân: 0 CP. Đại diện cho SCIC: 250.488.000 CP.
3.	Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT không điều hành	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho các quỹ đầu tư: 34.305.815 CP
4.	Ông Ng Jui Sia	Thành viên HĐQT không điều hành	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho F&N Dairy Investments Pte Ltd: 79.507.485 CP
5.	Bà Lê Thị Băng Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 0 CP
6.	Ông Hà Văn Thắm	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 0 CP
7.	Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 686.362 CP Đại diện cho SCIC: 62.622.000 CP

Ghi chú: Số lượng cổ phiếu sở hữu được căn cứ vào danh sách cổ đông ngày 18/12/2013.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2013 đã thông qua việc:

- » Bổ nhiệm ông Pascal De Petrini, đại diện của cổ đông lớn F&N Dairy Investments Pte Ltd.
- » Bầu bổ sung 2 thành viên HĐQT độc lập là Bà Lê Thị Băng Tâm và Ông Hà Văn Thắm.

Ngày 23 tháng 5 năm 2013, ông Pascal De Petrini từ nhiệm khỏi vị trí thành viên HĐQT. Ông Ng Jui Sia, là đại diện vốn của F&N Dairy Investments Pte Ltd, được bầu vào HĐQT để thay thế ông Pascal De Petrini. Việc bổ nhiệm ông Ng Jui Sia sẽ được đưa ra trình ĐHĐCĐ năm 2014 phê duyệt.

HĐQT có hai (02) thành viên độc lập, ba (03) thành viên không điều hành. Tiểu sử sơ lược của các thành viên HĐQT, bao gồm các chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác sẽ được nêu ở trang 70 - 73 của báo cáo thường niên này.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

THÀNH VIÊN	TIỂU BAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN	TIỂU BAN QUẢN LÝ RỦI RO	TIỂU BAN NHÂN SỰ	TIỂU BAN LƯƠNG THƯỞNG
Chủ tịch Tiểu ban	1. Ông Lê Song Lai	1. Ông Lê Anh Minh	1. Ông Hà Văn Thắm	1. Bà Lê Thị Băng Tâm
Thành viên	2. Bà Mai Kiều Liên	2. Ông Ng Jui Sia	2. Bà Mai Kiều Liên	2. Ông Ng Jui Sia
Thành viên	3. Bà Ngô Thị Thu Trang	3. Ông Hà Văn Thắm	3. Ông Lê Song Lai	3. Ông Lê Anh Minh
Thành viên	4. Bà Lê Thị Băng Tâm	4. Bà Ngô Thị Thu Trang		

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm, các cuộc họp bất thường cũng được triệu tập khi có yêu cầu. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự của Ban kiểm soát với tư cách quan sát viên.

Trong năm 2013, HĐQT đã thực hiện 4 cuộc họp HĐQT. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

STT	Họ và tên	Số cuộc họp	Tham dự
1	Bà Mai Kiều Liên	4	4
2	Ông Lê Song Lai	4	3
3	Ông Lê Anh Minh	4	4
4	Bà Ngô Thị Thu Trang	4	4
5	Ông Pascal De Petrini	2	2
6	Ông Ng Jui Sia	2	2
7	Bà Lê Thị Băng Tâm	2	1
9	Ông Hà Văn Thắm	2	1

Ghi chú:

- » Bà Lê Thị Băng Tâm được bổ nhiệm là thành viên HĐQT từ ngày 26/04/2013
- » Ông Hà Văn Thắm được bổ nhiệm là thành viên HĐQT từ ngày 26/04/2013
- » Ông Pascal De Petrini từ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 23/05/2013
- » Ông Ng Jui Sia được bổ nhiệm là thành viên HĐQT từ ngày 23/05/2013

Nội dung và kết quả của các cuộc họp HĐQT

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung chính
Phiên 1 25/01/2013	5/5 Quan sát viên: Thành viên BKS	- Thông qua kết quả kinh doanh 2012 - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ 2013 - Thông qua các dự án đầu tư mở rộng ra nước ngoài - Đánh giá quy mô và thành phần của HĐQT và Bộ máy điều hành - Thông qua kết quả MBO và cơ cấu lương thưởng HĐQT, Ban điều hành. - Tổng kết và đánh giá hoạt động của HĐQT và của các thành viên HĐQT năm 2012 - Thông qua báo cáo của Tổng giám đốc.
Phiên 2 25/4/2013	5/5 Quan sát viên: Thành viên BKS	- Thông qua báo cáo tình hình Quý I/2013 - Thông qua kế hoạch Quý II/2013 - Thông qua kế hoạch xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa cho Ban điều hành và Kế toán trưởng - Quy định về tính độc lập của thành viên HĐQT - Thông qua Chính sách an ninh thông tin - Các vấn đề khác : Esop, Chọn đại diện tại Hoa Kỳ (US Agent)
Phiên 3 26/07/2013	5/7 Quan sát viên: Thành viên BKS	- Thảo luận và thông qua các nội dung về Quản trị Công ty - Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ - Tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT - Tình hình thực hiện Quý II/2013 và kế hoạch Quý III/2013 - Thông qua các Dự án đầu tư
Phiên 4 29/11/2013	6/7 Quan sát viên: Thành viên BKS	- Các nội dung về Quản trị công ty - Điều chỉnh ủy quyền của HĐQT cho TGD - Xem xét biện pháp nâng cao quản trị doanh nghiệp, giao phó trách nhiệm định hướng nâng cao quản trị doanh nghiệp cho Tiểu ban phù hợp. - Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ - Tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT - Tình hình thực hiện Quý III/2013 và kế hoạch Quý IV/2013 - Các nội dung dự án đầu tư - Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận 2014

Qua các cuộc họp trên, HĐQT đã ban hành các nghị quyết trong năm như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày
1	01/NQ-CTS.HĐQT/2013	26/01/2013
2	02/NQ-CTS.HĐQT/2013	31/01/2013
3	03/NQ-CTS.HĐQT/2013	31/01/2013
4	04/NQ-CTS.HĐQT/2013	26/02/2013
5	05/NQ-CTS.HĐQT/2013	04/03/2013
6	06/NQ-CTS.HĐQT/2013	25/04/2013
7	07/NQ-CTS.HĐQT/2013	03/05/2013
8	08/NQ-CTS.HĐQT/2013	17/05/2013
9	09/NQ-CTS.HĐQT/2013	23/05/2013
10	10/NQ-CTS.HĐQT/2013	18/06/2013
11	11/NQ-CTS.HĐQT/2013	18/06/2013
12	12/NQ-CTS.HĐQT/2013	05/07/2013
13	13/NQ-CTS.HĐQT/2013	26/07/2013
14	14/NQ-CTS.HĐQT/2013	30/08/2013
15	15/NQ-CTS.HĐQT/2013	09/09/2013
16	16/NQ-CTS.HĐQT/2013	25/10/2013
17	17/NQ-CTS.HĐQT/2013	28/10/2013
18	18/NQ-CTS.HĐQT/2013	29/11/2013
19	19/NQ-CTS.HĐQT/2013	13/12/2013
20	20/NQ-CTS.HĐQT/2013	13/12/2013
21	21/NQ-CTS.HĐQT/2013	24/12/2013

Nội dung

Quyết định mức thưởng thành viên Hội đồng quản trị. Phê duyệt kết quả đánh giá MBO của BDH, KTT.

Quyết định đầu tư xây dựng nhà máy tại Campuchia.

Thông qua một số vấn đề tại cuộc họp HĐQT lần 4 năm 2012.

Điều chỉnh nội dung Quy chế chương trình cổ phiếu nhân viên.

Đề xuất điều chỉnh tăng mức cổ tức năm 2012 để Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt, ấn định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2013.

Đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Ghi chú:

Việc phát hành và tăng vốn điều lệ là theo Nghị quyết ĐHCĐ 2012, đã hoàn tất và công bố đúng quy định. Việc ban hành Nghị quyết này nhằm mục đích ghi nhận và phê duyệt chính xác số vốn được tăng lên theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Lựa chọn Đại diện thương mại của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Ngày chốt danh sách cổ đông và ngày thanh toán cổ tức đợt 2/2012

Thay đổi thành viên HĐQT.

Phê chuẩn tăng vốn đầu tư vào công ty Miraka.

Ghi chú:

Việc ban hành Nghị quyết này chỉ là phê duyệt chủ trương và là thủ tục đầu tiên để Vinamilk có thể thực hiện các thủ tục tiến hành góp vốn. Sau khi có sự phê duyệt từ các Bộ ngành chức năng có liên quan và hoàn tất thủ tục góp vốn thì Vinamilk sẽ thực hiện công bố kết quả tăng vốn.

Thông qua một số điều khoản, điều kiện để xem xét việc mua cổ phần ở nước ngoài.

Bổ nhiệm người đại diện vốn và ủy quyền cho Tổng giám đốc chỉ định nhân sự cho các vị trí quản lý của liên doanh tại Campuchia.

Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013.

Điều chỉnh dự án thành lập công ty liên doanh sản xuất sữa tại Campuchia.

Lưu chuyển nhân sự trong Ban Điều hành.

Điều chỉnh cơ cấu tổ chức.

Thành lập công ty con – công ty TNHH Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa và bổ nhiệm nhân sự làm người đại diện vốn.

Tạm ứng thêm cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt.

Thông qua các vấn đề tại cuộc họp Hội đồng quản trị lần 3 năm 2013.

Chấp thuận đơn nghỉ việc của Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân – Quyền Giám đốc điều hành Marketing.

Bổ nhiệm người đại diện phần vốn góp và tham gia HĐQT Driftwood.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Các Tiểu ban của HĐQT hoạt động theo các trách nhiệm và nhiệm vụ được quy định trong Quy chế quản trị Công ty. Các Tiểu ban của HĐQT chuẩn bị các nội dung làm việc của Tiểu ban và họp cùng với các cuộc họp của HĐQT. Trong năm, các hoạt động cụ thể của các Tiểu ban như sau:

Tiểu ban	Hoạt động
Tiểu ban Chính sách phát triển	Đề xuất bổ sung, sửa đổi Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu chiến lược và các lĩnh vực quan trọng.
Tiểu ban Quản lý rủi ro	Xây dựng Chính sách Quản lý rủi ro Xây dựng Tiêu chí – thông số rủi ro Xác định danh mục rủi ro quan trọng Xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Tiểu ban Nhận thêm nhiệm vụ về quản trị doanh nghiệp, cụ thể là xem xét kế hoạch nâng cao mức độ đáp ứng về quản trị Công ty theo các tiêu chuẩn thực hành tiên tiến.
Tiểu ban Nhân sự	Thực hiện các báo cáo giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành Xây dựng quy định về việc thực hiện báo cáo giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Tổng Giám đốc. Xây dựng lộ trình xác định (i) tiêu chí và thực hiện đánh giá năng lực và phẩm chất của thành viên HĐQT và (ii) tiêu chí đánh giá tính độc lập của Thành viên HĐQT độc lập cho mục đích duy trì tính độc lập.
Tiểu ban Lương thưởng	Xây dựng Chính sách thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban thư ký. Xác định mức thù lao của thành viên HĐQT năm 2013

Trong đó, các thành viên HĐQT độc lập đảm nhiệm vai trò là Trưởng Tiểu ban Lương thưởng và Trưởng Tiểu ban Nhân sự. Việc này nhằm gia tăng tính độc lập trong các nội dung mà các tiểu ban này phụ trách. Đồng thời đáp ứng một cách tốt nhất quy định về quản trị công ty theo Thông tư 121.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng quản trị công ty, tương xứng với vị thế là doanh nghiệp niêm yết hàng đầu tại Việt Nam, năm 2013 tiếp tục được khẳng định là năm mà HĐQT của Vinamilk đã có nhiều nỗ lực đáng ghi nhận trong việc tự hoàn thiện mình để từng bước cải thiện năng lực quản trị cả về lượng lẫn về chất, cụ thể:

- » HĐQT đã duy trì nề nếp hoạt động thường xuyên, phù hợp quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp và số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- » Chủ động kiện toàn bộ máy nhân sự của HĐQT trên cơ sở cơ cấu lại thành phần các tiểu ban, tăng cường chuyên môn hóa, phát huy sở trường và thế mạnh của từng thành viên để nâng cao hiệu quả hoạt động. Các Tiểu ban đã rất nỗ lực trong việc xây dựng và hoàn thiện quy chế hoạt động, đồng thời triển khai có kết quả các nhiệm vụ của từng Tiểu ban theo Quy chế quản trị Công ty. Hoạt động và kết quả thực hiện của các Tiểu ban đều được báo cáo kịp thời cho HĐQT. Mỗi thành viên đều chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình và đóng góp ý kiến vào quyết định chung của HĐQT.
- » HĐQT đã đưa ra các định hướng triển khai một cách cụ thể, đảm bảo tính khả thi của các chủ trương được đề xuất và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- » HĐQT cũng định hướng và giám sát thực hiện việc triển khai các chương trình quan trọng của Công ty như hệ thống quản lý rủi ro, chương trình hoạch định nhân sự kế thừa.
- » Công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao được triển khai một cách hiệu quả, thực chất.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Trong năm 2013, các thành viên HĐQT và Ban Thư ký đã tham dự lớp đào tạo về quản trị công ty. Danh sách thành viên HĐQT tham gia như sau:

- » Ông Lê Song Lai
- » Ông Lê Anh Minh
- » Bà Ngô Thị Thu Trang

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

1. Hội đồng Quản trị:

			Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Bà	Mai Kiều Liên	Chủ tịch	36%	62%	2%	100%
Ông	Lê Song Lai	Thành viên không điều hành		20%	80%	100%
Ông	Lê Anh Minh	Thành viên không điều hành		20%	80%	100%
Ông	Pascal De Petrini	Thành viên không điều hành		20%	80%	100%
Ông	Ng Jui Sia	Thành viên không điều hành		22%	78%	100%
Bà	Lê Thị Băng Tâm	Thành viên độc lập		21%	79%	100%
Ông	Hà Văn Thắm	Thành viên độc lập		21%	79%	100%
Bà	Ngô Thị Thu Trang	Thành viên	48%	49%	3%	100%

2. Ban Kiểm soát:

			Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Ông	Nguyễn Trung Kiên	Trưởng ban		0%	100%	100%
Ông	Nguyễn Ngọc Vũ Chương	Thành viên		0%	100%	100%
Bà	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên		0%	100%	100%
Ông	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên		0%	100%	100%
Ông	Vũ Trí Thức	Thành viên		0%	100%	100%

3. Ban Điều hành:

			Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Ông	Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành	51%	49%		100%
Bà	Nguyễn Thị Như Hằng	Giám đốc Điều hành	50%	50%		100%
Bà	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành	52%	48%		100%
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành	51%	49%		100%
Bà	Nguyễn Hữu Ngọc Trân	Giám đốc Điều hành	58%	42%		100%
Ông	Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành	51%	49%		100%

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ

		Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ %		
		2012	2013	Mua / (Bán)	2012	2013	thay đổi
Hội đồng Quản trị							
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	375.732.000	375.732.000	-	45,05%	45,05%	0,00%
2	Mai Kiều Liên	2.265.480	2.265.480	-	0,27%	0,27%	0,00%
3	Ngô Thị Thu Trang	686.362	686.362	-	0,08%	0,08%	0,00%
4	Lê Anh Minh (Đại diện các quỹ)	42.351.315	33.764.815	(8.586.500)	5,08%	4,05%	-1,03%
	» Vietnam Enterprise Investments Limited	19.513.620	14.113.620	(5.400.000)	2,34%	1,69%	-0,65%
	» Griling International Limited	6.215.985	3.715.985	(2.500.000)	0,75%	0,45%	-0,30%
	» Amersham Industries Limited	16.621.710	12.021.710	(4.600.000)	1,99%	1,44%	-0,55%
	» Norges Bank	0	3.913.500	3.913.500	0,00%	0,47%	0,47%
5	Ng Jui Sia (Đại diện cho F&N Dairy Investment)	79.507.485	79.507.485	-	9,53%	9,53%	0,00%
6	Nguyễn Thị Băng Tâm	-	-	-	0,00%	0,00%	0,00%
7	Hà Văn Thắm	-	-	-	0,00%	0,00%	0,00%
Ban Kiểm soát							
1	Nguyễn Trung Kiên	22.500	22.500	-	0,00%	0,00%	0,00%
2	Nguyễn Vũ Ngọc Chương	-	-	-	0,00%	0,00%	0,00%
3	Nguyễn Thị Tuyết Mai	23.405	23.405	-	0,00%	0,00%	0,00%
4	Vũ Trí Thức	-	-	-	0,00%	0,00%	0,00%
Ban Điều hành				-			
1	Mai Kiều Liên (như trên)			-			
2	Ngô Thị Thu Trang (như trên)			-			
3	Mai Hoài Anh	152.325	152.325	-	0,02%	0,02%	0,00%
4	Nguyễn Thị Như Hằng	359.572	279.572	(80.000)	0,04%	0,03%	-0,01%
5	Nguyễn Thị Thanh Hòa	532.215	532.215	-	0,06%	0,06%	0,00%
6	Nguyễn Quốc Khánh	237.960	137.960	(100.000)	0,03%	0,02%	-0,01%
7	Trần Minh Văn	420.030	420.030	-	0,05%	0,05%	0,00%
Kế toán trưởng							
	Lê Thanh Liêm	145.035	145.035	-	0,02%	0,02%	0,00%

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Theo quy định tại Điều lệ của Vinamilk về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý quan trọng khác được HĐQT bổ nhiệm và bãi miễn theo đề nghị của Tổng Giám đốc, có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan.

- » Trong năm 2013, Công ty không nhận được bất kỳ thông báo nào từ các thành viên này với Công ty về việc phát sinh các giao dịch.
- » Công ty cũng không có bất kỳ các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng nào cho các thành viên trên hay người có liên quan của họ.

Việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty

Năm 2013, Vinamilk đã nỗ lực thực hành theo cơ chế quản trị tiên tiến và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định về pháp luật đối với một công ty cổ phần đại chúng niêm yết. Việc này đã nâng tầm chất lượng quản trị của Công ty ở mọi khía cạnh. Trong đó nổi bật là các nội dung về:

- » Nâng số lượng thành viên HĐQT từ 5 lên 7 thành viên, bao gồm việc bổ sung 2 thành viên HĐQT độc lập.
- » Tái cơ cấu các Tiểu ban Hội đồng quản trị, bổ sung thành viên và phân công trách nhiệm thực hiện cụ thể, rõ ràng.
- » Cải tiến phương thức và nội dung chương trình họp HĐQT theo thực hành tiên tiến.
- » Nâng cao mức độ tham gia của HĐQT, Ban kiểm soát trong việc xây dựng các chiến lược dài hạn, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro của Công ty.
- » Tuân thủ và thực hiện một cách tốt nhất việc thông tin đến cổ đông, các bên liên quan về tình hình hoạt động và công bố thông tin.

Bên cạnh đó, đối với công tác triển khai các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận, Công ty đã nỗ lực tạo điều kiện để thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty của Công ty tham dự đều nỗ lực tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận. Tuy nhiên trong năm 2013, một số thành viên chưa tham dự được đầy đủ do một số yếu tố cả khách quan và chủ quan như điều kiện tham dự, các khác biệt về ngôn ngữ, vị trí địa lý ...



BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO



Từ năm 2010, Vinamilk bắt đầu triển khai hệ thống Quản lý rủi ro và tích hợp vào hoạt động của doanh nghiệp. Sau gần 3 năm triển khai, năm 2013 là năm Vinamilk đặt mục tiêu vào việc đánh giá chặng đường đã qua và thực hiện những bước cải tiến hệ thống Quản lý rủi ro. Từ đó, phát triển hệ thống Quản lý rủi ro lên một giai đoạn mới, từ giai đoạn Ứng phó (Re-active) chuyển sang giai đoạn Chủ động (Tactical). Đồng thời, ngày càng tích hợp sâu quản trị rủi ro vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần tạo thành một chiến lược phát triển đúng định hướng và bền vững.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO TỪ GIAI ĐOẠN ỨNG PHÓ SANG GIAI ĐOẠN CHỦ ĐỘNG

Ở từng giai đoạn, hệ thống Quản lý rủi ro đều được đánh giá trên ba khía cạnh: con người, quy trình, hệ thống (theo thang đánh giá tư vấn của KPMG). Trong năm 2013, kết quả thực hiện được ghi nhận với những điểm chính sau đây:

Về khía cạnh con người:

Vinamilk tập trung vào việc cải tiến và nâng tầm cơ cấu quản trị rủi ro và đào tạo kiến thức quản trị rủi ro cho những nhân sự chủ chốt trong công tác này. Cụ thể:

- ◆ Thành lập Tiểu ban Quản lý rủi ro, bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị (cơ cấu của Tiểu ban được đề cập tại phần Báo cáo Quản trị).
- ◆ Thành lập Hội đồng Quản lý rủi ro của Công ty, bao gồm Ban Điều hành và các Giám đốc trực thuộc Tổng Giám đốc.
- ◆ Tiểu ban Quản lý rủi ro và Hội đồng Quản lý rủi ro thực thi nhiệm vụ theo cơ chế làm việc được Công ty xây dựng và ban hành phù hợp với Chính sách Quản lý rủi ro.
- ◆ Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo kiến thức quản trị rủi ro cho các thành viên của Tiểu ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Quản lý rủi ro, Bộ phận Quản lý rủi ro, Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ theo các tiêu chuẩn và thực hành quản lý rủi ro tiên tiến.

Về khía cạnh quy trình:

Vinamilk thực hiện soát xét và cải tiến các tài liệu của hệ thống quản trị rủi ro theo các tiêu chuẩn và thực hành tiên tiến với sự hỗ trợ của đội chuyên gia KPMG:

- ◆ Soát xét Chính sách, Thủ tục Quản lý rủi ro.
- ◆ Soạn lập mới Sổ tay Quản lý rủi ro như một cẩm nang hướng dẫn về công tác quản lý rủi ro chung của Công ty.
- ◆ Xây dựng và phát triển quy trình tự đánh giá kiểm soát cho những rủi ro quan trọng. Đây được xem là một lớp tự bảo vệ cho các Chủ sở hữu rủi ro trong việc đảm bảo tính hữu hiệu và hiệu quả của hệ thống kiểm soát.
- ◆ Tích hợp quản lý rủi ro vào các hoạt động chính yếu của Công ty trong năm 2013 như lĩnh vực quản lý dự án, dự án nhân sự kế thừa, các công tác quản trị chung,...

Về khía cạnh hệ thống:

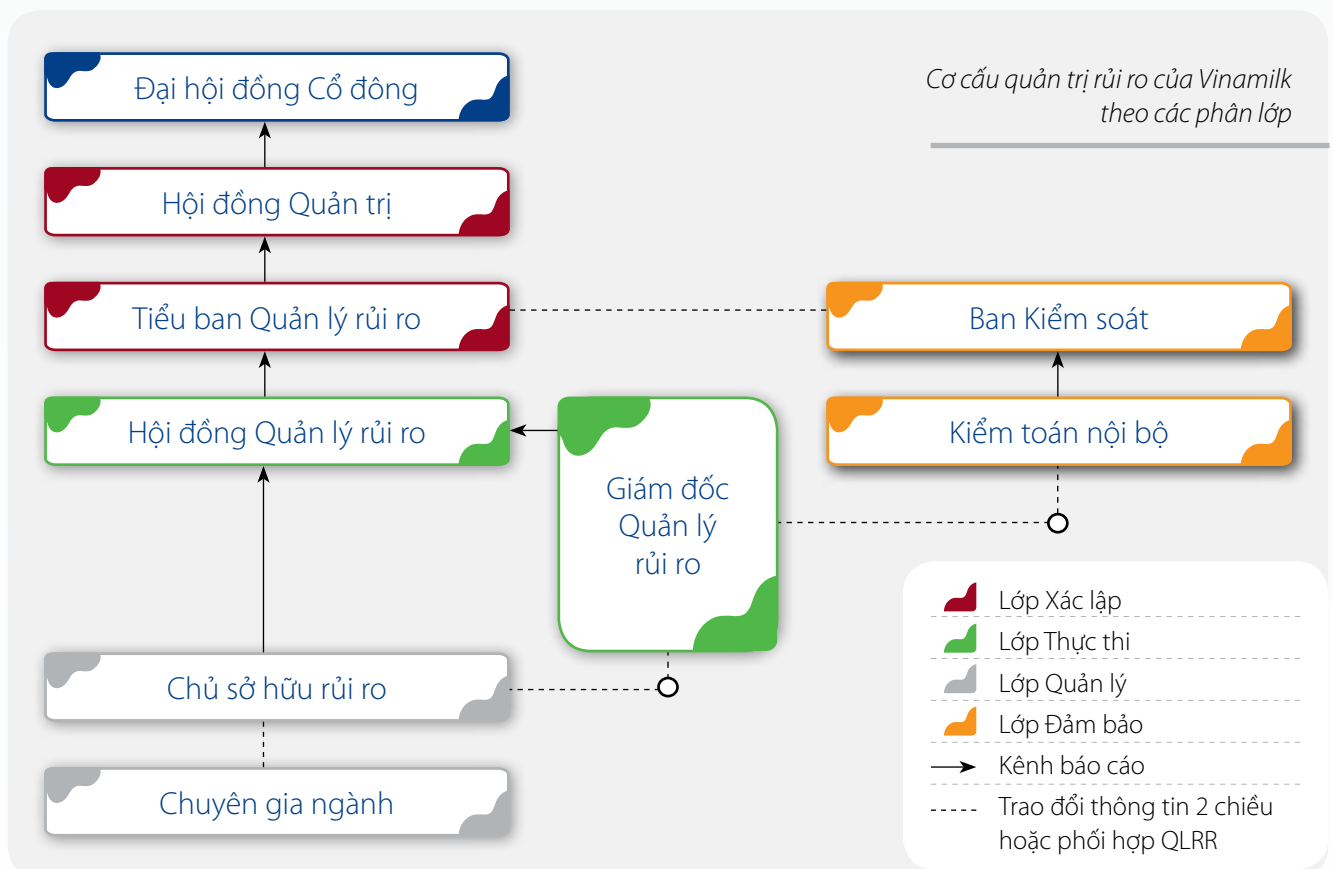
Vinamilk cải tiến hệ thống Quản lý rủi ro liên tục theo xu hướng nhìn về tương lai thông qua các Báo cáo dự báo, phân tích xu hướng. Đồng thời, với tiêu chí đơn giản và dễ tiếp cận, ở giai đoạn này, Vinamilk sử dụng các công cụ hỗ trợ đơn giản (như các báo cáo Excel, Powerpoint) để ghi nhận và trình bày các thông tin về hoạt động quản lý rủi ro.

Với hệ thống Quản lý rủi ro hiện tại, cơ cấu quản trị rủi ro của Vinamilk và các rủi ro được quan tâm hàng đầu đã xác định trong năm 2013 được trình bày với những nội dung sau đây:

Cơ cấu quản trị rủi ro của Vinamilk

Vinamilk tiếp tục theo đuổi mô hình quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000:2009. Cơ cấu quản trị rủi ro được rà soát và cải tiến theo hướng đảm bảo thực hiện các yêu cầu của tiêu chuẩn cũng như kế thừa các thực hành tiên tiến trên thế giới. Cơ cấu bao gồm 04 phân lớp:

- Xác lập:** Bao gồm Hội đồng Quản trị, Tiểu ban Quản lý rủi ro. Phân lớp này chịu trách nhiệm cuối cùng trước cổ đông việc xác lập một hệ thống QLRR hiệu quả, đảm bảo các rủi ro được quản lý một cách phù hợp.
- Thực thi:** Bao gồm Hội đồng Quản lý rủi ro, Giám đốc Quản lý rủi ro, Đội ngũ Điều phối viên. Phân lớp này xây dựng và thực thi khung QTRR trong hoạt động của Công ty.
- Quản lý:** Bao gồm Chủ sở hữu rủi ro, Chuyên gia ngành. Phân lớp này quản lý thường xuyên các rủi ro của Công ty.
- Đảm bảo:** Bao gồm Ban kiểm soát, Kiểm toán nội bộ. Phân lớp này cung cấp sự đảm bảo để xác thực thông tin rủi ro và hiệu quả của các hoạt động kiểm soát một cách độc lập.



Các rủi ro được quan tâm hàng đầu của Vinamilk

Năm 2013 cùng với việc rà soát lại cơ cấu, các chính sách, quy trình, Vinamilk cũng đồng thời thực hiện việc soát xét danh mục rủi ro toàn Công ty. Trên cơ sở cân bằng giữa lợi ích và chi phí, Công ty đã quyết định lựa chọn các rủi ro được quan tâm hàng đầu để tập trung nguồn lực quản lý, góp phần hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đặt ra.

10 rủi ro được quan tâm hàng đầu của Vinamilk:

Mã rủi ro	Mã rủi ro	Diễn tả rủi ro	Loại rủi ro
ST007	Rủi ro cạnh tranh	Khả năng bảo vệ, duy trì và/hoặc tăng mục tiêu chiến lược của Vinamilk liên quan đến thị trường kinh doanh.	Chiến lược
ST008	Mất khách hàng quan trọng	Mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.	Chiến lược
ST017	Rủi ro cán bộ chủ chốt	Mất vị trí quản lý chủ chốt có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh liên tục và/hoặc làm mất lòng tin của cổ đông dẫn đến sự suy giảm của giá cổ phiếu.	Chiến lược
OP005	Rủi ro truyền thông đại chúng / mạng xã hội	Dư luận có ấn tượng xấu về Vinamilk do việc quản lý thông tin in ấn và các phương tiện truyền thông không hợp lý hoặc thiếu sót.	Hoạt động
OP008	Rủi ro chuỗi cung ứng	Không có sẵn và/hoặc thiếu nguồn cung cấp nguyên vật liệu gây ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục và tăng giá thành sản phẩm.	Hoạt động
OP009	Rủi ro sản phẩm bị nhiễm bẩn	Các sản phẩm bị nhiễm vi khuẩn và không đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn chất lượng.	Hoạt động
OP013	Rủi ro xâm phạm an ninh CNTT	Các tội phạm CNTT và các tổ chức tội phạm tinh vi tấn công và xâm phạm an ninh dữ liệu kinh doanh và dữ liệu khách hàng.	Hoạt động
OP019	Rủi ro chính trị quốc gia	Rủi ro xảy ra các thay đổi không mong đợi và bất lợi về luật và môi trường chính trị ở các nước Vinamilk đầu tư, gây cản trở hoạt động và các quyết định đầu tư có thể cản trở hoạt động hoặc quyết định kinh doanh.	Hoạt động
OP020	Rủi ro thực hiện chiến lược/kế hoạch kinh doanh	Thất bại trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh phát triển, đồng ý và chấp thuận ở cấp Hội đồng Quản trị.	Hoạt động
CO004	Rủi ro gian lận và tham nhũng	Thiệt hại phát sinh do nhân viên hoặc bên thứ ba hành động không phù hợp hoặc không trung thực vì lợi ích cá nhân dẫn đến thiệt hại tài chính cho Vinamilk và thiệt hại danh tiếng.	Tuân thủ

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2014

Quản lý rủi ro luôn là một trong những công tác quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành doanh nghiệp của Vinamilk. Công ty sẽ tiếp tục nâng cao hệ thống Quản lý rủi ro của mình trong những năm tiếp theo, củng cố giai đoạn Chủ động và tiến tới giai đoạn Chiến lược (Strategic). Kế hoạch công việc cụ thể trong năm 2014 được hoạch định trên ba khía cạnh như sau:



Về khía cạnh con người:

- ◆ Xác định đội ngũ Điều phối viên giàu kỹ năng và Chuyên gia ngành có chuyên môn cho từng rủi ro được quan tâm hàng đầu của Công ty. Đào tạo và cập nhật liên tục các kiến thức quản lý rủi ro cho các nhân sự trong cơ cấu.
- ◆ Đồng thời, tăng cường tham gia và chia sẻ thông tin về Quản lý rủi ro với các tổ chức/hiệp hội về quản trị Công ty/quản trị rủi ro và các hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước.

Về khía cạnh quy trình:

- ◆ Nâng cao việc tích hợp hoạt động Quản lý rủi ro vào các kiểm soát hiện hữu, đặc biệt là các kiểm soát của các rủi ro được quan tâm hàng đầu của Vinamilk.
- ◆ Đưa vào áp dụng những kỹ thuật mới trong việc tự đánh giá kiểm soát, đánh giá rủi ro và thực hiện chế độ báo cáo của phương thức đánh giá rủi ro mới.
- ◆ Thực hiện thông tin và tham vấn về Quản lý rủi ro một cách liên tục, kịp thời, có hiệu quả thông qua các hình thức chia sẻ thông tin, xây dựng chuyên mục rủi ro định kỳ và phát hành cho các nhân viên trong Công ty.
- ◆ Xây dựng và phát triển hệ thống chỉ số cảnh báo rủi ro sớm (KRIs) cho các rủi ro trong danh mục rủi ro trong sự liên hệ với các chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoạt động (KPIs).

Về khía cạnh hệ thống:

- ◆ Duy trì xu hướng hướng về tương lai trong Quản lý rủi ro và các công cụ hỗ trợ hoạt động quản lý rủi ro.
- ◆ Nghiên cứu và đánh giá sự cần thiết và phù hợp của các công cụ, phần mềm tự động hóa để nâng cấp hoạt động quản lý rủi ro.

Trong quá trình thực hiện, Vinamilk sẽ tiếp tục phối hợp cùng đội ngũ chuyên gia của KPMG để thực hiện những công việc mới, phức tạp đáp ứng tiêu chuẩn về Quản lý rủi ro và các thực hành tiên tiến.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



DOANH THU

31.586 TỶ ĐỒNG
TĂNG 17% SO VỚI NĂM 2012

Nhìn chung, mặc dù tình hình thị trường còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Vinamilk đã có một năm tăng trưởng tốt, đạt được các chỉ tiêu đặt ra từ đầu năm. Trong đó, Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt tốt hơn nhiều so với Doanh thu là kết quả của việc thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ, tăng tính hiệu quả các chương trình tiếp thị, bán hàng.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những gì đã xảy ra trong năm 2013 không ngoài dự báo của Ban điều hành. Tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 2013 tăng 5,42% so với năm 2012. Chỉ số CPI tăng 6,04% so với tháng 12/2012. Đặc biệt là sức mua của ngành hàng tiêu dùng giảm: tổng mức bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng năm 2013 tăng 12,6% so với năm 2012. Nếu loại yếu tố giá, mức tăng này chỉ đạt 5,6%. Trong khi đó, tính cạnh tranh trên thị trường ngày càng mạnh buộc Công ty phải tăng chi phí cho hoạt động tiếp thị và bán hàng. Vinamilk cũng bị ảnh hưởng trong bối cảnh chung như vậy. Đó là lý do tại sao tổng doanh số Vinamilk chỉ tăng trưởng 17%, thiếu 3% so với mục tiêu đề ra. Còn về lợi nhuận sau thuế thì Công ty tăng trưởng vượt mục tiêu 5% nhờ chính sách kiểm soát chi phí hiệu quả. Kết quả kinh doanh này được Ban Điều hành đánh giá là sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty cùng với sự tin tưởng và ủng hộ ngày càng cao của người tiêu dùng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Công ty có lượng tiền và tương đương tiền (bao gồm tiền gửi ngân hàng từ dưới 1 năm) rất lớn 6.345 tỷ đồng, tăng hơn 50% so với cùng kỳ 2012. Tiền thuần tăng thêm chủ yếu là do tạo ra từ Lợi nhuận kinh doanh.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

	2012	2013	% tăng/giảm
I. Các hệ số về khả năng thanh toán			
◆ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	4,7	4,3	(0,4)
◆ Hệ số khả năng thanh khoản ngắn hạn	2,7	2,6	(0,1)
◆ Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,8	2,0	0,1
II. Hệ số cơ cấu tài chính			
◆ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	21%	23%	
◆ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	27%	30%	
III. Hệ số hiệu quả hoạt động			
◆ Số vòng quay hàng tồn kho	5,2	5,9	0,7
◆ Vòng quay các khoản phải thu	12,0	12,4	0,4
◆ Vòng quay vốn lưu động	2,6	2,6	(0,0)
◆ Vòng quay tổng tài sản	1,5	1,5	(0,1)
IV. Các hệ số sinh lời			
◆ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	21,9%	21,1%	(0,8%)
◆ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	33,0%	30,7%	(2,3%)
◆ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	41,6%	39,6%	(2,1%)

Mặc dù có các chỉ số tài chính giảm nhẹ do sự tăng trưởng chậm lại của doanh số và lợi nhuận, nhưng nhìn chung tình hình tài chính của Công ty tiếp tục được duy trì vững mạnh.

Quản lý Nợ phải thu:

Công ty có chính sách quản lý Nợ phải thu và được cài đặt tự động trên hệ thống. Nợ phải thu tăng ~ 21,5% chủ yếu là do tăng doanh thu bán hàng. Trong đó, nợ có đảm bảo bằng thư bảo lãnh ngân hàng là 898 tỷ đồng, chiếm hơn 33% tổng Nợ phải thu.

Nợ phải thu được quản lý rất tốt qua nhiều năm. Phần lớn khách hàng thanh toán đúng hạn, chỉ có ~ 7% là quá hạn trong giới hạn 30 ngày.

Quản lý Nợ phải trả:

Nợ phải trả cũng được quản lý trên hệ thống IT để được kiểm soát chặt chẽ. Các khoản nợ có gốc là ngoại tệ được đánh giá định kỳ theo chế độ kế toán Việt Nam và được phản ánh chi tiết rủi ro tài chính liên quan đến tỷ giá. Vui lòng xem thuyết minh báo cáo tài chính từ trang 185 - 186.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀI SẢN

Tình hình giải ngân các dự án trong năm như sau:

	KH giải ngân 2013	Thực hiện 2013	% thực hiện
Dự án Nhà máy Sữa Việt Nam.	687	495	72%
Dự án nhà máy Sữa Dielac II	400	183	46%
Nhà máy sữa Tiên Sơn	150	61	41%
Lam Sơn Milk	300	100	33%
Trang trại bò sữa Hà Tĩnh	151	5	3%
Các dự án khác	910	595	65%
	2.599	1.440	55,4%



Mặc dù tiến độ giải ngân chỉ đạt 55,4% do điều chỉnh tiến độ của các hạng mục phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, các dự án lớn và quan trọng đều được Công ty tập trung nguồn lực để ưu tiên thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng công trình. Trong đó, Công ty đã hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy sữa bột và nhà máy sữa nước tại Bình Dương. Ngân sách chưa thực hiện hết năm nay sẽ được chuyển sang tiếp tục giải ngân cho năm 2014.

CHI TIẾT TÌNH HÌNH 2 DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM.

[i]. Dự án nhà máy sữa bột Việt Nam:

Đây là nhà máy sữa bột thứ 02 của Vinamilk, được khởi công xây dựng vào ngày 01/10/2011 trên diện tích 6 hecta tại Khu Công Nghiệp Việt nam – Singapore I, Bình Dương. Nhà máy này sử dụng máy móc thiết bị và công nghệ từ Châu Âu, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó, tháp sấy là thiết bị công nghệ chính, được xem là trái tim của nhà máy. Nhà máy có 2 tháp sấy và có công suất lớn nhất trong khu vực Châu Á. Tháp sấy có đường kính 13,6m, cao 32m.

Nhà máy được khánh thành vào ngày 24/4/2013 với hơn 400 khách mời tham dự gồm quan chức chính phủ, các bộ ngành trung ương và địa phương, Hội tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng, cơ quan báo chí truyền hình và phát thanh, nhà cung cấp, khách hàng và cổ đông Vinamilk.

Vui lòng xem một số hình ảnh về nhà máy:



◀ Những lon sữa thành phẩm đầu tiên của nhà máy vinh dự được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Chủ tịch HĐQT kiêm TGD, Bà Mai Kiều Liên ký tên để trao tặng lô sản phẩm đầu tiên gồm 10.000 sản phẩm cho Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam.



Mặt cổng chính của nhà máy.

Vinamilk vinh dự tiếp đón Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cắt băng khánh thành nhà máy.





Hệ thống bồn chứa sữa tươi nguyên liệu
và bán thành phẩm.



[ii]. Dự án nhà máy sữa Việt Nam:

Nhà máy này được khởi công xây dựng vào ngày 01/09/2011 trên diện tích 20 hecta tại Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 3, Bình Dương. Đây là nhà máy sữa nước hiện đại nhất thế giới hiện nay.

Được xây dựng với tổng vốn đầu tư 2.400 tỷ đồng, nhà máy có công suất siêu lớn, hơn 400 triệu lít sữa/năm trong giai đoạn 1 và sẽ tăng lên 800 triệu lít sữa/năm trong giai đoạn 2. Đây là nhà máy sử dụng công nghệ tích hợp và tự động hiện đại bậc nhất thế giới mà Tetra Pak từng xây dựng.

Tetra Pak là tập đoàn hàng đầu thế giới, có trụ sở tại Thụy Điển, chuyên cung cấp các giải pháp chế biến và đóng gói thực phẩm, hiện đang hoạt động tại 170 quốc gia và có hệ thống 50 nhà máy sản xuất bao bì và thiết bị.

Nhà máy có đẳng cấp tự động hóa và tích hợp hàng đầu thế giới hiện nay, tự động 100% từ khâu nhập liệu tới khâu thành phẩm.

Hệ thống robot LGV hoàn toàn tự động, được điều khiển bởi hệ thống máy tính trung tâm sẽ chịu trách nhiệm chuyển cuộn giấy tiết trùng vào máy rót và tự động chuyển hàng thành phẩm vào kho thông minh. Nhờ đó nhà máy kiểm soát được chất lượng và hiệu quả sản xuất đạt ở mức cao nhất.

Toàn bộ các công đoạn từ thiết kế, xây dựng nhà xưởng đến lắp đặt máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất đều theo đúng các tiêu chuẩn Quốc tế và Việt Nam về An toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường.



Tham dự buổi lễ có Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải, các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND Tỉnh Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Thanh Hóa, Đồng Nai, TP.HCM và Lãnh đạo các bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương...



Khu vực sản xuất và đóng gói sữa hộp và hệ thống tiếp nhận thành phẩm tự động từ khu sản xuất vào kho thông minh.



Hệ thống robot LGV tự động

Nhà máy sữa nước Việt Nam hoạt động trên một dây chuyền tự động khép kín từ khâu nguyên liệu đầu vào đến đầu ra sản phẩm.

Nhà máy sử dụng công nghệ sản xuất ly tâm tách khuẩn hiện đại, giúp loại bỏ hầu hết vi khuẩn trong sữa tươi nguyên liệu. Công nghệ UHT ở giai đoạn sau đó giúp tiêu diệt toàn bộ vi khuẩn có hại còn lại trong sữa.

Ngoài ra, nhà máy còn có hệ thống "Kho thông minh" đầu tiên và lớn nhất tại Việt Nam, kho có diện tích 6 ha và 20 ngõ xuất nhập, có chiều dài 105m, cao 35m, gồm 17 tầng giá đỡ, với sức chứa là 27.168 lô chứa hàng.



NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

“Những bước đột phá trong năm 2013”

Năm 2013 là năm Vinamilk tiếp tục định hướng là người dẫn đầu trong ngành hàng thực phẩm nói chung và trong ngành sữa, nước giải khát nói riêng. Để thực hiện mục tiêu đó, đội ngũ nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Vinamilk không ngừng sáng tạo, cải tiến trong nghiên cứu và trong sản xuất, luôn cập nhật kiến thức mới nhất về công nghệ, về an toàn vệ sinh thực phẩm, luôn tìm hiểu thị trường, cập nhật tình hình khu vực, nhu cầu của khách hàng, ... để tìm kiếm cơ hội, ý tưởng phù hợp cho việc phát triển sản phẩm.

Trong suốt năm qua, Vinamilk khéo léo kết hợp sự đột phá trong sáng tạo và sự thấu hiểu khách hàng, đã tạo ra nhiều sản phẩm chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, chăm sóc dinh dưỡng hàng ngày cho nhiều đối tượng: trẻ em, người lớn, người trưởng thành,... như: Sản phẩm sữa công thức Optimum Step 4 dành cho trẻ từ 4 - 6 tuổi; Sữa bột Optimum mama dành cho bà mẹ mang thai và cho con bú; Sản phẩm nước trái cây bổ sung chất xơ và Vitamin dành cho trẻ em; Nước uống Linh chi không bổ sung đường và nước uống giải khát từ Linh chi có lợi cho sức khỏe; Sữa đậu nành bổ sung Canxi, Vitamin D; Tiếp tục phát triển dòng sản phẩm sữa chua lợi khuẩn probi với các hương vị mới: Dâu và Dưa gang; Nước uống giải khát từ nước Táo kết hợp với các mảnh Nha đam; Nghiên cứu thành công dòng sản phẩm sữa tươi hỗ trợ miễn dịch. Vinamilk đã có bước cải tiến đột phá, thành công trong việc sản xuất công nghiệp sản phẩm nước Mơ ngâm, giữ được hương vị truyền thống của người Việt Nam, ...

Xu hướng sử dụng thảo dược từ nguồn gốc thiên nhiên đang là lựa chọn ưu tiên hàng đầu của người tiêu dùng. Trân trọng và am hiểu nhu cầu đó, Vinamilk đã phát triển dòng sản phẩm nước uống từ Linh chi kết hợp với Mật ong, là sản phẩm được chiết lọc tinh túy từ thiên nhiên, mang lại sức khỏe và sự tiện lợi cho khách hàng.





Nổi bật trong các dòng sản phẩm đã được tung ra thị trường trong năm 2013 là sản phẩm Optimum Step 4 dành cho trẻ từ 4 - 6 tuổi, sản phẩm được bổ sung hệ chất xơ hòa tan FOS và vi khuẩn có lợi cho đường ruột, tốt cho hệ tiêu hóa. Uống 03 ly cùng với bữa ăn hàng ngày, Dielac Optimum Step 4 cung cấp đủ lượng DHA theo khuyến nghị của FAO, WHO (150-200mg DHA + EPA / ngày).

Song song đó, sữa bột Optimum mama, là sản phẩm cao cấp dành cho bà mẹ mang thai và cho con bú. Sản phẩm vừa được bổ sung lợi khuẩn, vừa được bổ sung chất xơ và một số dưỡng chất giúp tăng sức đề kháng, hỗ trợ hệ miễn dịch cho mẹ, hạn chế bệnh tật trong suốt thai kỳ.



Linh chi từ ngàn đời xưa được cho là thần dược. Theo kinh nghiệm dân gian, Linh chi được dùng để điều trị suy nhược thần kinh, chóng mặt, mất ngủ, tăng huyết áp, tăng cholesterol, ... Một số nghiên cứu khoa học gần đây cho thấy, Linh chi có tác dụng giải độc, giảm các gốc tự do – là một trong những nguyên nhân gây nên bệnh ung thư,...

Xu hướng sử dụng thảo dược từ nguồn gốc thiên nhiên đang là lựa chọn ưu tiên hàng đầu của người tiêu dùng. Trân trọng và am hiểu nhu cầu đó, Vinamilk đã phát triển dòng sản phẩm nước uống từ Linh chi kết hợp với Mật ong, là sản phẩm được chất lọc tinh túy từ thiên nhiên, mang lại sức khỏe và sự tiện lợi cho khách hàng.

Chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là trẻ em là một trong các nhiệm vụ mà Vinamilk luôn quan tâm và hướng tới. Hiểu được các bà mẹ lo lắng cho sức khỏe của con trẻ khi đến trường, trong lúc vui chơi giải trí, ... cần có sản phẩm vừa giải khát, vừa an toàn cho sức khỏe và bổ dưỡng.

Kết hợp nhu cầu của người tiêu dùng và sự sáng tạo trong ý tưởng, Vinamilk đã nghiên cứu thành công và đưa ra thị trường ba loại sản phẩm nước trái cây: Cam, Dâu và nước rau quả (gồm 13 loại rau củ quả), bổ sung các Vitamin A, C, D3 giúp cho sự phát triển toàn diện của trẻ.

Thoát khỏi những suy nghĩ sẵn có trong quá khứ và hiện tại, Vinamilk đã cho ra dòng sản phẩm sữa tươi hỗ trợ hệ miễn dịch. Sản phẩm được bổ sung Vitamin D, A, C và một số dưỡng chất giúp hỗ trợ hệ miễn dịch, tăng khả năng chống chọi với bệnh tật, mang lại giá trị thăng hoa cho cuộc sống.

Với bề dày hiểu biết và kinh nghiệm sẵn có, kết hợp với các đối tác chiến lược lớn mạnh trên toàn cầu, cộng với "cái tâm" của tập thể Công ty, Vinamilk chắc chắn sẽ bước tiếp những bước vững chắc trong tương lai, tiếp tục không ngừng sáng tạo và cải tiến, mang đến sản phẩm chất lượng tốt nhất, đảm bảo an toàn sức khỏe cao nhất cho người tiêu dùng, đáp ứng sự tin cậy và mong đợi từ khách hàng trong và ngoài nước.

KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÙNG NGUYÊN LIỆU

Trong năm 2013, Tổ chức Bureau Veritas (Pháp) cũng đã cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 cho hai Trang trại chăn nuôi bò sữa của Vinamilk tại tỉnh Tuyên Quang và Nghệ An. Việc đạt được giấy chứng nhận ISO 9001:2008 đã đưa các Trang trại của Vinamilk trở thành một trong những đơn vị tiên phong trong ngành chăn nuôi bò sữa tại Việt Nam áp dụng thành công Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Một trong những vấn đề quan trọng với các nhà máy lớn như của Vinamilk là nguồn nguyên liệu. Với mục tiêu nâng dần sử dụng nguyên liệu nội địa từ 30% hiện nay lên 40%, Vinamilk đã đầu tư vào hệ thống phát triển nguồn nguyên liệu theo tiêu chuẩn quốc tế từ khâu trồng cỏ, xây dựng chuồng trại, chế biến thức ăn cho bò đến quản lý thú y, môi trường xung quanh,... Từ năm 2007 đến nay, Vinamilk đã đầu tư khoảng 800 tỷ đồng xây dựng năm trang trại quy mô lớn với toàn bộ bò giống nhập khẩu từ Úc, với khoảng 8.000 con bò sữa, cho 90 tấn sữa/ngày. Công ty còn liên kết với hơn 5.000 hộ dân chăn nuôi bò sữa với hơn 65.000 con bò trên cả nước, thu mua 460 tấn sữa/ngày.

Hệ thống chuồng trại chăn nuôi bò sữa được Vinamilk đầu tư xây dựng theo công nghệ hiện đại nhất của thế giới, như: hệ thống mái được áp dụng công nghệ chống nóng bằng tôn lạnh với lớp nguyên liệu cách nhiệt; hệ thống cào phân tự động; hệ thống máng uống tự động; hệ thống quạt làm mát trong chuồng. Các ô nằm nghỉ cho đàn bò được lót bằng đệm cao su nhập từ Thụy Điển, đảm bảo chân móng của chúng luôn sạch sẽ và không bị nhiễm bệnh. Các ô chuồng và nơi nằm nghỉ của đàn bò được trang bị hệ thống chổi chải ngứa tự động. Mỗi con bò được đeo một con chip điện tử dưới cổ để nhận dạng qua hệ thống Alpro hiện đại do Delaval cung cấp. Những chip điện tử này giúp kiểm tra lượng sữa chính xác của từng con và phát hiện được bò động dục và bò bệnh để các Bác sỹ thú y điều trị kịp thời.

Trong năm 2013, Tổ chức Bureau Veritas (Pháp) cũng đã cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 cho hai Trang trại chăn nuôi bò sữa





của Vinamilk tại tỉnh Tuyên Quang và Nghệ An. Việc đạt được giấy chứng nhận ISO 9001:2008 đã đưa các Trang trại của Vinamilk trở thành một trong những đơn vị tiên phong trong ngành chăn nuôi bò sữa tại Việt Nam áp dụng thành công Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Tình hình thu mua sữa tươi nguyên liệu:

Sản lượng sữa tươi thu mua năm 2013 đạt 156.562 tấn. Trong đó, thu mua từ đơn vị/hộ dân là 132.610 tấn, thu mua từ Công ty con (Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam) là 23.952 tấn.

Nâng cấp hệ thống thu mua sữa tươi nguyên liệu Vinamilk giai đoạn 2012 - 2016

Thực hiện chương trình nâng cấp hệ thống thu mua sữa tươi nguyên liệu Vinamilk giai đoạn 2012 - 2016, Vinamilk đã bắt đầu thực hiện những bước đột trong năm 2013.

Từ ngày 01/04/2013, Vinamilk đã không ký tiếp hợp đồng đối với đối tượng hộ vắt sữa thuê. Như vậy, từ ngày 01/04/2013 về sau, tất cả hộ dân đều trực tiếp chăn nuôi, giao sữa cho Vinamilk. Việc này đã giúp tăng cường sự gắn kết của người chăn nuôi với doanh nghiệp, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong chăn nuôi, khai thác và bảo quản sữa. Số hợp đồng hộ dân ký với Vinamilk đã tăng từ 4.750 hợp đồng năm 2012 lên 5.087 hợp đồng năm 2013.





156.562

TẤN

SẢN LƯỢNG SỮA TƯƠI THU MUA NĂM 2013

Cũng từ ngày 01/04/2013, Vinamilk yêu cầu hộ dân chuyển từ giao sữa bằng can nhựa sang giao sữa bằng can nhôm/can inox đạt tiêu chuẩn. Đây là một bước đi quan trọng nhằm ngày càng nâng cao chất lượng sữa tươi nguyên liệu.

Thay đổi, nâng tầm diện mạo trạm trung chuyển sữa tươi là thành công của Vinamilk trong năm đầu thực hiện chương trình nâng cấp hệ thống thu mua sữa tươi nguyên liệu Vinamilk giai đoạn 2012 – 2016. Trong năm 2013, Vinamilk phối hợp các Nhà cung cấp và trạm trung chuyển nâng cấp thành công 18 trạm trung chuyển. Các trạm sau khi nâng cấp sử dụng hoàn toàn các đường ống là Inox 304/316, bồn làm lạnh được chuẩn hóa, vệ sinh thiết bị khép kín bằng hóa chất và nước nóng...

Để đảm bảo tính tuân thủ và đảm bảo an toàn nguồn sữa tươi nguyên liệu, trong năm 2013, Vinamilk hoàn tất việc lắp đặt camera quan sát cho 56/56 Trạm trung chuyển tại khu vực TP. HCM, Tiền Giang, Long An và Tây Ninh.



Tăng cường chất lượng sữa tươi nguyên liệu

Hướng tới sự công bằng và kiểm soát chặt chẽ vùng nguyên liệu sữa tươi, năm 2013, Vinamilk đã đưa chỉ tiêu vật chất khô không béo vào chỉ tiêu tính giá sữa cho nông dân (thay cho chỉ tiêu vật chất khô tổng số trước đây). Vinamilk cũng đã áp dụng kiểm tra vi sinh vật trong sữa theo phương pháp Resazurin. Với phương pháp này, hộ dân có thể đợi tại trạm trung chuyển trong vòng 10 phút để trực tiếp đọc kết quả chỉ tiêu vi sinh trong sữa, thể hiện sự minh bạch của Vinamilk trong công tác thu mua sữa.

Vinamilk cũng thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ người dân: Tiến hành tư vấn trực tiếp cho 4.125 lượt hộ dân, có trên 80% hộ cải thiện được chất lượng sau 2 tuần kể từ ngày tư vấn; tiến hành 44 lớp tập huấn kỹ thuật trên cả nước với 1.605 hộ dân tham gia. Ngoài ra, Vinamilk còn tổ chức các đợt hỗ trợ gọt móng bò cho các hộ dân tại Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Long An và được hộ dân nhiệt tình hưởng ứng.

Đồng hành cùng người dân.

Thông cảm với khó khăn của người chăn nuôi bò sữa trong dịp Tết Nguyên Đán, Tổng Giám đốc đã quyết định thực hiện chương trình “Cùng Vinamilk tích lũy điểm, vui Xuân đón Tết”. Theo đó, khi hộ dân hội đủ các điều kiện quy định, mỗi kg sữa giao cho Vinamilk sẽ tích lũy được 01 điểm. Cuối năm, Vinamilk sẽ hỗ trợ hộ dân 300 đ/điểm. Với mức hỗ trợ này, người dân bán sữa cho Vinamilk sẽ có cái Tết âm lịch ấm cúng hơn, đầy đủ hơn. Kinh phí này sẽ được chuyển vào tài khoản từng hộ dân vào ngày 16/01/2014.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ:

Trong năm 2013, Công ty đã nâng cấp toàn diện hệ thống bán hàng online trên toàn quốc. Mỗi nhân viên bán hàng được trang bị 01 máy tính bảng nhằm nâng cao hiệu quả bán hàng và giúp Công ty quản lý hoạt động bán hàng tốt nhất.

- » Hoàn thiện Quy chế quản trị Công ty đáp ứng tốt nhất theo các quy định về quản trị của Nhà nước và thực hành tiên tiến.
- » Nâng cao công tác quản trị Công ty trên nhiều khía cạnh: cơ cấu của HĐQT, tổ chức và phân công trách nhiệm các Tiểu ban, cải tiến và nâng cao chất lượng cuộc họp HĐQT. Nội dung chi tiết được đề cập tại phần Báo cáo quản trị Công ty, trang 90 của báo cáo này.
- » Triển khai các hoạt động phát triển bền vững, hoàn thành Báo cáo phát triển bền vững năm 2012 và đạt giải thưởng cao.



Lễ ký kết triển khai nâng cấp hệ thống bán hàng trực tuyến (online).

- » Cải tiến cơ cấu tổ chức Công ty với việc thành lập mới Phòng Hoạch định chiến lược và Phòng Quản lý chi nhánh ở nước ngoài nhằm tăng cường tính hiệu quả trong việc triển khai chiến lược, giám sát việc thực thi và quản lý sự thay đổi và thiết lập cơ chế và chuyên môn hóa việc quản lý hoạt động tại các thị trường mà Vinamilk có đầu tư.
- » Triển khai chương trình hoạch định Nhân sự kế thừa nhằm xây dựng và duy trì một đội ngũ nhân sự kế thừa đối với các vị trí cao cấp, quan trọng để đảm bảo sự thành công của các mục tiêu và chiến lược của Vinamilk.
- » Nâng cấp hệ thống ERP để cải tiến quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- » Hoàn tất giai đoạn đánh giá rủi ro và chuyển sang giai đoạn xây dựng hệ thống theo tiêu chuẩn ISO 27001.
- » Triển khai hệ thống bán hàng trực tuyến (“online”) trên toàn quốc, quản lý hoạt động bán hàng đến từng nhân viên, cửa hàng.



CÁC GIẢI THƯỞNG, DANH HIỆU ĐẠT TRONG NĂM

Trong năm, Công ty đạt được các danh hiệu, bằng khen khác nhau của tổ chức bên ngoài công nhận:

STT	Các danh hiệu đạt được	Tổ chức vinh danh
1	GCN "Vinamilk TOP 10 THƯƠNG HIỆU VIỆT UY TÍN 2014"	TTNCUDPT Thương hiệu Việt thuộc Liên hiệp các Hội KH & KT Việt nam cấp GCN
2	Giấy chứng nhận danh hiệu "HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO 2014" do Người tiêu dùng bình chọn	Hội DNHVNCLC & Báo Saigon Tiếp Thị tổ chức (cấp ngày 13/1/2014)
3	Bằng khen - Có nhiều ứng dụng đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh 2014	Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tặng ngày 20/2/2014
4	Một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2012	VNR 500 (Công ty CP Báo cáo đánh giá VN) và Vietnamnet
5	Xếp hạng 2 trong Top 10 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam	VNR 500 (Công ty CP Báo cáo đánh giá VN) và Vietnamnet
6	Một trong Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam	Forbes VN
7	Một trong 10 doanh nghiệp đóng thuế nhiều nhất Việt Nam 2013	Công ty CP báo cáo đánh giá VN
8	Hàng Việt Nam Chất lượng cao 2013 do người tiêu dùng bình chọn	Hội Doanh nghiệp HVN CLC TP. HCM & báo SGTT
9	Top - Thương hiệu mạnh Việt Nam	Thời báo kinh tế VN
10	Top 100 "Thương hiệu phát triển bền vững"	Ban tổ chức chương trình Thương hiệu phát triển bền vững
11	Dòng Sản phẩm dinh dưỡng Dielac - Top 100 sản phẩm được tin dùng 2013	Thời báo kinh tế VN
12	Doanh nghiệp xanh - Sản phẩm được yêu thích nhất năm 2013 do người tiêu dùng bình chọn	UBND TP. HCM - Báo SGGP - Sở công thương - LHHTX TM TP. HCM (Saigoncoop)
13	Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 2013	Ban tổ chức bình chọn Báo cáo thường niên 2013
14	Giải nhất Báo cáo Phát triển bền vững	Ban tổ chức bình chọn Báo cáo thường niên 2013
15	Bằng khen - Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
16	Bằng khen - Thành tích đóng góp tích cực cho chương trình "Vi học sinh Trường Sa thân yêu"	UBND TP. HCM
17	Bằng khen - Thành tích xuất sắc trong bảo vệ quyền lợi Người tiêu dùng	Hội tiêu chuẩn và bảo vệ Người tiêu dùng Việt Nam công nhận
18	Công ty CP Chiến lược M&A để tăng trưởng đột phá giai đoạn 2009-2013	Diễn đàn M&A Vietnam
19	Bằng khen - Đã có nhiều đóng góp trong sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo của đất nước	Bộ trưởng Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo
20	Bằng khen - Trái tim cao quý	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam
21	Bằng khen - Vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần vào sự phát triển tỉnh Bình Dương	Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương



Thương hiệu
Quốc Gia



Giải thưởng Top 200
Doanh nghiệp tốt nhất Châu Á

Tiếp theo chuỗi các danh hiệu danh giá mà cá nhân đã đạt được như đã trình bày trong báo cáo thường niên 2012, năm nay Bà Mai Kiều Liên (Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc) cũng đã được vinh dự là người đứng ở vị trí số 1 trong danh sách “50 nhà lãnh đạo doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam 2013”.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



Công tác quan hệ nhà đầu tư của Công ty được thực hiện một cách rất linh hoạt và tạo điều kiện tốt nhất cho nhà đầu tư cập nhật thông tin của Công ty.



Các hoạt động nổi bật của công tác quan hệ nhà đầu tư trong năm như sau:

Trong năm, Công ty đã tham gia 03 hội thảo đầu tư tại nước ngoài. Bao gồm hội thảo đầu tư tại Kuala Lumpur, Malaysia vào tháng 06/2013 do tập đoàn CIMB tổ chức, hội thảo đầu tư tại Singapore vào tháng 8/2013 do tập đoàn Daiwa Securities tổ chức và vào tháng 09/2013 do tập đoàn UBS tổ chức. Tại các buổi hội thảo này, Công ty đã tiếp đón hơn 58 nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp lớn và có uy tín trong khu vực và thế giới. Một số nhà đầu tư sau đó đã trở thành cổ đông của Công ty.

Ngày 26/04/2013, Công ty tổ chức ngày Đại hội đồng cổ đông để thông qua các kết quả đạt được trong năm 2012, thông qua các chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2013

và thông qua các nội dung quan trọng khác của Công ty. Và ngay sau khi kết thúc Đại hội cổ đông, Công ty đã tổ chức cho hơn 250 cổ đông đến tham quan nhà máy sữa bột Việt Nam. Đây là nhà máy sữa bột hiện đại bậc nhất trên thế giới được Vinamilk đầu tư và khánh thành tại Bình Dương vào ngày 22/04/2013.

Nhân dịp lễ khánh thành nhà máy sữa nước Việt Nam ngày 10/09/2013, Công ty cũng đã tổ chức cho hơn 80 nhà đầu tư và cổ đông đến tham quan. Đây là nhà máy sữa nước hiện đại bậc nhất thế giới lần đầu tiên được Công ty đầu tư tại Việt Nam. Nhà máy có công suất 400 triệu lít/năm.

Ngoài ra, Công ty cũng đã tiếp đón hơn 256 nhà đầu tư đến trụ sở Công ty và tham quan nhà máy sản xuất nhằm tìm hiểu và tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Vinamilk.



Về công bố thông tin, các thông tin tài chính và phi tài chính được Công ty công bố đầy đủ và kịp thời trên trang web của Công ty tại địa chỉ:
<http://www.vinamilk.com.vn/?vnm=share>

Công tác quan hệ nhà đầu tư của Công ty được thực hiện một cách rất linh hoạt và tạo điều kiện tốt nhất cho nhà đầu tư cập nhật thông tin của Công ty qua các hình thức:

1. Tham dự ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên
2. Nhà đầu tư đến tham quan trực tiếp trụ sở Công ty
3. Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại
4. Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email

LỄ TRAO GIẢI CUỘC BÌNH CHỌN BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013



5. Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua mục "Hỏi - Đáp" trên trang web Công ty
<http://www.vinamilk.com.vn/?vnm=FAQ>
6. Tham gia hội thảo đầu tư do các Công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.

Đặc biệt, năm 2013 cũng là năm đầu tiên Vinamilk công bố Báo cáo Phát triển bền vững và được giải nhất. Đây là báo cáo không có tính bắt buộc nhằm cung cấp thêm thông tin về chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Với nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao tính minh bạch và cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ cho cổ đông và nhà đầu tư, Vinamilk đã làm nên một Báo cáo thường niên ngày càng hoàn thiện hơn. Báo cáo thường niên của Vinamilk đứng 5 của Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 2013 do Ban tổ chức cuộc thi bình chọn Báo cáo thường niên 2013 công bố ngày 25/07/2013. Đây là năm thứ 6 liên tiếp báo cáo thường niên của Vinamilk được vinh danh là một trong các Báo cáo thường niên tốt nhất hàng năm.

MỖI SẢN PHẨM LÀ MỘT **CAM KẾT** **TƯƠNG LAI**

Mỗi sản phẩm mang thương hiệu Vinamilk là kết quả của một chu kỳ khép kín an toàn, hiệu quả từ việc đầu tư nguồn nguyên liệu, thu mua, chế biến, đóng gói thành phẩm và phân phối ra thị trường. Với những sản phẩm đa dạng và phong phú, Vinamilk đã đáp ứng đầy đủ các nhu cầu dinh dưỡng khác nhau, mang lại giá trị tốt nhất cho người sử dụng.



**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

• Vinamilk - Thương hiệu gắn bó với cộng đồng



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng nhận thức rõ rằng, để doanh nghiệp phát triển bền vững và giữ uy tín trên thị trường, bên cạnh việc thực hiện tốt các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đúng đắn thì việc trân trọng đạo đức kinh doanh và thực hiện những hành động mang lại những giá trị bền vững cho xã hội, cộng đồng đóng một vai trò hết sức quan trọng.



Báo cáo phát triển bền vững đề cập đến 05 nội dung chính: Sản phẩm, Môi trường, Phát triển kinh tế, Môi trường làm việc và Hoạt động xã hội. Sau đây là một số nội dung tiêu biểu:

VINAMILK - THƯƠNG HIỆU GẮN BÓ VỚI CỘNG ĐỒNG

Không chỉ quan tâm đến các hoạt động kinh doanh, Vinamilk còn luôn quan tâm đến các hoạt động xã hội cộng đồng.

Quỹ học bổng **“Vinamilk – ước mơ tài năng trẻ Việt Nam”** bắt đầu được hình thành bởi sáng kiến của Vinamilk, dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo từ năm học 2002 – 2003, đến năm 2013 chương trình tròn một thập kỷ. Từ phạm vi chỉ 30 tỉnh thành trong thời gian đầu đến 63 tỉnh thành cả nước - Quỹ đã bền bỉ đem đến cho các em học sinh tiểu học trên toàn quốc hơn 34 ngàn suất học bổng, tượng trưng cho hơn 34 ngàn tấm gương sáng vươn lên trong học tập và rèn luyện.

Đặt nền tảng đạo đức trong kinh doanh và dành hết tâm huyết đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục, Vinamilk đã luôn đồng hành cùng Bộ giáo dục & Đào tạo để nuôi dưỡng niềm tin của hàng chục ngàn học sinh tiểu học Việt Nam trong suốt 10 năm qua. Quỹ học bổng “Vinamilk – Ươm mầm tài năng trẻ Việt Nam” tự hào đã, đang và sẽ “ươm” được ngày càng nhiều tài năng trẻ hơn nữa cho tương lai Việt Nam giàu mạnh. Bà Mai Kiều Liên – Chủ tịch Hội đồng

Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Vinamilk cho biết: “Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng nhận thức rõ rằng, để doanh nghiệp phát triển bền vững và giữ uy tín trên thị trường, bên cạnh việc thực hiện tốt các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đúng đắn thì việc trân trọng đạo đức kinh doanh và thực hiện những hành động mang lại những giá trị bền vững cho xã hội, cộng đồng đóng một vai trò hết sức quan trọng. Chính vì lý do đó mà Vinamilk đã chủ động phối hợp với Bộ Giáo dục & Đào tạo để thực hiện chương trình Quỹ học bổng Vinamilk ươm mầm tài năng trẻ Việt Nam từ năm học 2003 - 2004 đến nay. 10 năm tuy là một khoảng thời gian ngắn trong hành trình trồng người của đất nước nhưng đó là một khoảng thời gian rất đáng nhớ và ý nghĩa đối với Vinamilk nói chung và cá nhân tôi nói riêng. Từ 30 tỉnh thành trong thời gian đầu, nay Quỹ học bổng đã vươn rộng đến khắp 63 tỉnh thành cùng nhiều hoạt động ý nghĩa khác. Cùng với Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam và Quỹ một triệu cây xanh dành cho Việt Nam mà Vinamilk đã và đang triển khai trong nhiều năm qua, Vinamilk hy vọng sẽ tiếp tục cùng với các cá nhân, tổ chức xã hội khác xây dựng một Việt Nam tốt đẹp và thịnh vượng hơn”.



Với những thành quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm 2013, cùng với những chương trình đầy ý nghĩa nhân văn với xã hội với cộng đồng đang giúp Vinamilk bước đi từng bước vững chắc không chỉ giúp duy trì được vị thế của Công ty sữa số 1 tại Việt Nam, mà còn giúp Vinamilk tiến gần hơn tới tham vọng trở thành một trong 50 Công ty sữa hàng đầu thế giới trong một tương lai không xa.

Vào tháng 12 vừa qua, chương trình **“Quỹ sữa Vươn Cao Việt Nam”** đã tổ chức buổi lễ trao tặng sữa cuối cùng trong hành trình năm 2013, đánh dấu một chặng đường 5 năm thành công của Quỹ sữa. Hơn 33 ngàn ly sữa đã được trao cho trẻ em nghèo tại xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê trong tổng số hơn 42 ngàn ly sữa mà trẻ em tỉnh Phú Thọ được thụ hưởng từ chương trình.

Quỹ sữa Vươn Cao Việt Nam được thành lập từ năm 2008, dưới sự chủ trì của Quỹ BTTEVN - Bộ LĐTBXH cùng phối hợp với Vinamilk. Quỹ sữa Vươn Cao Việt Nam được thành lập nhằm mục đích hướng đến trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong cả nước, với hành động tương chừng như đơn giản nhưng lại hết sức thiết thực - trao tận tay các em những ly sữa bổ dưỡng nhằm góp phần giúp các em có được cơ hội phát triển toàn diện hơn về thể chất và trí tuệ để có một tương lai tươi sáng hơn.



Trong suốt 5 năm qua, dưới sự định hướng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, với sự tài trợ của Vinamilk, sự đồng thuận của các ban ngành liên quan, sự hỗ trợ về tinh thần lẫn vật chất của hàng triệu người tiêu dùng trên khắp cả nước, Quỹ sữa “Vươn Cao Việt Nam” với sự góp mặt của các đại sứ thiện chí đã đi khắp mọi miền tổ quốc, thắp thêm những tia hy vọng cho các em nhỏ, trao cho các em những ly sữa ngọt ngào và tặng cho các em những nụ cười trẻ thơ, những khoảnh khắc vui tươi hồn nhiên giữa cuộc sống của các em vốn còn rất nhiều khó khăn.

Năm 2013, mặc dù tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn nhưng Quỹ sữa Vươn Cao Việt Nam vẫn tiếp tục sứ mệnh của mình, đã trao cho các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn một lượng sữa trị giá 6 tỷ đồng. Như vậy, tính đến nay tổng số lượng sữa mà Quỹ sữa đã đem đến cho hơn 286 ngàn trẻ em khó khăn tại Việt Nam là hơn 20 triệu ly sữa, tương đương khoảng 75 tỷ đồng. Toàn bộ số sữa này sẽ được Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam cùng Vinamilk chuyển trực tiếp đến các trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi, khuyết tật, trung tâm bảo trợ xã hội tại 58 tỉnh thành trên cả nước để các em nhỏ sử dụng liên tục trong vòng 3 tháng đối với sản phẩm sữa nước và khoảng 2 tháng đối với sữa bột.



Là đơn vị tài trợ duy nhất cho chương trình Quỹ sữa “Vươn Cao Việt Nam” từ những ngày đầu cho đến nay, Bà Bùi Thị Hương - Giám đốc Đối ngoại của Vinamilk chia sẻ: “Trẻ em ở nhiều tỉnh thành Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống vì điều kiện vật chất còn khá thiếu thốn, tuy vậy các em vẫn vượt khó để vươn lên, đó là điều rất đáng được xã hội quan tâm. Chính vì vậy, thông qua Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam, với tinh thần trách nhiệm cao đối với cộng đồng, Vinamilk mong muốn được góp phần cải thiện phần nào điều kiện dinh dưỡng cho các em. Qua đó cho thấy cam kết của Vinamilk đối với các thế hệ người Việt, đặc biệt là trẻ em Việt Nam với mong muốn để “Mọi trẻ em Việt Nam đều được uống sữa mỗi ngày”, góp phần tạo điều kiện phát huy tối đa tiềm năng của trẻ em Việt Nam về cả thể chất và trí tuệ, vì một Việt Nam luôn vươn cao.”

Chương trình **Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam** là hoạt động phối hợp giữa Tổng cục Môi trường (VEA) và nhãn hàng nước giải khát Vfresh thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Vinamilk được phát động từ năm 2012. Đến năm 2013, chương trình Quỹ

1 triệu cây xanh cho Việt Nam đã triển khai trồng gần 87.000 (tám mươi bảy ngàn) cây xanh tại những nơi mà cây xanh thật sự cần thiết để bảo vệ môi trường và cư dân quanh đó như ở xa lộ, tỉnh lộ, rừng ngập mặn, khu vực biển xâm lấn, cảng cá, khu tái định cư, khu tưởng niệm, chùa và trường học, Trường Đại Học Đà Lạt tại Lâm Đồng... Chương trình Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam đã và sẽ tiếp tục hành trình trồng cây để tạo nên một màu xanh hy vọng cho toàn xã hội về một tương lai, khi khắp các tỉnh thành trên toàn quốc được phủ xanh trong một diện mạo mới.

Trong tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy Ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam cả nước hướng về đồng bào các Tỉnh Bắc

Trung Bộ chịu ảnh hưởng bởi cơn bão số 10, vào tháng 10/2013, Vinamilk cũng dành 1,3 tỷ đồng (bằng tiền mặt) tổ chức đến thăm và trao quà tận tay người dân bị thiệt hại nặng nề do cơn bão số 10 gây ra tại các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An và Thanh Hóa.

Ngoài ra, trong năm 2013, Vinamilk ủng hộ cho Quỹ Bảo trợ bệnh nhân nghèo 500 triệu đồng thực hiện các ca mổ tim bẩm sinh cho trẻ em. Đây là hoạt động ý nghĩa đã được Vinamilk duy trì thực hiện hơn 10 năm nay, đến nay Vinamilk đã ủng hộ hơn 2,7 tỷ đồng để hỗ trợ cho các em bé mổ tim. Vinamilk còn trao học bổng cho các em học sinh Bến Tre trong năm học 2012 -2013 là 180 triệu đồng, phụng dưỡng nhiều Bà mẹ Việt Nam anh hùng tại Quảng Nam, Bến Tre...



Đồng thời, Vinamilk còn thành lập các trung tâm tư vấn dinh dưỡng sức khỏe trên cả nước, khám và cung cấp sữa miễn phí hàng năm cho hàng ngàn lượt trẻ em, học sinh tiểu học và đối tượng suy dinh dưỡng.

Có thể nói, với những thành quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm 2013, cùng với những chương trình đầy ý nghĩa nhân văn với xã hội với cộng đồng đang giúp Vinamilk bước đi từng bước vững chắc không chỉ giúp duy trì được vị thế của Công ty sữa số 1 tại Việt Nam, mà còn giúp Vinamilk tiến gần hơn tới tham vọng trở thành một trong 50 Công ty sữa hàng đầu thế giới trong một tương lai không xa.



MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG VƯỢT RA THẾ GIỚI

Việc Vinamilk mạnh tay đầu tư cho nhà máy nhằm hướng tới mục tiêu nâng tầm dinh dưỡng chất lượng quốc tế cho các sản phẩm sữa, từ đó tạo cơ hội cho trẻ em Việt Nam được sử dụng sản phẩm dinh dưỡng không thua kém sản phẩm sữa nước ngoài với giá cả hợp lý. Và đây cũng sẽ là nền tảng quan trọng giúp Vinamilk trở thành một trong 50 Công ty sữa lớn nhất thế giới.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Thông tin về Công ty
- Báo cáo của Ban Điều hành
- Báo cáo kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số

4103001932
0300588569

ngày 20 tháng 11 năm 2003
ngày 29 tháng 5 năm 2013

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300588569. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Hội đồng Thành viên

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Pascal De Petrini	Thành viên (đến ngày 23 tháng 5 năm 2013)
Ông Ng Jui Sia	Thành viên (từ ngày 23 tháng 5 năm 2013)
Ông Lê Anh Minh	Thành viên
Bà Lê Thị Băng Tâm	Thành viên
Ông Hà Văn Thẩm	Thành viên

Ban Điều hành

Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển Sản phẩm
Bà Nguyễn Thị Như Hằng	Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng Nguyên liệu
Bà Ngô Thị Thu Trang	Giám đốc Điều hành Tài chính
Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành Dự án
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng
Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân	Quyền Giám đốc Điều hành Tiếp thị (đến ngày 15 tháng 1 năm 2014)
Ông Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành Kinh doanh

Trụ sở đăng ký

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, được trình bày từ trang 143 đến trang 190, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2014, được trình bày từ trang 143 đến trang 190.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với báo cáo tài chính

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 2 năm 2013.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán: 13-01-237



Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Nguyễn Thanh Nghi".

Nguyễn Thanh Nghi

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		13.018.930.127.438	11.110.610.188.964
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.745.645.325.950	1.252.120.160.804
Tiền	111		1.394.534.283.673	852.120.160.804
Các khoản tương đương tiền	112		1.351.111.042.277	400.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	4.167.317.622.318	3.909.275.954.492
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		4.313.292.575.718	4.039.304.630.112
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(145.974.953.400)	(130.028.675.620)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.728.421.414.532	2.246.362.984.001
Phải thu khách hàng	131		1.894.721.027.784	1.269.841.759.012
Trả trước cho người bán	132		423.820.755.014	576.619.318.260
Các khoản phải thu khác	135	8	417.266.719.643	403.754.490.615
Dự phòng phải thu khó đòi	139	37(b)	(7.387.087.909)	(3.852.583.886)
Hàng tồn kho	140	9	3.217.483.048.888	3.472.845.352.518
Hàng tồn kho	141		3.227.859.954.432	3.476.300.517.903
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.376.905.544)	(3.455.165.385)
Tài sản ngắn hạn khác	150		160.062.715.750	230.005.737.149
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		129.708.362.747	72.343.567.655
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.468.115.542	154.118.437.302
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.886.237.461	3.543.732.192
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		9.856.483.929.198	8.587.258.231.415
Các khoản phải thu dài hạn	210		736.666.667	-
Phải thu dài hạn khác			736.666.667	-
Tài sản cố định	220		8.918.416.535.379	8.042.300.548.493
Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.849.058.771.126	4.223.443.459.603
Nguyên giá	222		11.147.267.493.199	6.512.875.316.427
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.298.208.722.073)	(2.289.431.856.824)
Tài sản cố định vô hình	227	11	531.485.413.625	253.615.655.556
Nguyên giá	228		690.742.242.273	387.180.023.184
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159.256.828.648)	(133.564.367.628)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	537.872.350.628	3.565.241.433.334

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Bất động sản đầu tư	240	13	149.445.717.001	96.714.389.090
<i>Nguyên giá</i>	241		176.332.062.888	117.666.487.460
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(26.886.345.887)	(20.952.098.370)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	318.308.294.039	284.428.762.040
Đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh	252		284.629.299.345	217.944.646.507
Đầu tư dài hạn khác	258		43.927.626.956	80.840.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.248.632.262)	(14.355.884.467)
Tài sản dài hạn khác	260		295.112.796.930	150.152.345.194
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	171.151.838.315	41.073.978.122
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	16	115.300.622.640	108.001.947.072
Tài sản dài hạn khác	268		8.660.335.975	1.076.420.000
Lợi thế thương mại	269	17	174.463.919.182	13.662.186.598
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		22.875.414.056.636	19.697.868.420.379
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.307.060.807.329	4.204.771.824.521
Nợ ngắn hạn	310		4.956.397.594.108	4.144.990.303.291
Vay ngắn hạn	311	18	178.943.692.147	-
Phải trả người bán	312		1.968.257.136.188	2.247.659.149.802
Người mua trả tiền trước	313		20.929.404.542	21.589.364.414
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	19	456.725.904.986	333.952.869.847
Phải trả người lao động	315		137.540.107.294	106.150.509.860
Chi phí phải trả	316	20	490.760.970.004	365.103.636.850
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	1.341.762.807.045	664.137.048.409
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		361.477.571.902	406.397.724.109
Nợ dài hạn	330		350.663.213.221	59.781.521.230
Phải trả dài hạn khác	333		5.036.159.560	-
Vay dài hạn	334	22	184.142.784.403	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		91.065.600.000	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	337	23	69.583.293.250	59.635.777.000
Doanh thu chưa thực hiện	338		835.376.008	145.744.230

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		17.545.489.315.423	15.493.096.595.858
Vốn chủ sở hữu	410	24	17.545.489.315.423	15.493.096.595.858
Vốn cổ phần	411	25	8.339.557.960.000	8.339.557.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.276.994.100.000	1.276.994.100.000
Cổ phiếu quỹ	414	25	(5.068.507.959)	(4.504.115.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		950.237.983.612	93.889.017.729
Quỹ dự phòng tài chính	418		833.955.796.000	588.402.022.008
Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.149.811.983.770	5.198.757.611.121
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		22.863.933.884	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		22.875.414.056.636	19.697.868.420.379

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ trong tiền và các khoản tương đương tiền:		
USD	16.776.618	11.737.838
EUR	21.606	49.848

Ngày 28 tháng 2 năm 2014

Người lập

Người duyệt



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang
Giám đốc Điều hành tài chính



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng doanh thu	01	27	31.586.007.133.622	27.101.683.739.278
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	637.405.006.316	540.109.559.314
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	30.948.602.127.306	26.561.574.179.964
Giá vốn hàng bán	11	28	19.765.793.680.474	17.484.830.247.188
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		11.182.808.446.832	9.076.743.932.776
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	507.347.709.516	475.238.586.049
Chi phí tài chính	22	30	90.790.817.490	51.171.129.415
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		104.027.048	3.114.837.973
Chi phí bán hàng	24	31	3.276.431.628.666	2.345.789.341.875
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	32	611.255.506.250	525.197.269.346
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		7.711.678.203.942	6.629.824.778.189
Thu nhập khác	31	33	313.457.899.019	350.323.343.748
Chi phí khác	32	34	58.819.862.034	63.006.276.113
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		254.638.036.985	287.317.067.635
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	45		43.940.615.792	12.526.171.255
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		8.010.256.856.719	6.929.668.017.079
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	1.483.448.216.660	1.137.571.835.560
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	(7.298.675.568)	(27.358.535.564)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.534.107.315.627	5.819.454.717.083

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		(26.347.207)	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		6.534.133.662.834	5.819.454.717.083
Lãi trên cổ phiếu	70	36	7.839	6.981

Ngày 28 tháng 2 năm 2014

Người lập



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang
Giám đốc Điều hành tài chính

Người duyệt



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		8.010.256.856.719	6.929.668.017.079
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		786.432.923.150	535.451.905.298
Các khoản dự phòng	03		33.285.887.136	(75.028.609.419)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		13.064.625.014	23.750.178.315
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05		10.670.289.649	20.674.462.045
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(417.488.105.102)	(362.908.428.453)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư khác	05		(34.454.114.103)	12.177.054.066
Chi phí lãi vay	06		104.027.048	3.114.837.973
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		8.401.872.389.511	7.086.899.416.904
Biến động các khoản phải thu	09		(38.409.421.579)	(177.763.748.924)
Biến động hàng tồn kho	10		258.940.210.677	(273.491.911.774)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(272.224.654.212)	268.727.745.184
Biến động chi phí trả trước	12		(27.641.597.327)	(18.320.018.252)
			8.322.536.927.070	6.886.051.483.138
Tiền lãi vay đã trả	13		(104.027.048)	(3.114.837.973)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.399.982.286.806)	(1.073.341.754.164)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		20.984.913.520	3.704.175.480
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(691.692.163.285)	(518.731.228.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		6.251.743.363.451	5.294.567.838.319
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.491.459.216.581)	(3.133.999.297.771)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và đầu tư dài hạn khác	22		20.991.389.628	16.830.384.644
Các khoản vay của một bên thứ ba	23		-	(30.000.000.000)
Tăng tiền gửi có kỳ hạn	24		(623.100.000.000)	(2.536.900.000.000)
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		4.531.896.380	70.114.387.315
Tiền thu hồi các khoản vay của các Công ty liên kết	24		30.000.000.000	18.000.0000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(33.713.307.770)	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thu hồi trái phiếu đến hạn	26		350.000.000.000	250.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		4.927.205.437	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		307.719.066.699	372.293.347.387
Mua Công ty con (đã trừ đi số dư tiền của Công ty con được mua)			(159.686.267.298)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.589.789.233.505)	(4.973.661.178.425)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(525.442.959)	(1.982.321.000)
Tiền trả cổ tức	36		(3.167.235.049.800)	(2.222.994.056.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(3.167.760.492.759)	(2.224.976.377.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.494.193.637.187	(1.904.069.717.106)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.252.120.160.804	3.156.515.396.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(668.472.041)	(325.519.080)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	2.745.645.325.950	1.252.120.160.804

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Ngày 28 tháng 2 năm 2014

Người lập

Người duyệt



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang
Giám đốc Điều hành tài chính



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Những hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, nguyên liệu và hóa chất;
- Kinh doanh nhà, môi giới, cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho, bến bãi, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa;
- Cung cấp các dịch vụ phòng khám đa khoa;
- Các hoạt động hỗ trợ trồng trọt như: cung cấp cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch cây trồng, làm đất, tưới tiêu;
- Chăn nuôi: cung cấp giống vật nuôi và kỹ thuật nuôi, các hoạt động trồng trọt;
- Dịch vụ sau thu hoạch;
- Xử lý hạt giống để nhân giống; và
- Sản xuất bánh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và các Công ty con và lợi ích của Tập đoàn trong các Công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Công ty con	% quyền sở hữu	% quyền bỏ phiếu
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	100%	100%
Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	96,33%	96,33%
Driftwood Dairy Holdings Corporation	70%	70%
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	15,0%	15,0%
Miraka Limited	19,3%	19,3%
Công ty đồng kiểm soát		
Dự án căn hộ Horizon – Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	24,5%	24,5%

Văn phòng đại diện của Công ty tại Campuchia được phê duyệt thành lập vào ngày 5 tháng 3 năm 2013. Driftwood Dairy Holdings Corporation được thành lập và hoạt động tại Mỹ, các Công ty con còn lại được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 5.619 nhân viên (31/12/2012: 5.000 nhân viên).

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những Công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại tại Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Khi một hoạt động ở nước ngoài được thanh lý, một phần hoặc toàn bộ, các chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan được chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn**(i) Phân loại**

Tập đoàn phân loại các khoản đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết hoặc chưa niêm yết vào các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những Công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận các chứng khoán kinh doanh đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) *Xác định giá trị*

Chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) *Giảm giá*

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) *Chấm dứt ghi nhận*

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(e) *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) *Tài sản cố định hữu hình*

(i) *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

» Nhà cửa và cấu trúc	10 – 50 năm
» Máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
» Phương tiện vận chuyển	10 năm
» Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
» Gia súc	6 năm
» Khác	3 năm

(h) Tài sản cố định vô hình**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác phản ánh thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng, có được thông qua hợp nhất kinh doanh và ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4-10 năm.

(j) Bất động sản đầu tư**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

» Quyền sử dụng đất	49 năm
» Cơ sở hạ tầng	10 năm
» Nhà cửa	10 – 50 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không tính khấu hao.

(j) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm. Công cụ và dụng cụ khác phản ánh chi phí công cụ và dụng cụ sử dụng trong quá trình sản xuất và điều hành và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

(iii) **Chi phí khác**

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

(l) **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại Công ty con, Công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phản ánh tài sản tài chính theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Tập đoàn đã phát hành và được Tập đoàn mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc được tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) **Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) **Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(s) **Doanh thu hoạt động tài chính**

(i) **Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) **Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(iii) **Doanh thu từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(t) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) **Phân phối cổ tức**

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tập đoàn.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Số cổ tức cuối năm được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

(v) **Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Tập đoàn như sau:

Quỹ đầu tư phát triển
Quỹ dự phòng tài chính

10% lợi nhuận sau thuế
đến 5% lợi nhuận sau thuế

Tập đoàn ngưng trích lập quỹ dự phòng tài chính khi số tiền trong quỹ đạt 10% trên vốn điều lệ. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất và qui mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Tập đoàn.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(y) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận khu vực địa lý và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Việc xác định bộ phận theo khu vực địa lý và hoạt động kinh doanh được dựa trên cấu trúc báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước ngoài (“Xuất khẩu”).

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ	2013 VNĐ	2012 VNĐ	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Doanh thu thuần bán hàng	26.534.661.061.703	22.849.151.383.120	44.13.941.065.603	3.712.422.796.844	30.948.602.127.306	26.561.574.179.964
Giá vốn hàng bán	(16.313.347.650.303)	(14.546.267.732.706)	(3.452.446.030.172)	(2.938.562.514.482)	(19.765.793.680.474)	(17.484.830.247.188)
Thu nhập theo bộ phận	10.221.313.411.400	8.302.883.650.414	961.495.035.431	773.860.282.362	11.182.808.446.832	9.076.743.932.776

5. Các giao dịch chủ yếu

(i) Mua lại Driftwood Dairy Holdings Corporation

Ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty hoàn tất việc mua lại 70% Driftwood Dairy Holdings Corporation – một nhà máy sản xuất sữa ở Hoa Kỳ, với tổng khoản thanh toán là 158 tỷ VNĐ. Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch này được xác định như sau:

	VND
Tổng chi cho giao dịch mua	157.750.560.000
Phần nợ phải trả thuần mua về	9.129.389.640
Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua (Thuyết minh 17)	166.879.949.640

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua lại hoạt động kinh doanh phát sinh chủ yếu từ giá trị cộng hưởng của hoạt động kinh doanh mà Ban Điều hành mong đợi nhận thấy bằng việc tích hợp Driftwood Dairy Holdings Corporation vào hoạt động kinh doanh hiện tại của Tập đoàn.

(ii) **Đầu tư mới vào Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa**

Ngày 17 tháng 11 năm 2013, Tập đoàn đầu tư vào một Công ty con mới – Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa với quyền biểu quyết là 96,33%, với tổng khoản thanh toán là 578 tỷ VNĐ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã chuyển 4,3 tỷ VNĐ để góp vốn cho Công ty con này.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt	1.290.261.776	1.007.244.458
Tiền gửi ngân hàng	1.393.244.021.897	850.362.916.346
Tiền đang chuyển	-	750.000.000
Các khoản tương đương tiền	1.351.111.042.277	400.000.000.000
	2.745.645.325.950	1.252.120.160.804

7. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đầu tư ngắn hạn vào:		
• Chứng khoán niêm yết	188.758.772.692	211.020.970.112
• Chứng khoán chưa niêm yết	82.533.803.026	82.283.660.000
• Tiền gửi có kỳ hạn	3.600.000.000.000	2.974.000.000.000
• Trái phiếu doanh nghiệp	-	300.000.000.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	442.000.000.000	472.000.000.000
	4.313.292.575.718	4.039.304.630.112
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(145.974.953.400)	(130.028.675.620)
	4.167.317.622.318	3.909.275.954.492

7. Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	130.028.675.620	79.244.243.600
Tăng dự phòng trong năm	24.708.724.000	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.449.609.300)	-
Phân loại lại từ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	54.008.653.800
Hoàn nhập	(7.312.836.920)	(3.224.221.780)
Số dư cuối năm	145.974.953.400	130.028.675.620

8. Các khoản phải thu

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tài sản thiếu chờ xử lý	737.900.941	-
Lãi tiền gửi	186.194.305.557	55.733.508.797
Cổ tức phải thu	6.280.283.226	-
Lãi trái phiếu và lãi cho vay phải thu	-	27.586.763.700
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	126.227.097.567	235.708.097.835
Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	80.172.000.489	76.841.890.627
Phải thu khác	17.655.131.863	7.884.229.656
	417.266.719.643	403.754.490.615

9. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	545.709.876.853	702.869.203.610
Nguyên vật liệu	1.672.882.301.995	2.041.420.485.347
Công cụ và dụng cụ	8.098.365.017	8.332.323.313
Sản phẩm dở dang	138.430.291.511	89.198.796.393
Thành phẩm	837.395.279.814	591.779.813.093
Hàng hóa	24.520.590.546	20.857.268.341
Hàng gửi đi bán	823.248.697	21.842.627.806
	3.227.859.954.432	3.476.300.517.903
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.376.905.544)	(3.455.165.385)
	3.217.483.048.888	3.472.845.352.518

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	3.455.165.385	4.933.906.670
Tăng dự phòng trong năm	12.956.320.720	8.686.194.492
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.412.200.625)	(1.688.279.614)
Hoàn nhập	(4.622.379.936)	(8.476.656.163)
Số dư cuối năm	10.376.905.544	3.455.165.385

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cấu trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.187.312.617.245	4.404.145.312.663	362.119.442.659
Tăng trong năm	21.443.281.411	170.337.213.245	31.869.550.334
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	853.321.619.066	2.882.475.196.555	189.992.039.573
Chuyển từ hàng tồn kho	-	-	-
Tăng do mua lại doanh nghiệp	78.789.493.059	320.489.345.662	22.518.303.621
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.460.558.894)	(469.928.364)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(1.097.097.639)	(10.388.099.548)	(1.244.306.113)
Thanh lý	(10.010.177.958)	(17.750.933.890)	(14.313.380.542)
Phân loại lại	(181.957.903)	(1.409.049.049)	1.195.238.095
Số dư cuối năm	2.126.117.218.387	7.747.429.057.274	592.136.887.627
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	264.232.142.882	1.641.426.724.725	151.530.046.106
Khấu hao trong năm	77.250.222.562	561.606.403.695	41.657.775.642
Tăng do mua lại doanh nghiệp	29.151.154.036	230.576.820.909	19.234.838.299
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.353.912.542)	(293.316.235)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(596.349.982)	(4.466.990.118)	(311.799.285)
Thanh lý	(3.362.269.602)	(14.446.301.494)	(8.088.626.123)
Phân loại lại	2.425.343	(1.010.384.132)	946.573.604
Số dư cuối năm	365.323.412.697	2.413.392.957.350	204.968.808.243
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	923.080.474.363	2.762.718.587.938	210.589.396.553
Số dư cuối năm	1.760.793.805.690	5.334.036.099.924	387.168.079.384

(*) Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của tài sản cố định hiện tại không đáp ứng định nghĩa ghi nhận tài sản cố định được quy định trong Điều 3 của Thông tư 45, có nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 829.810.123.906 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 671.586.199.605 VND).

Thiết bị văn phòng	Gia súc	Khác	Tổng cộng
VNĐ	VNĐ		VNĐ
316.019.727.093	243.278.216.767	-	6.512.875.316.427
93.830.103.903	1.418.527.662	-	318.898.676.555
26.291.293.370	-	-	3.952.080.148.564
-	52.940.783.988	-	52.940.783.988
12.780.062.096		52.379.099.002	486.956.303.440
-	-	-	(3.930.487.258)
(41.876.973.950)	(37.202.623.488)	(313.842.255)	(92.122.942.993)
(7.103.428.556)	(31.487.930.578)	-	(80.665.851.524)
631.314.857	-	-	235.546.000
400.572.098.813	228.946.974.351	52.065.256.747	11.147.267.493.199
162.403.480.845	69.839.462.266	-	2.289.431.856.824
51.747.651.000	39.340.277.534	5.389.951	771.607.720.384
9.995.180.022	-	43.415.349.204	332.373.342.470
-	-	-	(1.647.228.777)
(28.501.936.669)	(15.926.112.623)	(5.389.951)	(49.808.578.628)
(7.008.792.787)	(10.842.400.194)	-	(43.748.390.200)
61.385.185	-	-	-
188.696.967.596	82.411.226.983	43.415.349.204	3.298.208.722.073
153.616.246.248	173.438.754.501	-	4.223.443.459.603
211.875.131.217	146.535.747.368	8.649.907.543	7.849.058.771.126

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Khác	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	324.478.280.840	62.701.742.344	-	387.180.023.184
Tăng trong năm	37.683.017.909	8.883.112.715	-	46.566.130.624
Tăng từ Công ty con mới mua lại	212.908.000.000	-	68.510.001.897	281.418.001.897
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	30.097.930.832	24.588.635.232	-	54.686.566.064
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(15.850.800.000)	-	-	(15.850.800.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(264.952.072)	-	(264.952.072)
Thanh lý	-	(702.055.800)	-	(702.055.800)
Phân loại lại	-	(235.546.000)	-	(235.546.000)
Giảm khác	(62.055.125.624)	-	-	(62.055.125.624)
Số dư cuối năm	527.261.303.957	94.970.936.419	68.510.001.897	690.742.242.273
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	82.756.148.988	50.808.218.640	-	133.564.367.628
Khấu hao trong năm	5.329.218.448	5.208.965.579	-	10.538.184.027
Tăng từ Công ty con mới mua lại	-	-	47.943.521.448	47.943.521.448
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(129.993.863)	-	(129.993.863)
Thanh lý	-	(702.055.800)	-	(702.055.800)
Giảm khác	(31.957.194.792)	-	-	(31.957.194.792)
Số dư cuối năm	56.128.172.644	55.185.134.556	47.943.521.448	159.256.828.648
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	241.722.131.852	11.893.523.704	-	253.615.655.556
Số dư cuối năm	471.133.131.313	39.785.801.863	20.566.480.449	531.485.413.625

(*) Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của tài sản cố định hiện tại không đáp ứng định nghĩa ghi nhận tài sản cố định được quy định trong Điều 3 của Thông tư 45, có nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15).

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 47.704.588.915 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 45.221.516.597 VND).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	3.565.241.433.334	1.295.087.396.884
Tăng trong năm	1.127.953.553.346	3.244.215.655.105
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.952.080.148.564)	(961.162.499.610)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(54.686.566.064)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(38.884.288.170)	-
Giảm khác	(109.671.633.254)	(12.899.119.045)
Số dư cuối năm	537.872.350.628	3.565.241.433.334

Trong đó, có giá trị các công trình lớn đang thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Nhà máy Sữa Việt Nam	27.693.383.103	1.819.204.239.183
Nhà máy sữa bột Việt Nam	22.234.884.364	1.509.809.070.248
Chi nhánh Cần Thơ	52.101.510.922	45.086.527.051
Trang trại Bò Sữa (*)	35.827.102.037	35.366.294.536
Nhà máy sữa Lam Sơn (*)	7.800.711.948	4.045.436.097
Nhà máy sữa Đà Nẵng	-	21.448.226.014
Nhà máy sữa Sài Gòn	-	591.352.078
Nhà máy sữa Tiên Sơn	92.638.406.909	-
Khác	299.576.351.346	129.690.288.127
	537.872.350.628	3.565.241.433.334

(*) Những công trình thuộc sở hữu của Công ty.

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Nhà cửa	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	27.489.150.000	5.994.290.197	84.183.047.263	117.666.487.460
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	15.850.800.000	612.850.894	3.317.636.364	19.781.287.258
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	38.884.288.170	-	-	38.884.288.170
Số dư cuối năm	82.224.238.170	6.607.141.091	87.500.683.627	176.332.062.888
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	1.743.730.508	19.208.367.862	20.952.098.370
Khấu hao trong năm	264.518.968	643.677.805	3.378.821.967	4.287.018.740
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	324.282.781	1.322.945.996	1.647.228.777
Số dư cuối năm	264.518.968	2.711.691.094	23.910.135.825	26.886.345.887
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	27.489.150.000	4.250.559.689	64.974.679.401	96.714.389.090
Số dư cuối năm	81.959.719.202	3.895.449.997	63.590.547.802	149.445.717.001

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn phản ánh quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng và nhà cửa giữ nhằm thu được doanh thu cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định do hiện không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn.

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 7.228.577.143 VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 6.976.800.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các Công ty liên kết và liên doanh				
• Miraka Limited	19,3% (*)	19,3% (*)	248.670.851.841	178.904.317.366
• Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	15,0% (*)	15,0% (*)	27.975.762.678	21.888.373.590
• Dự án Căn hộ Horizon - Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	24,5%	24,5%	7.982.684.826	9.942.684.826
• Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu Sữa tại Việt Nam	-	-	-	7.209.270.725
			284.629.299.345	217.944.646.507
Các khoản đầu tư dài hạn khác				
• Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn			-	50.000.000.000
• Các quỹ đầu tư			21.677.078.220	30.540.000.000
• Đầu tư dài hạn khác			22.250.548.736	300.000.000
			43.927.626.956	80.840.000.000
			328.556.926.301	298.784.646.507
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			(10.248.632.262)	(14.355.884.467)
			318.308.294.039	284.428.762.040

(*) Ban Điều hành đánh giá rằng Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đối với hai Công ty này bởi vì hai thành viên trong Ban Điều hành của Tập đoàn là thành viên Hội Đồng Quản Trị của hai Công ty này.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Số dư đầu năm	14.355.884.467	142.350.792.629
Tăng dự phòng trong năm	238.406.621	763.261.300
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.345.658.826)	-
Hoàn nhập	-	(74.749.515.662)
Phân loại lại sang dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(54.008.653.800)
Số dư cuối năm	10.248.632.262	14.355.884.467

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước	Công cụ và dụng cụ	Chi phí trả trước khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	2.159.885.571	37.556.491.051	1.357.601.500	41.073.978.122
Tăng trong năm	8.455.270.242	147.440.864.836	92.427.754.240	248.323.889.319
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	-	42.314.364.365	-	42.314.364.365
Chuyển từ tài sản cố định vô hình (*)	-	134.958.209	-	134.958.209
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(852.304.998)	(102.324.091.622)	(1.010.634.673)	(104.187.031.293)
Chuyển sang chi phí	(3.329.984.359)	(41.171.453.715)	(12.006.882.332)	(56.508.320.406)
Số dư cuối năm	6.432.866.456	83.951.133.124	80.767.838.735	171.151.838.315

(*) Chuyển từ tài sản cố định thể hiện giá trị còn lại của tài sản cố định hiện tại không đáp ứng định nghĩa ghi nhận tài sản cố định được quy định trong Điều 3 của Thông tư 45, có nguyên giá thấp hơn 30 triệu VNĐ. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong kỳ (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 11). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn hữu dụng ước tính, nhưng không quá ba năm.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản mục sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	597.622.666	2.593.255.781
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	114.702.999.974	105.408.691.291
	115.300.622.640	108.001.947.072

17. Lợi thế thương mại

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Số dư đầu năm	13.662.186.598	15.503.335.522
Tăng do mua lại một Công ty con	166.879.949.640	-
Phân bổ trong năm	(1.213.435.128)	(1.841.148.924)
Giảm khác	(4.864.781.928)	-
Số dư cuối năm	174.463.919.182	13.662.186.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

171

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay ngắn hạn	517.000.000	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	178.426.692.147	-
	178.943.692.147	-

Các khoản vay ngắn hạn phát sinh ở Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa. Các khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất 12% một năm.

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	106.950.956.654	59.106.005.706
Thuế nhập khẩu	-	3.932.727.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.889.518.369	252.860.913.932
Thuế thu nhập cá nhân	12.853.254.782	18.020.617.756
Các loại thuế khác	32.175.181	32.604.800
	456.725.904.986	333.952.869.847

20. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Hỗ trợ bán hàng cho nhà phân phối	218.642.778.937	172.183.794.781
Chi phí quảng cáo	66.981.178.134	116.910.036.213
Chi phí vận chuyển	40.344.338.573	23.976.054.607
Chi phí nhiên liệu	18.140.900.939	7.115.522.438
Chi phí bảo trì và sửa chữa	12.478.798.051	5.797.227.711
Chi phí nhân công thuê ngoài	13.071.225.266	11.164.299.513
Chi phí lãi vay	384.249.613	-
Chi phí phải trả khác	120.717.500.491	27.956.701.587
	490.760.970.004	365.103.636.850

21. Các khoản phải trả khác

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền ký quỹ ngắn hạn nhận được	21.931.607.492	18.642.185.025
Thuế nhập khẩu phải nộp	108.992.820.343	176.541.502.888
Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính (*)	448.007.419.155	448.007.419.155
Cổ tức phải trả	664.944.528.680	-
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	945.240.476	582.711.892
Phải trả khác	96.941.190.899	20.363.229.449
	1.341.762.807.045	664.137.048.409

(*) Phải trả khác về đầu tư tài chính bao gồm một khoản nhận trả trước 447.822.000.000 VND từ một bên thứ ba về việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty vào một ngân hàng trong tương lai. Việc chuyển nhượng này chỉ có hiệu lực khi được sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị và các cổ đông sáng lập của ngân hàng này; hoặc sau 5 năm kể từ ngày thành lập ngân hàng này, tùy theo sự kiện nào xảy ra trước.

22. Vay dài hạn

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay dài hạn	362.569.476.550	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18)	(178.426.692.147)	-
Hoàn trả sau 12 tháng	184.142.784.403	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Wells Fargo					
Khoản vay 1	USD	3,75%	2016	74.835.282.296	-
Khoản vay 2	USD	4,25%	2016	115.940.000.000	-
Khoản vay 3	USD	4,25%	2016	24.111.957.480	-
Lincoln National	USD	15%	2015	131.742.704.212	-
Các cá nhân khác	VND	0%	2039	15.939.526.870	-
				362.569.470.858	-

23. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	59.635.777.000	66.923.897.268
Dự phòng lập trong năm	12.277.166.717	1.687.443.587
Dự phòng sử dụng trong năm	(609.124.300)	(680.685.501)
Hoàn nhập	(1.720.526.167)	(8.294.878.354)
Số dư cuối năm	69.583.293.250	59.635.777.000

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.561.147.540.000	1.276.994.100.000	(2.521.794.000)
Tăng vốn trong năm	2.778.410.420.000	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.982.321.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-
Cổ tức	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(4.504.115.000)
Giảm cổ phiếu thưởng đã phát hành	-	-	(38.950.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(525.442.959)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(5.068.507.959)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
908.024.236.384	556.114.754.000	4.177.446.360.100	12.477.205.196.484
(1.628.883.194.992)	-	(1.149.527.225.008)	-
-	-	-	(1.982.321.000)
-	-	5.819.454.717.083	5.819.454.717.083
814.747.976.337	32.287.268.008	(1.425.622.185.054)	(578.586.940.709)
-	-	(2.222.994.056.000)	(2.222.994.056.000)
93.889.017.729	588.402.022.008	5.198.757.611.121	15.493.096.595.858
22.835.000	-	16.115.000	-
-	-	-	(525.442.959)
-	-	6.534.133.662.834	6.534.133.662.834
856.326.130.883	245.553.773.992	(1.749.089.266.584)	(647.209.361.709)
-	-	(3.834.006.138.600)	(3.834.006.138.600)
950.237.983.612	833.955.796.000	6.149.811.983.770	17.545.489.315.423

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	833.955.796	8.339.557.960.000	833.955.796	8.339.557.960.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	833.955.796	8.339.557.960.000	833.955.796	8.339.557.960.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(488.735)	(5.068.507.959)	(430.120)	(4.504.115.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	833.467.061	8.334.489.452.041	833.525.676	8.335.053.845.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông đã quyết định phân phối khoản cổ tức lần lượt là 1.500 tỷ VNĐ (1.800 VNĐ mỗi cổ phiếu) vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 và 1.667 tỷ VNĐ (2.000 VNĐ mỗi cổ phiếu) vào ngày 31 tháng 7 năm 2013 và 667 tỷ VNĐ (800 VNĐ mỗi cổ phiếu) vào ngày 30 tháng 11 năm 2013.

27. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng doanh thu		
• Bán thành phẩm	31.150.951.345.551	26.687.053.494.046
• Bán hàng hóa	392.518.053.443	378.856.511.250
• Cho thuê bất động sản đầu tư	12.125.306.829	11.694.544.989
• Các dịch vụ khác	30.412.427.799	24.079.188.993
	31.586.007.133.622	27.101.683.739.278
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Chiết khấu thương mại	(615.609.946.192)	(529.926.422.029)
• Hàng bán bị trả lại	(21.795.060.124)	(10.183.137.285)
	(637.405.006.316)	(540.109.559.314)
Doanh thu thuần	30.948.602.127.306	26.561.574.179.964

28. Giá vốn hàng bán

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán		
• Thành phẩm đã bán	19.356.246.171.629	17.110.723.660.326
• Hàng hoá đã bán	333.087.645.676	313.985.989.376
• Bất động sản đầu tư cho thuê	7.083.811.145	5.511.306.230
• Dịch vụ khác	2.153.118.401	1.021.956.715
• Tổn thất hàng tồn kho	7.972.098.132	6.163.282.024
• Chi phí hoạt động dưới công suất	50.916.894.707	47.214.514.188
• Tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.333.940.784	209.538.329
	19.765.793.680.474	17.484.830.247.188

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi tiền gửi	370.757.416.185	249.762.897.095
Lãi trái phiếu	23.338.013.697	77.056.806.958
Lãi cho vay	625.185.469	468.750.000
Lãi thanh lý chứng khoán	12.258.500	8.790.592.000
Cổ tức	22.767.489.751	35.619.974.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	89.847.345.276	103.438.947.734
Doanh thu hoạt động tài chính khác	638	100.617.862
	507.347.709.516	475.238.586.049

30. Chi phí tài chính

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Hỗ trợ thanh toán cho nhà phân phối	26.181.425.042	31.602.235.707
Chi phí lãi vay từ các khoản vay	104.027.048	3.114.837.973
Chi phí lãi từ các khoản ký quỹ nhận được	805.352.929	1.016.360.739
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.550.432.486	37.855.110.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.064.625.014	23.750.178.315
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	17.634.293.701	(77.210.476.142)
Chi phí tài chính khác	3.450.661.270	31.042.882.273
	90.790.817.490	51.171.129.415

31. Chi phí bán hàng

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí quảng cáo	885.452.890.656	586.620.623.362
Chi phí khuyến mãi	942.567.027.026	635.694.113.386
Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối	512.198.480.608	405.354.439.716
Chi phí nhân viên	194.049.933.281	154.142.240.782
Chi phí nguyên vật liệu	60.524.090.011	56.236.043.231
Chi phí công cụ, dụng cụ	82.551.394.335	61.297.993.881
Chi phí khấu hao	24.911.649.370	25.653.373.488
Chi phí hàng hỏng	13.414.638.552	13.803.784.829
Chi phí vận chuyển	385.469.435.879	307.016.838.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.292.088.948	99.969.890.863
	3.276.431.628.666	2.345.789.341.875

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí nhân viên	203.720.294.882	165.496.215.666
Chi phí vật liệu quản lý	17.697.620.827	13.566.054.345
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.519.542.351	4.275.239.859
Chi phí khấu hao	62.917.986.126	60.091.120.002
Thuế, phí và lệ phí	6.898.909.318	15.421.910.323
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng trợ cấp thôi việc	12.407.364.263	1.344.579.930
Chi phí vận chuyển hàng nội bộ	43.865.767.765	50.852.128.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.818.765.982	123.243.688.760
Chi phí nhập hàng	20.323.775.456	24.670.644.465
Công tác phí	18.520.954.726	18.037.151.325
Chi phí dịch vụ ngân hàng	3.471.288.316	5.975.197.656
Chi phí khác	61.093.236.238	42.223.338.513
	611.255.506.250	525.197.269.346

33. Thu nhập khác

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	29.581.525.306	38.249.877.676
Thu từ thanh lý công cụ, dụng cụ và các thiết bị kỹ thuật khác	96.319.979.308	94.593.140.503
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	938.427.793	789.778.800
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	167.756.170.079	196.470.446.738
Thu nhập khác	18.861.796.533	20.220.100.031
	313.457.899.019	350.323.343.748

34. Chi phí khác

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	36.917.461.324	58.923.685.176
Chi phí khác	21.902.400.710	4.082.590.937
	58.819.862.034	63.006.276.113

35. Thuế thu nhập

(i) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.472.499.920.010	1.119.335.324.019
Dự phòng thiếu trong năm trước	10.948.296.650	18.236.511.541
	1.483.448.216.660	1.137.571.835.560
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(7.298.675.568)	(27.358.535.564)
Chi phí thuế thu nhập	1.476.149.541.092	1.110.213.299.996

(ii) *Đối chiếu thuế suất thực tế*

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	8.010.256.856.719	6.929.668.017.079
Thuế theo thuế suất của Công ty	2.002.564.214.180	1.732.417.004.270
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất của các chi nhánh và nhà máy của Công ty	(282.235.173.307)	(313.944.391.849)
Thu nhập không bị tính thuế	(13.678.892.481)	(21.681.732.054)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.544.277.757	6.147.267.330
Ưu đãi thuế	(253.697.982.690)	(316.897.335.259)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	11.018.011.195	(7.099.509.506)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại xóa sổ	-	5.315.132.448
Tài sản lỗ tính thuế không ghi nhận trên các khoản lỗ tính thuế trong năm hiện hành của các Công ty con	-	7.720.353.075
Giảm tài sản thuế hoãn lại do giảm thuế suất từ 25% xuống 22%	15.722.812.178	-
Dự phòng thiếu trong năm trước	10.948.296.650	18.236.511.541
	1.476.149.541.092	1.110.213.299.996

(iii) *Thuế suất áp dụng*

Các Công ty trong Tập đoàn chịu thuế thu nhập theo các mức thuế suất khác nhau từ 15% đến 40% tùy thuộc vào địa điểm kinh doanh tính trên thu nhập chịu thuế. Trong Tập đoàn, chỉ có Công ty và Công ty TNHH Một Thành viên Lam Sơn có phát sinh chi phí thuế thu nhập. Các Công ty con còn lại trong Tập đoàn chưa có thu nhập chịu thuế.

36. *Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông	6.534.133.662.834	5.819.454.717.083

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013	2012
Số lượng cổ phiếu phổ thông đầu năm	833.525.676	555.867.614
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	-	277.879.835
Mua lại cổ phiếu quỹ	(20.428)	(107.863)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	833.505.248	833.639.586

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37. Các công cụ tài chính**(a) Quản lý rủi ro tài chính****(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) *Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng*

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	2.744.355.064.174	1.251.112.916.346
Tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	3.600.000.000.000	2.974.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	2.305.337.326.185	1.669.743.665.741
Đầu tư ngắn hạn – công cụ nợ	(iv)	-	300.000.000.000
Đầu tư dài hạn – công cụ nợ	(iv)	-	50.000.000.000
		8.649.692.390.359	6.244.856.582.087

(ii) *Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn*

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) *Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét khi cần. Khách hàng không thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các Công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	182.137.670.525	13.392.747.256
Quá hạn từ 31 – 60 ngày	1.522.157.190	214.534.274
Quá hạn từ 61 – 90 ngày	132.616.901	574.491.413
Quá hạn trên 90 ngày	166.581.220	-
	183.959.025.836	14.181.772.943

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	3.852.583.886	1.918.007.430
Tăng dự phòng trong năm	7.317.652.651	1.972.328.394
Xóa sổ	(3.783.148.628)	(37.751.938)
Số dư cuối năm	7.387.087.909	3.852.583.886

(iv) Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn – công cụ nợ

Rủi ro tín dụng đầu tư vào trái phiếu của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố riêng của bên phát hành. Trong việc kiểm soát rủi ro đối với khoản mục này, Ban Điều hành của Tập đoàn đã phân tích mức độ tín nhiệm của bên phát hành trước khi mua. Ban Điều hành nhận thấy rằng bên phát hành có khả năng tài chính tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ nợ này là thấp.

Trong năm, không có dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công cụ nợ.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Dòng tiền theo hợp đồng VNĐ	Trong vòng 1 năm VNĐ	1 – 2 năm VNĐ	2 – 5 năm VNĐ	Hơn 5 năm VNĐ
Phải trả người bán	1.968.257.136.188	1.968.257.136.188	-			
Phải trả người lao động	137.540.107.294	137.540.107.294	-	-	-	
Chi phí phải trả	490.760.970.004	490.760.970.004	-	-	-	
Các khoản phải trả khác	1.341.762.807.045	1.341.762.807.045	-	-	-	
Phải trả dài hạn	5.036.159.560	5.036.159.560	-	5.036.159.560	-	
Vay ngắn hạn	178.943.692.147	204.657.303.863	204.657.303.863	-	-	
Vay dài hạn	184.142.784.403	198.513.958.271	-	50.652.124.622	131.922.306.779	15.939.526.870
	4.306.443.656.641	4.346.528.442.225	204.657.303.863	55.688.284.182	131.922.306.779	15.939.526.870

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Dòng tiền theo hợp đồng VNĐ	Trong vòng 1 năm VNĐ
Phải trả người bán	2.247.659.149.802	2.247.659.149.802	2.247.659.149.802
Phải trả người lao động	106.150.509.860	106.150.509.860	106.150.509.860
Chi phí phải trả	365.103.636.850	365.103.636.850	365.103.636.850
Các khoản phải trả khác	664.137.048.409	664.137.048.409	664.137.048.409
	3.383.050.344.921	3.383.050.344.921	3.383.050.344.921

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, là VNĐ. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và tiền gửi ngân hàng	16.776.618	21.606	11.737.838	49.848
Phải thu khách hàng và phải thu khác	40.228.189	-	26.862.852	9.151
Phải trả người bán và phải trả khác	(28.256.420)	(6.861.815)	(35.559.707)	(12.185.695)
	28.748.387	(6.840.209)	3.040.983	(12.126.696)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
1 USD	21.080	20.800
1 EUR	28.956	27.301

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

Ảnh hưởng đối với lãi thuần VNĐ	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 5%)	22.725.600.132
EUR (mạnh thêm 5%)	(7.427.441.572)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (mạnh thêm 5%)	2.371.967.217
EUR (mạnh thêm 5%)	(12.415.160.621)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Tập đoàn.

(ii) **Rủi ro lãi suất**

Các thay đổi lãi suất sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

(iii) **Rủi ro giá**

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các Công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các Công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong hai năm vừa qua.

Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập đoàn sẽ cao/thấp hơn 7.526.266.200 VNĐ tương ứng với xu hướng thay đổi của giá (31/12/2012: 10.425.695.430 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013		31/12/2012	
		Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
		VND	VND	VND	VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết	(ii)	9.521.269.292	26.326.080.000	9.521.269.292	23.839.728.000
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:					
- Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	3.600.000.000.000	3.600.000.000.000	2.974.000.000.000	2.974.000.000.000
- Trái phiếu của các tổ chức tài chính	(v)	-	-	300.000.000.000	Thuyết minh (v)
- Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(v)	-	-	50.000.000.000	Thuyết minh (v)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	2.744.355.064.174	2.744.355.064.174	1.251.112.916.346	1.251.112.916.346
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	(i)	2.305.337.326.184	2.305.337.326.184	1.669.743.665.741	1.669.743.665.741
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết	(ii)	179.237.503.400	100.350.264.600	201.499.700.820	140.029.324.400
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết	(iii)	82.533.803.026	15.446.113.626	82.283.660.000	13.725.392.800
- Đầu tư ngắn hạn khác	(v)	442.000.000.000	Thuyết minh (v)	472.000.000.000	Thuyết minh (v)
- Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư	(iv)	21.677.078.220	11.428.445.958	30.540.000.000	16.184.115.533
- Đầu tư dài hạn khác	(v)	22.250.548.736	Thuyết minh (v)	300.000.000	Thuyết minh (v)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
- Phải trả người bán và phải trả khác	(i)	(4.306.443.656.641)	(4.306.443.656.641)	(3.383.050.344.921)	(3.383.050.344.921)

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này gần bằng với giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết

Giá trị thị trường của công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch chính thức cuối cùng của kỳ tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết dựa trên giá giao dịch bình quân do ba Công ty chứng khoán cung cấp.

(iv) Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư

Giá trị thị trường của các quỹ đầu tư dựa trên giá trị tài sản thuần của danh mục quỹ được xác nhận bởi Công ty chứng khoán và ngân hàng giám sát được bổ nhiệm.

(v) Trái phiếu doanh nghiệp ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn khác, trái phiếu doanh nghiệp dài hạn và đầu tư dài hạn khác

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Miraka Limited	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	182.836.660.880	376.348.603.444
		Góp vốn	33.713.307.770	-
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	11.414.335.000	37.676.635.000
		Bán hàng hóa và dịch vụ	228.233.276	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Tiền lương, thưởng	61.379.663.770	56.403.673.599
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước		Trả cổ tức	1.427.781.600.000	1.001.952.000.000

39. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	180.816.143.352	341.946.216.953

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong vòng một năm	10.229.299.096	8.415.283.099
Trong vòng hai đến năm năm	40.917.196.384	33.661.132.396
Sau năm năm	298.345.396.804	237.595.297.887
	349.491.892.284	279.671.713.382

41. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	18.391.025.570.770	16.368.626.885.672
Chi phí nhân công	972.049.819.144	736.961.575.667
Chi phí khấu hao	780.751.440.172	534.303.105.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.222.110.846.980	922.116.282.884
Chi phí khác	2.628.574.296.692	1.842.875.132.323

42. Các sự kiện sau ngày khóa sổ

Ngày 6 tháng 1 năm 2014, Công ty đã góp vốn thành lập một Công ty con tại Campuchia, với tổng vốn điều lệ là 23.000.000 USD, trong đó Công ty góp 51%.

Ngày 24 tháng 2 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra nghị quyết giải thể Công ty TNHH Một Thành viên Bất động sản Quốc tế, một Công ty con sở hữu 100%.

Ngày 28 tháng 2 năm 2014

Người lập



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang
Giám đốc Điều hành tài chính

Người duyệt



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc



ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

TRỤ SỞ

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận
7, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : (84. 8) 54 155 555
Fax : (84. 8) 54 161 226
Email : vinamilk@vinamilk.com.vn
Website : www.vinamilk.com.vn

CHI NHÁNH BÁN HÀNG

1. CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc
Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
ĐT : (84 4) 37 246 019
Fax : (84 4) 37 246 005.

2. CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

12 Chi Lăng, Phường Hải Châu 2, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT : (84 511) 3 584 848
Fax : (84 511) 3 897 223

3. CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

86D Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT : (84 710) 6 256 555
Fax : (84 710) 3 827 334



CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. NHÀ MÁY SỮA TRƯỜNG THỌ

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 62 527 555
Fax: (84 8) 38 966 884

2. NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

12 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 625 29 555
Fax: (84 8) 62 88 57 27

3. NHÀ MÁY SỮA DIELAC

Xa lộ Hà Nội, KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (84 61) 6 256 555
Fax: (84 61) 3 836 015

4. NHÀ MÁY SỮA BỘT VIỆT NAM

Số 9, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore 1, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (84 65) 3799 628
Fax: (84 65) 3799 625

5. NHÀ MÁY SỮA BÌNH ĐỊNH

87 Hoàng Văn Thụ, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: (84 56) 6 253 555
Fax: (84 56) 3 746 065

6. NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN

Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, Thị Xã Cửa Lò, Nghệ An
ĐT: (84 38) 6 259 555
Fax: (84 38) 3 824 717

7. NHÀ MÁY SỮA SÀI GÒN

Lô 1-18 Khu G1 - KCN Tân Thới Hiệp, Hương lộ 80, Phường Hiệp Thành, Q.12, TP. HCM
ĐT: (84 8) 62528 555
Fax: (84 8) 37 176 353

8. NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

Lô 46, Khu Công Nghiệp Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
ĐT: (84 710) 6 258 555
Fax: (84 710) 6 255 998

9. NHÀ MÁY SỮA TIỀN SƠN

Khu Công Nghiệp Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
ĐT: (84 241) 3 739 568
Fax: (84 241) 3 714 814

10. NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM

Lô A, đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, Thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (84 650) 3 556 839
Fax: (84 650) 3 556 890

11. NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG

Lô Q, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: (0511) 6259 777
Fax: (0511) 6259 555

12. NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM

Lô A-4-CN, A-5-CN, A-6-CN, A-7-CN, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
ĐT: (84 65) 3559988
Fax: (84 65) 3559960

13. XÍ NGHIỆP KHO VẬN HCM

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 62 526 555
Fax: (84 8) 38 960 804

14. XÍ NGHIỆP KHO VẬN HÀ NỘI

Km 10/Quốc lộ 5, X. Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
ĐT: (84 4) 36789 489
Fax: (84 4) 38 276 966

15. PHÒNG KHÁM AN KHANG

184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 3930 2785
Fax: (84 8) 3930 2708

CÁC CÔNG TY CON

1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 54 155 555
Fax: (84 8) 54 161 226

2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN QUỐC TẾ

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 54 155 555
Fax: (84 8) 54 161 226

3. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỮA LAM SƠN

Khu Công Nghiệp Lễ Môn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (84 37) 3 912 540
Fax: (84 37) 3 912 541

4. CÔNG TY TNHH BÒ SỮA THỐNG NHẤT THANH HÓA

Khu phố 1, thị trấn NT Thống Nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam
ĐT: (84 37) 3514020
Fax: (84 37) 3599008

5. DRIFTWOOD DAIRY HOLDING CORPORATION

10724 E. Lower Azusa Road, El Monte, California 91731-1390, United States
ĐT: (626) 444-9591
Website: www.driftwooddairy.com

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

1. CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU THỰC PHẨM Á CHÂU SÀI GÒN

Lô C- 9E - CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (84 650) 3 510 175
Fax: (84 650) 3 510 176
Website: www.afv.vn

2. CÔNG TY TNHH MIRAKA

108 Tuwharetoa St, Taupo, New Zealand, PO Box 740, Taupo, 3351, New Zealand
ĐT: +64 7 376 0075
Fax: +64 7 377 0694



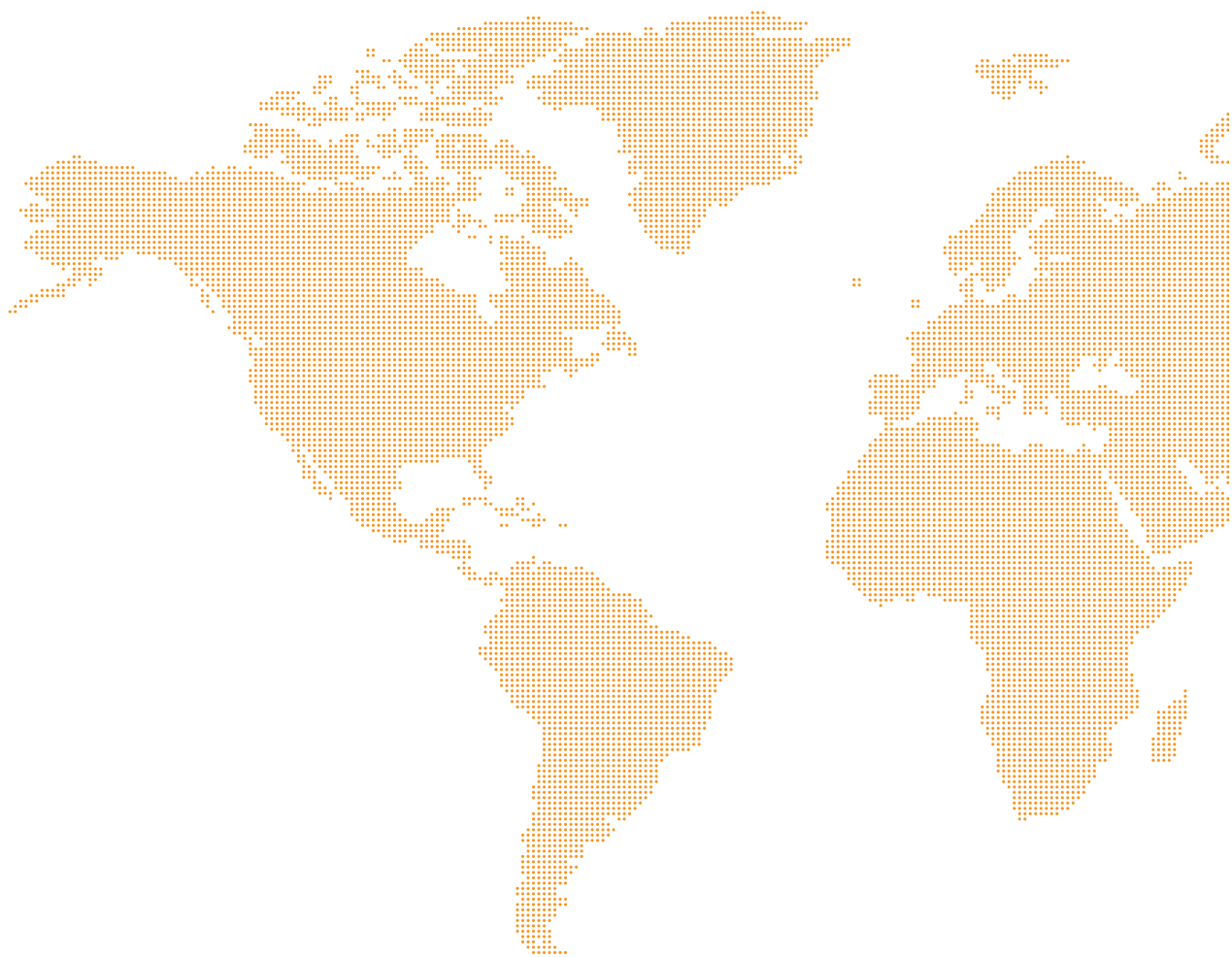
VINAMILK

TỰ HÀO SỮA VIỆT

XÚNG TẦM THẾ GIỚI







CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Trụ sở chính:

- 📍 10 Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- ☎ (+84. 8) 54 155 555
- 📠 (+84. 8) 54 161 226

www.vinamilk.com.vn